Ngoài số tiền chung đậu của quí Thầy, quí Cô và các Đạo-hữu ấn-tống quyền HỌC LÀM PHẬT này, Ban Kiến-Tạo Đại-Tòng-Lâm có xin in thêm 1000 quyền nữa để phát hành ủng-hộ Đại-Tòng-Lâm.



**Nguyện đem công-đức này,**
**Cầu cho khắp chúng-sanh,**
**Nghiệp-chướng được tiêu trừ,**
**Bồ-đề tâm tăng trưởng.**

*Nam-mô A-Di-Đà Phật.*
**Phật-tử THÍCH TRƯỜNG-LẠC**

*Sách ấn-tống*

*Kính biếu* ..........................................

..........................................................

.........................., *ngày* .............. *1964*

*Phật-tử* .......................................... *ấn-tống.*

LOẠI PHÁT HÀNH **Giá: 30$.**

In tại SEN-VÀNG 243, Sư Vạn-Hạnh CHOLON. Đ.T. 36.715
Giấy phép số 674/XB Bộ Thông-Tin, Saigon ngày 6-4-1964.

**Kỷ-Niệm Lễ Phật-Đản 2508**
— 1964 —

# HỌC LÀM PHẬT



Phật-tử: THÍCH TRƯỜNG-LẠC

Ngoài số tiền chung đậu của quí Thầy, quí Cô và các Đạo-hữu ấn-tống quyền HỌC LÀM PHẬT này, Ban Kiến-Tạo Đại-Tòng-Lâm có xin in thêm 1000 quyển nữa để phát hành ủng-hộ Đại-Tòng-Lâm.



**Nguyện đem công-đức này,**
**Cầu cho khắp chúng-sanh,**
**Nghiệp-chướng được tiêu trừ,**
**Bồ-đề tâm tăng trưởng.**

*Nam-mô A-Di-Đà Phật*

**Phật-tử THÍCH TRƯỜNG-LẠC**

*Sách ấn-tống*

*Kính biếu* ..............................

..............................

.................., *ngày* .............. 1964

*Phật-tử* .............................. *ấn-tống.*

LOẠI PHÁT HÀNH **Giá: 30$.**

In tại SEN-VÀNG 243, Sư Vạn-Hạnh CHOLON. Đ.T. 36.715
Giấy phép số 674/XB Bộ Thông-Tin, Saigon ngày 6-4-1964.

**Kỷ-Niệm Lễ Phật-Đản 2508**

— 1964 —

# HỌC LÀM PHẬT



Phật-tử: THÍCH TRƯỜNG-LẠC

Bác Sĩ Hà Ngọc Thuần tặng Quán Ven Đường

Phật-lịch 2508

# HỌC LÀM PHẬT

**với**

## PHƯƠNG-PHÁP KỀM CHẾ VỌNG-TÂM THEO KINH DI-GIÁO

*CHƯƠNG HAI*

*Phác-họa bằng mười bức tranh «chăn trâu»*



Phật-tử TRƯỜNG-LẠC

# LỜI NÓI ĐẦU

*Trên thế-gian này, thật-sự, không có lòng thương nào rộng-rãi bao-la, không bờ bến như tâm đại-từ-bi của chư Phật và Bồ-Tát. Đức Bổn-sư Thích-Ca Mâu-ni Thế-Tôn trọn một đời chỉ vì muốn cứu vớt chúng-sanh ra khỏi sông mê, biển khổ đưa lên bờ giác giải-thoát, an-vui vĩnh-viễn, nên ngài hoạt-động không ngừng. Thậm chí đến giờ phút cuối cùng, ngài vẫn còn ân-cần nhắc-nhở các Phật-tử về sự tu-hành. Khi sắp vào Niết-Bàn, trong một đêm khuya thanh vắng, đức Phật nói kinh DI-GIÁO dặn-dò các đệ-tử giống như lời của ông cha già dạy đám con thơ lúc gần lâm-chung.*

*Trong kinh DI-GIÁO, ở chương thứ hai, về sự CHẾ TÂM, Phật dạy rằng : « Các Tỳ-khưu đã thọ trì giới cấm, phải kềm-chế năm căn là : mắt, tai, mũi, lưỡi và thân chớ để nó bước vào cạm-bẫy năm dục là những ham muốn, thèm-thuồng đối với sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngọt và sự đụng chạm mềm-mại. Ví như chú mục-đồng tay luôn luôn cầm roi trông chừng con trâu không cho nó tự-do phá-hoại lúa, mạ của người. Các Tỳ-khưu cũng vậy, nếu phóng-túng năm căn, thì chẳng những sa vào cạm-bẫy năm dục, mà còn sụp hầm, rớt hố là khác ; sự nguy-hiểm ấy thật là không bờ bến kể không xiết ! Cũng ví như con ngựa dữ, nếu không có dây cương và hàm thiếc câu-thúc nó, thì tất nhiên nó sẽ lôi cả người sa xuống hố sâu. Giả thử các Tỳ-khưu bị giặc cướp phá, thì cái khổ ấy chỉ ở một đời này*

thôi. Còn như năm căn là năm tướng giặc rất nguy-hại, chúng sẽ làm các Tỳ-khưu khổ-sở nhiều đời. Vậy nên biết năm căn di-họa rất ghê-gớm. Các Tỳ-khưu phải cẩn-thận. Người có trí khôn kềm-chế chúng, chớ không bao giờ làm theo ý-kiến chúng. Hãy coi chúng như kẻ thù, không để chúng phóng-túng. Ví như cho năm căn phóng-túng, thì thú vui của chúng đem lại cũng không được bao nhiêu và trong chớp nhoáng đều bị tiêu-diệt một cách đau khổ!

Ông chủ năm căn ấy là TÂM. Vậy các Tỳ-khưu phải khéo-léo chế-ngự tâm mình. Cái tâm phải kềm-chế nói đây là «Tâm Ý-thức», nó làm chủ-tể sai khiến năm căn. Cái «Tâm Ý-thức» này rất đáng sợ hơn rắn độc, thú dữ, lửa cháy, giặc-giả. Ví như người bưng chén mật, chân bước vội-vàng, chỉ nhìn vào bát mật chớ không thấy hầm-hố dưới chân. Lại ví như con voi chạy rông-rài không có vật gì ràng buộc nó. Cũng như con khỉ, con vượn bám được cành cây, thì chúng nó tha-hồ leo, trèo, chuyền, nhảy. Vậy phải mau mau kềm-thúc chúng, chớ cho phóng-túng bừa-bãi. Các Tỳ-khưu cũng thế, nếu buông phóng tâm mình, thì mất hết phúc lành của mình và của người. Còn nếu biết kềm-chế nó ở một nơi, thì mọi việc đều chu-đáo. Bởi vậy các Tỳ-khưu phải chuyên-cần tinh-tấn nhiếp phục nội tâm chớ để phóng-dật».

Sau khi được nghe lời di-chúc của đức Phật rồi, có một Phật-tử đem ý-nghĩa trong kinh, lời dặn của ông cha lành mình lúc sắp nhập Niết-Bàn, mà vẽ thành mười bức tranh chăn trâu với mười bài tụng để làm mục-tiêu cho Phật-tử trông vào đấy chế-ngự tâm mình.

Mười bức tranh chăn trâu là con đường tu-hành diễn bằng hình-ảnh: một người mục-đồng tìm bắt trâu



và chăn dắt, dạy-dỗ trâu càng ngày càng thuần-thục, rồi trâu thường thường theo người chăn; sau người chăn với trâu đều thanh-tịnh, lần lần đến khi trâu và người chăn đều dung-hợp vào một vòng tròn sáng-suốt, tức là «Đại-viên Cảnh-trí» là «Thường-trụ Chơn-tâm». (Đến bức tranh thứ mười sẽ thấy vòng tròn ấy).

Lối tu của mười bức tranh chăn trâu là đem «Tam Vô-lậu Học»: Giới, Định, Huệ của đạo Phật uốn dẹp các phiền-não, mê-lầm.

Đứng về phương-diện tu GIỚI, thì người chăn trâu là tượng-trưng cho «Giới-thể», con trâu là tượng-trưng cho các sự mê-lầm, phiền-não, nhục-dục. Chính các điều phiền-não, dục-vọng rông-rài, ngao-du trong các nẻo luân-hồi gây tạo các nghiệp dữ làm cho ẩn-khuất «Giới-thể». Đến khi nhờ giáo-pháp của Phật chỉ dạy cho biết sự lầm-lạc rồi phát tâm thọ-giới và trì-giới, thì Giới-thể xuất-hiện, tức là Mục-đồng. Giới-thể thâu-phục vọng-niệm giữ-gìn thân không làm điều ác, đến khi tập lâu ngày thuần-thục thì thân, tâm yên-lặng, hết vọng-động, lần lần toàn-thể tâm tức là «Giới-thể», không còn chi ra ngoài «Giới-thể», chỉ một «Giới-thể» không còn thân, tâm.

Đứng về phương-diện tu ĐỊNH, thì con trâu là tượng-trưng cho «Vọng-tưởng», mục-đồng là tượng trưng cho «Thiền-định»; lấy «Thiền-định» đối trị «Vọng-tưởng» từ thô tướng đến tế tướng, đoạn tất cả cội rễ «Vọng-tưởng», chỉ còn «Trí Chánh-quán» rồi «Trí Chánh-quán» cũng tiêu-diệt vào «Chơn-như tánh» không còn thân, tâm nữa.

Đứng về phương-diện tu HUỆ, thì con trâu là tượng-trưng cho «Phân-biệt», mục-đồng là tượng-trưng cho «Chánh-trí». Lấy Chánh-trí thâu-phục Phân-biệt, đến khi

Phân-biệt không còn, tức là «Chơn không», thì chỉ còn «Chánh-trí». «Chánh-trí» là «Chơn-như trí». «Chơn-như trí» đối với «Chơn-như lý», nhưng mà TRÍ với LÝ không ngoài nhau, nên TRÍ với LÝ đồng dung-hợp trong một «Tâm Chơn-như».

Vậy phải kềm-chế «Tâm Ý-thức», chận đứng nó lại yên một chỗ, thì sự tu-hành của Phật-tử mới đến đích giải-thoát.

Tôi hân-hạnh đã được đọc hai quyển «Thập Mục Ngưu Đồ» (sách mười bức tranh chăn trâu) :

a) Một quyền bằng chữ Hán giải thích nghĩa và lý theo lối Duy-Thức-Học.

b) Một quyền bằng chữ Pháp giải thích nghĩa và lý theo lối Thiền-Học.

Cả hai bộ sách nầy đều dịch ra tiếng Việt, văn chương đã uyên bác lại thêm đạo-lý thật cao-siêu.

Thấy sách «Thập Mục Ngưu Đồ» rất có ích cho người Phật-tử, tôi mạng phép trích-lục và in ra ấn-tống giúp các bạn tu tâm dưỡng tánh rõ phương-pháp kềm-chế VỌNG-TÂM mình không cho nó phóng-túng theo các ác-nghiệp ngoài đời mà hướng về các thiện-nghiệp trong đạo để tạo cho mình cũng như cho người một đời sống trong sạch, an-vui, hạnh-phúc ở hiện-tại và tương-lai.

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

**Chùa LINH-CHƯỞNG**
*788 đường Phan-đình-Phùng Saigon*
Mùa Đông năm Quí-Mão (1963)
Phật-tử: *Trường-Lạc*

TẬP I

# Giảng-giải theo «Duy-thức-học»






## Bài thứ nhất

### GIẢI NGHĨA BỨC TRANH I «VỊ MỤC» (CHƯA CHĂN)

*Trong bức tranh này, chúng ta thấy có hai nhân, vật :*

*a) Một con trâu hoang,*

*b) Một chú mục-đồng (đứa bé chăn trâu).*

*Con trâu hoang, không người chăn giữ, đương chạy lung-tung : băng đồng, vượt núi, lặn suối, lội sông... Rông-rài đến đâu trâu gây thiệt-hại mùa-màng bá-tánh đến đó, như là : giậm đạp lúa, mạ, rau, cải, hoa mầu, v.v...*

*Chú mục-đồng, tay cầm bó cỏ, theo dấu tìm trâu, vỗ-về, dụ-dỗ quyết-định bắt cho được con trâu hung-hăng chế-ngự, không để cho nó phá hại mùa-màng của người ta.*

BÀI TỤNG THỨ NHỨT

## « VỊ MỤC » (CHƯA CHĂN)

Nguyên văn chữ Hán :

未牧第一

生獰頭角恣咆哮
奔走溪山路轉遙
一片黑雲橫谷口
誰知步步犯佳苗

Dịch âm :

Sanh ninh đầu dác tứ bào hao,
Bôn tẩu khê sơn lộ chuyển-giao.
Nhất phiến hắc vân hoành cốc khẩu,
Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.

Dịch nghĩa :

**Đầu mọc sừng ghê tiếng hét gào,**
**Chạy rông khe núi rẽ đường nào ?**
**Mây đen một đám bay ngang động,**
**Lúa mạ đâu đâu cũng giậm vào.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng : « CHƯA CHĂN »**

Câu thứ nhất tả hình-dáng con trâu đáng ghê-sợ : Thân to, sừng nhọn, tiếng rống vang rền.

Câu thứ hai tả cử-chỉ con trâu hoang, chạy hỗn-loạn cùng nơi, khắp chỗ.

Câu thứ ba nói cái điềm bất-tường báo trước : bởi vì trong động đã thiếu ánh-sáng mà ngoài cửa động lại có mây đen che-phủ làm cho bên trong tối om thì sự đi lại trong động rất nguy-hiểm.

Câu thứ tư giải rõ điềm bất-tường gây ra bởi con trâu hoang là nó xâm-phạm đến mầm sanh sống của con người, như là : giậm đạp lúa, mạ, rau cải, hoa-mầu, v.v...



**Phụ thêm một bài thơ : « CHƯA CHĂN »**

Đây, một con trâu hung còn lung-lợi,
Trí người phóng-đãng khác gì đâu.
Tỉnh mê mục-tử đang lùng bắt,
Tìm khắp bụi trần quyết gặp trâu,

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm :**

Hai câu đầu so-sánh con trâu hoang chưa nhốt, buộc với con người chưa khép mình vào khuôn-khổ « GIỚI-LUẬT » đều không khác nhau : trâu hung-ác, người tội lỗi.

Hai câu sau nói chú mục-đồng là người tỉnh-ngộ, sáng-suốt, đối với trâu còn mê-lầm, vô-minh, quyết-định tìm trâu bắt khép nó vào khuôn-khổ ngoan-ngoãn và chăn giữ cho khỏi tai-họa. Thí dụ như các ông Bồ-tát là « Giác hữu-tình » xông vào trần-tục để cứu-độ chúng-sanh thoát vòng khổ-não.



**Phụ thêm một bài tụng « CHƯA CHĂN »**

Trí lùn như trâu hung,
Người giác người mục-tử.
Bụi đời cơn gió dữ,
Trâu lạc người khổ cùng.



**Giải thâm-mật ý-nghĩa bài tụng I: « CHƯA CHĂN »**

Con trâu đen huyền tượng-trưng cho «hắc-nghiệp» là nghiệp tối đen, nhơ-bẩn, hung-ác, tội lỗi của chúng-sanh. Nó cũng tượng-trưng cho cái «Tâm vọng-tưởng» (Vọng-tâm), chính là cái « thức thứ sáu », tức là «Ý-thức» vậy.

Cái «Ý-thức» là cái thú-tánh của tất cả chúng-sanh. Nó lăng-xăng như con vượn chuyền mãi trên cành cây trong rừng, hoặc giả như con ngựa hoang chạy rông-rài mãi ngoài đồng-áng, nên chi thuật-



ngữ (1) gọi là: «Tâm viên, ý mã».

Cái «Ý-thức» hay xúi-giục, thúc-đẩy con người làm nhiều điều sái quấy, tội lỗi nên hình-dung nó bằng con trâu đen huyền.

Chú « mục-đồng » (đứa bé chăn trâu) tượng-trưng cho cái «thức thứ tám», tức là Phật-tánh của tất cả chúng-sanh, cũng gọi là «Tâm Bồ-đề». Ấy là một người «Thiện-tri-thức» (bạn hiền, bạn tốt) thường hay khắn-khít với con người, mà phần đông con người ít khi để ý đến nó.

Thật-sự, con người ta, con thú vật, tất cả giống hữu-tình gọi chung là chúng-sanh đều sẵn có Phật-tánh cả. Phật-tánh của chúng ta là một người «Thiện-tri-thức» không bao giờ rời bỏ chúng ta, ngặt vì chúng ta bị mê-mờ, không nhận-định được Phật-tánh mà chỉ cứ chiều theo thú-tánh của chúng ta; nó là một người bạn ác, thường lái chúng ta đi vào con đường tội lỗi.

Thú-tánh của chúng ta có mười nghiệp dữ như là:

Về Thân-nghiệp thì có ba: « Sát-sanh, Thâu-đạo, Dâm-dục ».

Về Khẩu-nghiệp thì có bốn: « Vọng ngôn, Ỷ ngữ, Lưỡng-thiệt, Ác khẩu ».

Về Ý-nghiệp thì có ba: « Tham-dục, Sân-khuể, Si-mê ».

---

(1) THUẬT-NGỮ là những danh-từ dùng riêng về các môn khoa-học hay triết-lý hoặc đạo-thuật.

Phật-tánh của chúng ta cũng có mười nghiệp lành tương-đối với mười nghiệp dữ của thú-tánh như là:

Về Thân-nghiệp thì có ba: « Phóng-sanh, Bố-thí, Tiết-dục thanh-tịnh ».

Về Khẩu-nghiệp thì có bốn: « Nói ngay, Nói chơn-thật, Nói lời hòa-giải, Nói lời thanh-nhã ».

Về Ý-nghiệp thì có ba: « Thiểu-dục Tri-túc, Nhẫn-nhục, Trí-huệ phục-thiện ».

Phật-tánh lại có thêm « Tam-huệ » là: « Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ » với « Tam Vô-lậu học » (1) là: « Giới, Định, Huệ » nữa.

Cái thú-tánh của chúng ta hung-hăng như con trâu hoang dữ-tợn không ai chăn giữ. Nó chạy rông-rài ngoài đồng-áng, ruộng, rẫy giậm đạp lúa, mạ, rau, cải, khoai, dưa, đậu, bắp, vân vân... làm mất mầm sanh sống của nhân - loại. Nếu cứ để cho nó (cái thú-tánh) mặc tình lung-lợi mãi, thì sự đau-khổ của con người sẽ lên đến bực nào! Và nếu con người hành-động theo thú-tánh thì tương-lai sẽ bị đọa-lạc, luân-hồi, thối-hóa không biết đời kiếp nào mới hết.

Còn muốn chuyển cái thú-tánh trở lại thành Phật-tánh, con người phải nhờ đến một vị «Thiện-tri-thức» là người đã tỏ-ngộ được Phật-tánh của mình

---

(1) «TAM VÔ-LẬU HỌC» là ba môn tu học không bị lọt, rớt vào vòng sanh-tử, luân-hồi nữa.



rồi, chăn giữ, dìu-dắt, dạy-dỗ lâu ngày mới mong điều-phục cái thú-tánh trở thành được Phật-tánh.

## *VÀI SỰ XÁC-NHẬN:*

**1.- Xác-nhận của chú mục-đồng.**— Mục-đồng nghĩ rằng: Con trâu hoang không ai chăn giữ đương dày-xéo lên mầm sanh sống của con người, rồi đây thế nào con người cũng tìm phương tiêu-diệt nó mới vừa lòng. Mà nếu con người càng hành-hung trâu, thì nó càng trở nên cáu-tiết, điên-cuồng, nó lại càng chống trả một cách ác-liệt hơn nữa. Thế thì, hai bên người và thú đều chuốc dữ cưu hờn phải chịu muôn sầu ngàn thảm. Chi bằng ta (mục-đồng) có tài chăn giữ được trâu, phải tình-nguyện dìu-dắt, kềm-chế trâu không cho nó làm hại con người mà phải bị con người làm hại lại. Ta cứu thoát được cái thảm-trạng ấy, tức là ta làm được lợi người, lợi vật, lợi đời vậy.

**2.- Xác - nhận của các nhà yêu - chuộng hòa-bình thế-giới.**— Những nhà trí - thức yêu-chuộng hòa - bình thế - giới đều công - nhận rằng: «Không thể nào tìm hạnh-phúc vĩnh-viễn cho thế-giới hòa-bình ngoài giáo - lý siêu - việt « Từ-bi, Hỷ-xả, Bình-đẳng của Đạo Phật» được. Ý-kiến tốt đẹp này được phát - biểu ở Đại-hội Phật-giáo Thế-giới nhóm lần thứ hai tại thủ-đô nước Nhật-bản là thành Đông-kinh.

**3.- Xác-nhận của Đại-thặng Phật-giáo.**— Tôn-chỉ của Đạo Phật, đứng về mặt thế-gian mà nói, là đoạn diệt họa căn, hòa-bình thế-giới trên nền-tảng Từ-bi, Trí-huệ, Hỷ-xả, Bình-đẳng, v.v... nên chi Đại-thặng Phật-giáo luôn luôn đem các phương-pháp cứu khổ ban vui ra dạy cho tất cả chúng-sanh không được dày xéo lên mầm sanh sống, không được xâm-chiếm tài-sản của cá-nhân cũng như của toàn-thể nhân-loại. Đã không cho tàn-sát lẫn nhau mà trái lại phải hộ-trợ lẫn nhau, thì thử hỏi làm gì còn có xảy ra chiến-tranh thảm-khốc nữa ư?

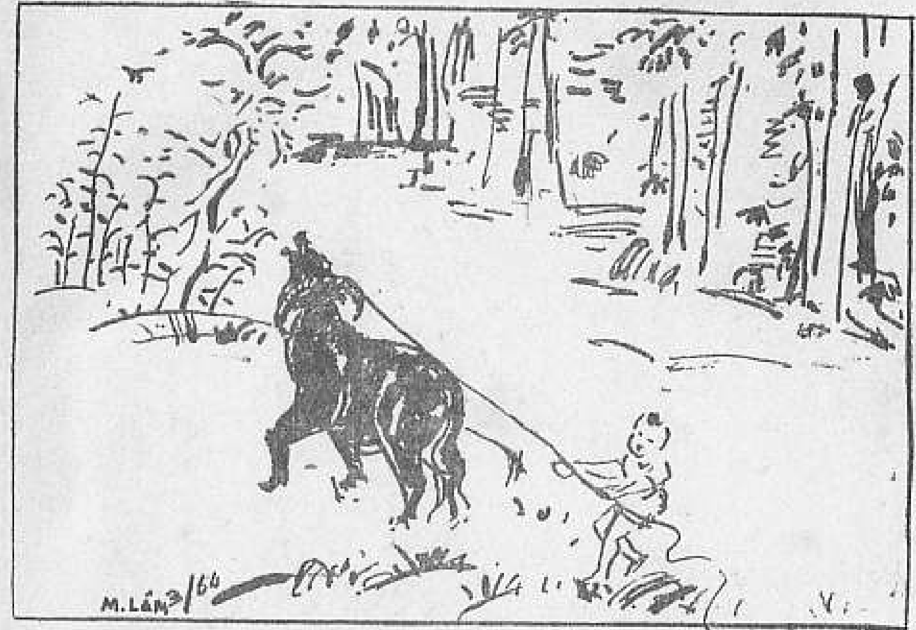
Nói tóm lại, bức tranh với bài tụng I: «VỊ MỤC» mô-tả lúc mới bắt đầu tu-tập.

Nhắm vào gương con trâu hoang chưa nhốt, buộc để chỉ rõ cho con người chưa khép mình vào khuôn-khổ Giới-Luật đều có những hành-động như nhau:

Trâu làm nhiều điều hung-ác, dày xéo mầm sanh-sống của con người như là giậm đạp lúa, mạ, rau, cải, hoa mầu, v.v...

Người làm nhiều điều tội lỗi như là sát, đạo, dâm, vọng, tham, sân, si, v.v...

Mục-đồng là người đã tỉnh-ngộ, đối với trâu còn mê-lầm, quyết tìm trâu bắt chăn giữ cho khỏi tai-họa cũng như Bồ-tát là «Giác-hữu-tình» tình-nguyện xông vào trần-tục cứu-độ chúng-sanh thoát-ly khổ-não.




Bài thứ hai

**GIẢI NGHĨA BỨC TRANH II «SƠ ĐIỀU» (MỚI CHĂN)**

*Trông vào bức tranh II này, chúng ta thấy hai nét nổi bật rõ-ràng trong con vật khổng-lồ (con trâu) và con người bé tí-ti (đứa bé chăn trâu). Con trâu đen huyền đương dựng lồng-lộn toan giựt chạy, chú mục-đồng đem hết sức bình-sanh kéo sợi dây dàm ở mũi trâu kềm hãm nó lại. Sự giằng-co, đối chọi, tranh hùng giữa «MẠNH DÙNG SỨC, YẾU DÙNG CHƯỚC» rất lý-thú lắm và rốt cuộc thực-tế, sự thắng lợi lúc nào cũng ngã-ngũ về bên «Trí-huệ» mà thôi.*

BÀI TỤNG THỨ HAI

## « SƠ ĐIỀU » (MỚI CHĂN)

Nguyên văn chữ Hán :

初調第二

我有芒繩驀鼻穿
一回奔競痛加鞭
從來劣性難調制
猶得山童盡力牽

Dịch âm :

Ngã hữu mang thằng mạch tỹ xuyên,
Nhất thời bôn cạnh thống gia tiên.
Tòng lai liệt tánh nan điều-chế,
Do đắc sơn-đồng tận lực khiên.

Dịch nghĩa :

**Ta có dây gai xỏ mũi trâu,**
**Một phen giãng chạy một roi đau.**
**Xưa nay thú-tánh ai kềm được?**
**Hết sức sơn-đồng kéo lại mau.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng : « MỚI CHĂN »**

Câu thứ nhất nói về sự kềm-chế con trâu, thì chú mục-đồng có chước phương-tiện hay là «dùng dây gai xỏ mũi nó».

Câu thứ hai nói nếu con trâu còn cương-ngạnh, ngoan-cố, toan giật chạy, thì mục-đồng đánh dằn mặt nó một roi thật đau làm cho thất-kinh.

Câu thứ ba nói cái thú-tánh của con vật như : bò, trâu, ngựa, lừa cũng như cái thú-tánh của con người, của chúng-sanh ít ai tự kềm-chế được một cách dễ-dàng.

Câu thứ tư nói chú mục-đồng phải tận lực kềm-chế giùm con trâu, cũng như chư Phật, các ông Bồ-tát, các ông thầy sáng, các người bạn lành tình-nguyện dìu-dắt, dạy-dỗ giùm cho chúng-sanh.



**Phụ thêm một bài thơ : «MỚI CHĂN»**

Đây, một mối dây làm phương-tiện,
Tay cầm roi, giữ mắt đăm đăm.
Thú đâu người đấy không lười biếng,
Trâu thoát dữ thêm lại khó tầm.

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm : « MỚI CHĂN »**

Hai câu đầu nói chú mục-đồng điều-phục con trâu với hai dụng-cụ phương-tiện : dây mũi (dàm) cầm chắc, roi tay hờm sẵn, mắt nhìn không rời.

Hai câu sau nói chú mục-đồng luôn luôn sát cánh với con trâu không dám hở ra phút nào, vì sợ trâu thoát ra lại càng thêm dữ và khó tìm.



**Phụ thêm một bài tụng : «MỚI CHĂN»**

Trâu đây gặp người đây,
Roi thừng chuyên giam giữ,
Phương-tiện làm mối dây,
Trâu người đừng cách trở.



**Giải thâm-mật ý-nghĩa bài tụng II : «MỚI CHĂN»**

Con trâu hoang hung-ác mới được chăn giữ, khai-thác, rất khó điều-phục ; vì thú-tánh nó đã quen nghịch-ngợm lâu rồi nên không chịu đứng yên một chỗ, mặc dầu nó được ăn no, tắm mát, ở sạch, nó vẫn thích chạy rông-rài, ngao-du mà thôi. Chú mục-đồng phải rán sức kéo, trì nó lại. Sở dĩ chú mục-đồng bám chặt con trâu lại được là nhờ có sợi dây dàm đã xỏ xuyên qua mũi trâu ; và mỗi khi trâu vừa kéo, lôi



chạy, chú liền đánh nó mấy roi đau điếng mới có thể kềm-hãm nó đứng lại được. Lúc bấy giờ là giai-đoạn khó nhất có thể chú mục-đồng bị trâu quật, bị trâu báng, bị trâu kéo, lôi thẳng đến vực sâu, nếu chú không biết đề-phòng, giữ thế-thần trước.

*NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN:*

**1.- Xác-nhận về sinh-mạng con trâu với con người.**— Con trâu cũng như con người ta có năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân để tiếp-xúc với năm trần : sắc, thinh, hương, vị, xúc ; nghĩa là con trâu cũng phải ăn, uống, thở, v.v... như con người ta mới sống. Ấy là phần vật-chất. Mà lại có phần tinh-thần để điều-khiển năm căn mới linh-thông, tác-dụng, tiếp-xúc với năm trần.

**2.- Xác-nhận về tâm-tánh con trâu với con người.**— Phần tinh-thần của con trâu cũng như của con người là căn thứ sáu, tức là «Ý-căn». Trước khi chưa có năm căn, năm trần, thì «Ý-căn» vẫn tỉnh. Bản-lai của nó sáng-suốt và yên-tĩnh, tức là «Ý-nghiệp thanh-tịnh», tức là «Phật-tánh» cũng gọi là «Bồ-đề» hay là «Niết-bàn».

Sau khi năm căn đã tiếp-xúc với năm trần kế có «Ý-căn» tham-gia, can-dự mới sanh ra phân-biệt tốt xấu, ngon dở, vui buồn, khen chê, mê chán, v.v...

thì «Ý-căn» chao-động trở thành tối đen, xấu-xa, nhơ-nhớp, tức là «thú-tánh».

**3.- Xác-nhận về đức-tánh của Phật-tánh và thú-tánh.—** Khế kinh nói : «Phật-tánh sáng-suốt sẵn có nào là «tam-huệ» (1), «tam-học» (2), «lục-độ» (3), «thập-thiện» (4), vạn-hạnh, vô-lượng công-đức, v.v... Mà trái lại «thú-tánh» tối-tăm cũng có những là : «tam-độc» (5), «tứ-tướng» (6), «ngũ-cái» (7), «thập-ác» (8), vô-biên phiền-não, vô-số tội lỗi, v.v...»

Gẫm lại, đau-đớn thay! đa-số chúng-sanh để cho thú-tánh điều-khiển năm căn nên mới mở rộng đường luân-hồi trong lục-đạo (9), bắt đầu địa-vị

---

(1) TAM HUỆ : Văn-huệ, Tư-huệ, Tu-huệ.

(2) TAM HỌC : Giới, Định, Huệ.

(3) LỤC ĐỘ : Bố-thí, Trì-giới, Nhẫn-nhục, Tinh-tiến, Thiền-định, Bát-nhã.

(4) THẬP THIỆN : Phóng-sanh, Bố-thí, Tiết-dục thanh-tịnh, Chánh-ngôn, Chân-thực-ngôn, Hòa-giải-ngôn, Thiện-ngôn, Thiểu dục tri-túc, Nhẫn-nhục, Trí-huệ, Phục-thiện.

(5) TAM-ĐỘC : Tham, Sân, Si.

(6) TỨ TƯỚNG : Nhân-tướng, Ngã-tướng, Chúng-sanh-tướng, Thọ-giả-tướng.

(7) NGŨ CÁI : Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi.

(8) THẬP ÁC : Sát, Đạo, Dâm, Vọng-ngôn, Ỷ-ngữ, Lưỡng-thiệt, Ác-khẩu, Tham, Sân, Si.

(9) LỤC ĐẠO : Thiên đạo, Nhân đạo, A-tu-la đạo, Địa-ngục đạo, Ngạ-qui đạo, Súc-sanh đạo.



lục-phàm (1) trong ba cõi (2) và cứ quanh-quẩn mãi trong vòng sanh-tử. Mà cũng hân-hạnh thay! còn một thiểu-số chúng-sanh để cho Phật-tánh điều-khiển năm căn nên dọn được đường siêu-thăng tứ-thánh giải-thoát an-vui, tự-tại vô-ngại.

Ước-mong tất cả chúng-sanh trong tam-giới đều cách-mạng cái «thú-tánh» của lục-phàm trở lại thành «Phật-tánh» của tứ-thánh như những gương sáng của Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta (tiền thân kiếp chót của đức Phật Thích-Ca) và các ông Bồ-tát, Duyên-giác, Thinh-văn đệ-tử của Ngài.

**4.- Xác-nhận về công-dụng «dây mũi», «roi tay» của mục-đồng với công-đức «quy-giới» của đạo Phật.—** Chú mục-đồng bé tí-ti yếu-ớt mà chế-ngự được con trâu khổng-lồ hung-hăng là nhờ «dây mũi» với «roi tay». Hai dụng-cụ rất tầm-thường mà có hiệu-quả tốt : «Dây mũi» cầm được chân trâu lại, hết chạy lung-tung quấy-nhiễu nữa.

---

(1) LỤC PHÀM : Thiên, Nhân, A-tu-la, Địa-ngục, Ngạ-qui, Súc-sanh.

(2) BA CÕI : cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô-sắc.

(3) QUY GIỚI. Quy, là quy-y Tam-bảo : trở về nương tựa với ba ngôi quý-báu : Phật, Pháp, Tăng. Giới, là giới-luật tu-hành : các điều cấm phải tuân theo. Giới có nhiều bậc : Người tại-gia có Ngũ-giới, Bát-quan-trai giới ; người xuất-gia có Sa-di giới, Tỳ-khưu giới, Bồ-tát giới.

«Roi tay» điêu-luyện « thú-tánh » hung-ác con trâu trở thành «Phật-tánh» hiền-lương.

Ở đời ngũ-trược ác-thế, thú-tánh con người thật thậm-tệ: dữ-tợn hơn trâu rừng, ngoan-cố hơn ngựa hoang. Nó cứ thúc-đẩy con người gây tạo vô-số tội-ác rồi phải bị đọa-lạc lâu đời. Nếu chẳng nhờ «Quy-giới» của đạo Phật, thì không làm sao cứu-độ chúng-sanh thoát khỏi trầm-luân khổ-hải !

Con người giữ Tam-quy trở về nương-tựa với Tam-bảo: kính thờ Phật, Pháp, Tăng thì khỏi đọa tam-đồ: Địa-ngục, Ngạ-quỉ, Súc-sanh. Con người giữ Ngũ-giới là thực-hành năm điều răn: không sát-sanh, không trộm cướp, không dâm-dục, không nói dối, không uống rượu, tức là thực-hiện Ngũ-thường: nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín.

Có giữ ngũ-giới, đời sau con người mới hy-vọng tái-sanh làm người, không bị thối-hóa, không bị đọa tam-đồ: Địa-ngục, Ngạ-quỉ, Súc-sanh. Tiến lên một bậc, có giữ 10 giới Sa-di, 248 giới Tỳ-khưu, 59 giới Bồ-tát, thì con người sẽ tiến-hóa lên ngôi Tứ-thánh: Thinh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật.

**5.- Xác-nhận về bổn-phận người Phật-tử sau khi được thọ Quy-giới.**— Sau khi được thầy trao Quy-giới, người Phật-tử phải tự nhận đã khép mình vào khuôn-khổ Giới-luật tu-hành nghiêm-trang ví



như con trâu hoang đã chịu đặt mình dưới sự kềm-chế chặt-chẽ của chú mục-đồng bằng dây mũi với roi tay, thì nhứt-định sau này con trâu ngoan-cố hung-ác sẽ trở thành con trâu thuần-thục hiền-lương. Nói một cách khác, là bổn-phận người Phật-tử phải nghĩ nhớ đến ân Tam-bảo luôn luôn để nghiêm-trì giới-luật cho thanh-tịnh, thì nhứt-định một ngày kia sẽ gặp được Phật. Như kinh Lăng-Nghiêm nói: «Đức Đại-Thế-Chí có lời rằng: «Mười phương chư Phật đều thương nhớ chúng-sanh như mẹ nhớ con, nếu con cứ trốn mẹ chạy rông-rài mãi, thì mẹ dầu có nhớ cũng không làm sao được. Trái lại, nếu con nhớ mẹ cũng như lòng mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng cách xa nhau».

**6.- Xác-nhận về «Ngũ-quan» của khoa-học và «Bát-thức» của Phật-giáo với công-dụng của «thức».**— Khoa-học nhận thấy con người cũng như các thú-vật đều có «Ngũ-quan»:

1.- Mắt, cơ-quan của sự thấy,
2.- Tai, cơ-quan của sự nghe,
3.- Mũi, cơ-quan của sự ngửi,
4.- Lưỡi, cơ-quan của sự nếm,
5.- Tay, cơ-quan của sự đả-động.

Duy-thức-học của Phật-giáo nhận thấy bất luận chúng-sanh nào cũng có «Bát-thức Tâm-vương» (tám

cái biết làm chủ, tức là tám ông Vua biết) :

1.- Nhãn-thức (mắt biết) đối với sắc,
2.- Nhĩ-thức (tai biết) đối với thinh,
3.- Tỷ-thức (mũi biết) đối với hương,
4.- Thiệt-thức (lưỡi biết) đối với vị,
5.- Thân-thức (mình-mẩy biết) đối với xúc,
6.- Ý-thức (ý-tưởng biết) đối với pháp,
7.- Mạt - na - thức (ta biết) đối với « kiến-phần » (1),
8.- A-lai-da-thức (ta biết) đối với chủng-tử năm căn khí-giới, tánh thể năm căn bị biết.

## Cần phải hiểu rộng nghĩa chữ «VUA»

Không thể một mình mà gọi là Vua được. Phải có các quan giúp đỡ, có dân-chúng làm hậu-thuẫn, có đất, nước, núi, sông, v.v... mới gọi là VUA. Vậy mỗi «thức» của con người tức là mỗi đoàn thể của tám ông Vua cùng thống-trị cả một thế-giới, một vũ-trụ.

Vậy thì, nói đến «Vua», tức là bao-hàm cả thần-dân, đất nước, cũng như nói đến «Thức», tức là phải bao-hàm cả các «Tướng-phần» :

1.- Kiến-phần (phần mình biết),
2.- Tướng-phần (phần bị biết),

(1) KIẾN-PHẦN là phần mình biết.



3.- Tự-chứng-phần (toàn-thể thức-tánh tự biết mình đã hiện ra hai phần ấy, nên gọi là Tự-chứng-phần).
4.- Chứng-tự-chứng-phần (lại thêm một phần nữa đã nhận lấy «Tự-chứng-phần» nên gọi là «Chứng-tự-chứng-phần».

Công - dụng của Thức.— Khế kinh nói: « Vạn pháp duy THỨC ». Nghĩa là muôn pháp đều do «Thức» biến-hiện, cũng như câu : «Nhất thế duy « TÂM » tạo ». Nghĩa là: Tất cả đều do «TÂM» tạo ra.

Vậy thì, nên biết: Tốt, xấu, vui, khổ, thiên-đường, địa-ngục, v.v... đều do THỨC, do TÂM của mỗi người chúng ta tạo ra cả, nên chi chúng ta chớ mê-lầm bốn điều sau nầy nữa :

1.- Đừng cho là số phận đã nhất-định, không thể thay-đổi được, mà phải bi-quan, chán đời, tự-vẫn.
2.- Đừng cho là đủ rồi, đành chịu như thế, không còn làm sao hơn.
3.- Đừng đổ cho Trời đã định, đành phải cầu Trời sửa đổi lại giùm.
4.- Đừng cho là tại người chung-quanh mình hiếp-bách mình mà hóa ra thế nọ, thế kia, rồi sanh ra oán-thù.

Cứ một mực lo tu cho cái «THỨC», cái «TÂM» được toàn-chơn, toàn-mỹ, toàn-thiện rồi nó sẽ biến ra những tướng sáng-suốt, lương-thiện, vui-vẻ, sung-sướng, giải-thoát. Nếu mình để cho THỨC, cho TÂM của mình ô-uế, độc-ác, thì nó biến ra những tướng tối-tăm, nhơ-nhớp, hung-dữ, v.v.,.. Tất cả những gì cũng đều là tự mình gây tạo ra cả, không nên đổ vạ cho ai mà phải thêm tội lỗi, ngu-si đời đời.

Tóm lại, bài tụng II: « SƠ ĐIỀU » (mới chăn) có bốn điểm chánh :

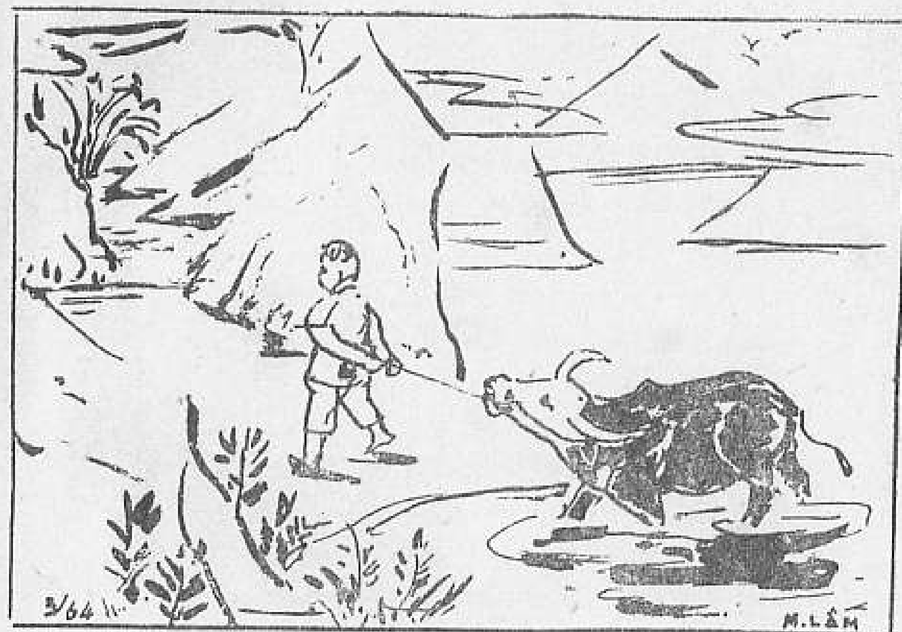
1.- Con trâu hoang mới bắt được và xỏ mũi là tượng-trưng cái «thú-tánh» đã khép vào khuôn-khổ Giới-Luật (con trâu thọ giới).

2.- Tuy vậy mà con trâu còn hung-hăng muốn giật chạy là tượng-trưng rằng khi mới ghép vào khuôn-khổ Giới-Luật, vào phương-pháp tu «TÂM», con người buổi đầu lòng dạ còn xấu-xa, nhớ theo tánh cũ, toan phạm Giới mà phải bị luật xử-trị.

3.- Cái «thú-tánh» thật là khó kềm-chế lắm.

4.- Cái Tâm Bồ-đề kiên-cố mới kềm chế «thú-tánh» lại được.

Vậy khuyên các Phật-tử mới quay về với ngôi Tam-bảo phải luôn luôn thân-cận với minh-sư, thiện-hữu mong nhờ các ngài chỉ phương-pháp chuyển «thú-tánh» của mình trở thành «Phật-tánh».




Bài thứ ba

## GIẢI NGHĨA BỨC TRANH III «THỌ CHẾ» (CHỊU PHÉP)

*Hôm nay, trông vào bức tranh III, chúng ta ngạc-nhiên mà thấy cái đầu con trâu đen huyền bỗng hóa trắng tinh. Chú mục-đồng lặng-lẽ đi trước, tay cầm dây mũi (dòm) dắt trâu lũi thủi theo sau từ bước chậm-chạp nặng-nề.*

BÀI TỤNG THỨ BA

## « THỌ CHẾ » (CHỊU PHÉP)

Nguyên văn chữ Hán :

受制第三

漸調漸伏息奔馳
渡水穿雲步步隨
手把芒繩無少緩
牧童終日自忘疲

Dịch âm :

Tiệm điều tiệm phục tức bôn trì,
Độ thủy xuyên vân bộ bộ tùy.
Thủ bả mang thằng vô thiểu hoãn,
Mục-đồng chung nhựt tự vong bì.

Dịch nghĩa :

**Điều-phục lần lần hết chạy rông,
Theo đi từng bước khắp non sông.
Thừng gai tay dắt không rời bỏ,
Chú mục ngày đêm quên nhọc lòng.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng III : «CHỊU PHÉP»**

Câu thứ nhất nói : sau một thời-gian kềm-chế, con trâu hết chạy lung-tung phá-phách nữa.

Câu thứ hai nói : Chú mục-đồng đi khắp non sông, con trâu cũng đi theo không nài khó nhọc.

Câu thứ ba nói : Mặc dầu trâu đã chịu phép, nhưng mục-đồng còn nghi-ngờ nên dây, roi vẫn còn giữ chặt.

Câu thứ tư nói : Sự chăn giữ trâu đòi hỏi lắm công mà mục-đồng chẳng thấy nhọc lòng.



**Phụ thêm một bài thơ : «CHỊU PHÉP»**

Đây, trâu chịu phép không vùng-vẫy,
Tuy vậy người theo vẫn ngó chừng.
Roi thừng còn lắm lo khuyên dạy,
Chẳng dám rời xa một bước chân.

*N. D.*

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm : «CHỊU PHÉP»**

Câu thứ nhất nói : Lúc nầy con trâu không vùng-vẫy như trước ; nó khởi sự vâng lời chủ.

Câu thứ hai nói : Chú mục-đồng chưa tin con trâu hết cừ-khôi, nên sự chăn giữ không hề sơ hở, sự nghiêm trị vẫn còn chặt-chẽ.

Câu thứ ba nói : Khi trâu ướm ương ngạnh, thì mục-đồng không thể bỏ qua sự áp-dụng ác-liệt bằng dây mũi với roi tay.

Câu thứ tư nói : Chú mục-đồng luôn luôn sát cánh với con trâu, không dám sơ-viễn một giây phút nào.

**Phụ thêm một bài tụng : «CHỊU PHÉP.**

Vừa bước đầu gặp-gỡ,
Chưa dễ bỏ roi thừng.
Người chăn, chăn hăm-hở,
Trâu theo, theo lừng-chừng.



**Giải thâm-mật ý nghĩa bài tụng III :**
**« CHỊU PHÉP »**

Đến bức tranh III, cái đầu con trâu đen huyền lại bỗng-nhiên trắng là cố ý nêu lên hai ý nghĩa chính của :

1.- Thú-tánh vô-minh,
2.- Phật-tánh sáng-suốt.

Trước kia con trâu còn hoang-đàng nên toàn thân-thể nó đen huyền là tượng-trưng cho « thú-tánh » vô-minh. Nay trải qua một thời-gian được chăn giữ dạy-dỗ, đầu con trâu lại đổi đen ra trắng là tượng-trưng cho cái khối óc của nó mới thuận theo Phật-tánh sáng-suốt của nó mà thôi.



Vừa thuận theo một phần Phật-tánh con trâu chỉ trắng được cái đầu, kỳ-dư các phần khác của thân-thể nó vẫn còn đen huyền là ám-chỉ con trâu còn Vô-minh dày-bịch, hắc-nghiệp nặng-nề. Thế nên con trâu còn phải chịu điêu-luyện thêm mãi đến khi nào Vô-minh phá sạch, Phật-tánh hiền bày, hắc-nghiệp chuyển thành bạch-nghiệp mới thôi.

Mục-đồng dư hiểu nên sự chăn giữ càng hăm-hở, roi thừng chẳng bỏ qua khi trâu không chừa tật cũ.

*NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN:*

**1.- Xác-nhận về sự thật-thể của Phật-tánh.**

Khế kinh nói : « Phật-tánh là tánh giác-ngộ viên-mãn, thường còn, không bao giờ hư-hoại, không xưa nay, không cũ mới, không thêm bớt, không nhỏ lớn, không sai biệt ở Phật với chúng-sanh ».

**2.- Xác nhận về sự không thật-thể của Vô-minh.**

Vô-minh là tánh mê-mờ, mơ-tưởng hão-huyền, không phải cái tánh thật có của chúng-sanh. Nó giả có, tạm-bợ nên nhất-định nó phải tiêu-diệt khi chúng-sanh biết tỉnh-ngộ chẳng khác nào tuyết ở trước sân ban mai bị tan rã dưới ánh nắng của mặt trời. Vô-minh giả có cũng như « hoa đốm » tạm-bợ giữa hư-không. Thật-sự, hư-không chẳng bao giờ có « hoa đốm » mà người nhặm mắt lại trông thấy có « hoa

đốm » giữa hư-không. Đến khi người nhặm mắt hết bịnh, thì « hoa đốm » ấy không còn thấy nữa.

**3.- Xác-nhận con trâu cũng như tất cả chúng-sanh đều là Phật tương-lai.**

Bản-lai chúng-sanh là Phật nên chi bản-lai con trâu cũng vẫn là Phật, ngặt vì nó đã mơ-tưởng điên-đảo mà tự tạo ra những nghiệp súc-sanh rồi tự biến thành hình con trâu trong một giấc mộng vô-minh đen tối.

Chú mục-đồng là một người trong lục-phàm đã chứng được một ngôi trong tứ-thánh thương con trâu nên mới đánh thức nó dậy, chỉ dạy nó phương-pháp kềm-chế thú-tánh không nhất-định lâu mau, tùy con trâu biết chuyên-cần sửa chữa, sớm muộn nó sẽ tự biến trâu đen thành trâu trắng, chuyền hắc-nghiệp thành bạch-nghiệp, đổi thân phàm thành thân thánh như chú mục-đồng vậy.

**4.- Xác-nhận về chỗ nương-tựa của con trâu, của con người để cải tạo thân, tâm và hoàn-cảnh.**

Con trâu đen muốn trở thành trâu trắng sạch, tốt đẹp để giải-thoát cái đời nô-lệ, thì phải nương tựa với mục-đồng và thuận theo dây mũi với roi tay. Có như thế, con trâu mới điều-phục lần lần được cái thú-tánh vô-minh : hết chạy rông-rài dày xéo, giậm đạp lên mầm sanh sống của người ta mà phải bị đập



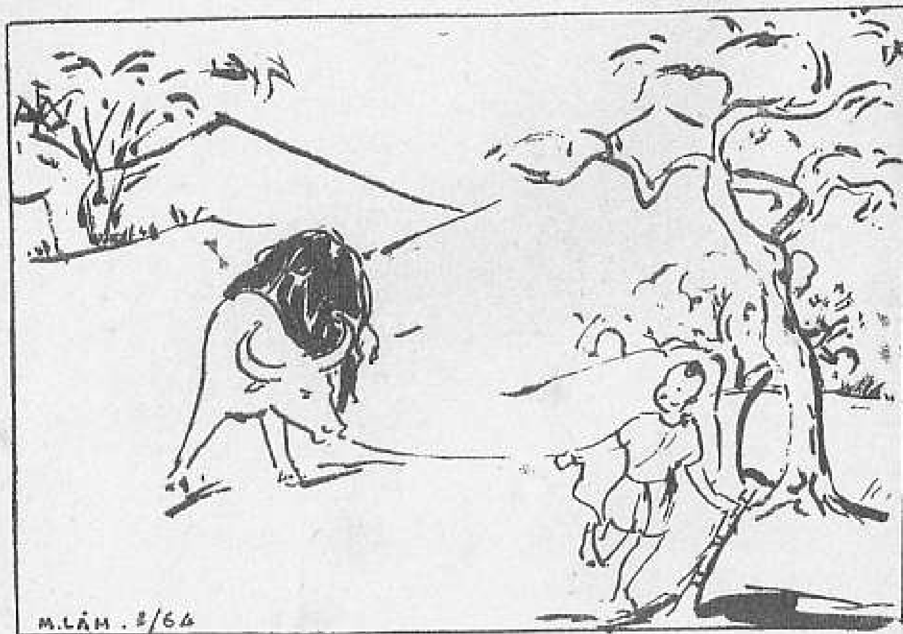
đầu, cắt cổ, mổ bụng, lột da, lóc thịt, rút xương đền tội.

Con người muốn cho đời sống hiện-tại và tương-lai được hạnh-phúc, an-vui mãi, thì phải trở về nương tựa với ngôi Tam-bảo và thuận theo Giới-luật của mình đã thọ mà giữ-gìn cho thanh-tịnh. Có như thế con người mới diệt lần lần được tội lỗi đã qua, tạo được phước hiện-tại và lập thêm công-đức vĩ-đại, thì quyết-định kiếp vị-lai sẽ tiến lên đường giải-thoát, an-vui, tự-tại.

Nói tóm lại bài tụng III : « CHỊU PHÉP », muốn trở về nương tựa với ngôi Tam-bảo, trước hết con người phải chịu phép Tam-quy, Ngũ-giới. Có như thế, con người mới điều-phục lần lần cái thú-tánh của mình, sau rồi mới biến đổi cái thú-tánh trở thành Phật-tánh được.

Người tu-hành mà không thọ Quy-Giới như người đi thuyền không lái, thế nào cũng bị lủi bụi, đâm bờ cũng như người cỡi ngựa không cương, thế nào cũng bị ném dọc đường, quăng dọc sá.

Thọ Quy-Giới xong rồi, con người bắt đầu hành-đạo mỗi ngày tinh tiến thêm mãi, thì đời sống tu-tập của mình mới thấy có hiệu-quả : tâm trí tối đen của mình sáng tỏ lần lần cho đến khi hoàn-toàn sáng-suốt là thành-công, đắc-quả vậy.




Bài thứ tư

**GIẢI NGHĨA BỨC TRANH IV «HỒI THỦ» (QUÀY ĐẦU)**

*Hôm nay, con trâu đã trắng thêm cái cổ và hai chân trước, tức là một phần ba thân-thể con trâu đen đã đổi ra trắng. Thỉnh-thoảng nó quày đầu về nhìn chủ chỉ nghĩa là tánh nó có hơi thuần. Chú mục-đồng lúc này được rảnh-rang một chút: Không cầm chặt dây dàm trong tay mãi như trước, mà cần cột vào cây để ngó chừng.*



BÀI TỤNG THỨ TƯ

**«HỒI THỦ» (QUÀY ĐẦU).**

Nguyên văn chữ Hán:

廻首第四

日久功深始轉頭
顛狂心力漸調柔
山童未肯全相許
猶把芒繩且繫留

Dịch âm:

Nhật cửu công thâm thỉ chuyển đầu,
Điên-cuồng tâm lực tiệm điều nhu.
Sơn-đồng vị khẳng toàn tương hứa,
Do bả mang thằng thả hệ lưu.

Dịch nghĩa:

**Chăn dắt lâu ngày chịu cúi đầu,**
**Điên-cuồng tâm mới bớt cầu-mâu.**
**Sơn-đồng chưa chắc lòng tin chịu,**
**Vẫn nắm thừng gai cột lấy trâu.**

*T. Nh.*

**Giải nghĩa bài tụng IV: « QUÀY ĐẦU »**

Câu thứ nhất nói: Được chăn giữ lâu ngày con trâu biết vâng lời.

Câu thứ hai nói: Con trâu điên-cuồng bây giờ bớt nghịch-ngợm.

Câu thứ ba nói: Chú bé chăn trâu không tin con trâu hết ngoan-cố.

Câu thứ tư nói: Vì có mà mục-đồng còn dùng dây cột trâu vào nọc để ngó chừng.



**Phụ thêm bài thơ: « QUÀY ĐẦU »**

Đây, trâu chuyển tánh quay nhìn chủ,
Mục-đồng hoan-hỷ bớt lo âu.
Khi trâu đã biết xoay lòng thú,
Chủ tháo dây nhìn hội ý nhau.

*N.Đ.*

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm: « QUÀY ĐẦU »**

Câu thứ nhất nói: Con trâu chuyển một phần thú-tánh thành Phật-tánh nên quày đầu nhìn chủ, tỏ ý vâng lời.

Câu thứ hai nói: Chú mục-đồng vui-mừng bớt lo sợ.

Câu thứ ba nói: Đến lúc trâu bỏ dữ theo lành,



Câu thứ tư nói: Thì chú mục-đồng hội ý trâu, liền mở dây mũi cho nó thong-thả.

**Phụ thêm bài tụng: « QUÀY ĐẦU »**

Lòng xây dây tháo nuộc,
Nghi-ngại hết lường cân.
Trâu nhìn người quen thuộc,
Người coi trâu ân-cần.



**Giải thâm-mật ý-nghĩa bài tụng IV « QUÀY ĐẦU ».**

Nhắc lại bài trước (bài thứ ba), con trâu nhờ Phật-tánh của chú mục-đồng điểm-hóa nên một phần Phật-tánh của nó được phát-hiện ra một chút ở đầu. Lúc đó con trâu hết cứng đầu mà còn cứng cổ. Nó đợi chủ nó đi trước nắm dàm dắt, nó mới lừng-chừng theo sau.

Chú mục-đồng phải tận-tâm tiếp-tục điều-luyện con trâu lâu ngày làm cho cái cổ nó trở nên mềm-dịu và trắng-trẻo. Như ngày nay, chúng ta thấy rõ cái thú-tánh điên-cuồng của con trâu đã lui lần lần từ đầu đến cổ, xuống vai, và hai chân trước, tức là một phần ba của thân-thể con trâu đã trắng nõn, mềm-dịu. Nó hết cứng đầu, cứng cổ nên thường quay đầu nhìn chủ tỏ ý vâng lời.

Tuy vậy, cái thú-tánh của con trâu còn chiếm đến hai phần ba thân-thể, thì dễ gì chú mục-đồng đặt hết tin-tưởng ở nó ư? Vì thế, muốn được rảnh-rang một chút, chú mục-đồng nhất-định phải buộc trâu vào nọc, dòm chừng gọi là bảo-đảm.

*NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN:*

**1.- Xác-nhận về đại-ý bài tụng IV: « QUÀY-ĐẦU ».**— Con trâu đen mới hóa trắng được một phần ba của toàn thân-thể là hình-dung một phàm-phu trong lục-đạo đã phát tâm Bồ-đề và một phần Phật-tánh của mình được hiện ra thật-sự ở ngay thân mình nên thân mình được có phần tươi sáng. Nhưng chưa thoát sạch thú-tánh vô-minh, con trâu ở địa-vị phàm-phu cũng như con người chưa phải là một Phật-tử thuần-thiện, thì phải thân-cận minh-sư, thiện-hữu, mong nhờ huấn-luyện, kềm-chế thêm nhiều.

**2.- Xác-nhận về lý-do mục-đồng chưa tin con trâu.**— Mặc dù con trâu hết cứng đầu, cứng cổ, chú mục-đồng vẫn chưa chịu tin nó. Vì trông về tương-lai, cái thú-tánh của con trâu thật còn mạnh lắm; ba phần toàn thân-thể đen huyền của nó mới chuyển đổi ra trắng chỉ có một phần mà thôi, thì làm sao mục-đồng dám đặt hết lòng tin nó được ư? Giả thử mục-đồng buông dây mũi ra khỏi tay, chưa



chắc gì con trâu đã quên tật cũ. Nếu trâu vụt chạy rông-rài thì sự lùng bắt nó lại càng khó-khăn hơn trước kia lắm vậy.

**3.- Xác-nhận về tâm-niệm giữa thầy trò.** — Thầy thấy đệ-tử phát tâm thọ Quy-Giới rất mạnh mẽ, thầy rất hoan-hỷ lắm; nhưng thầy chưa chắc đệ-tử có giữ được vẹn-toàn suốt đời hay không. Và đệ-tử cũng đồng một ý-niệm, tự xét mình cũng chưa dám tin chắc mình có giữ được Giới-Luật mình đã thọ hoàn-toàn đến ngày cuối cùng của đời mình hay không.

Vì lẽ đó, thầy chưa dám rời sự huấn-luyện đệ-tử, mà đệ-tử cũng cần cầu sự kềm-chế, sự dạy-dỗ, sự dìu-dắt của thầy, ngõ hầu sau này trở nên một Phật-tử chân-chánh viên-thành đạo-quả.

**4.- Xác-nhận về sự sớm lìa thầy với sự vội tin tâm mình.**— Phật-tử lúc còn trong vòng sơ cơ tu-tập phải cần nhớ hai điều này:

1.- Không nên sớm xa minh-sư, vội lìa thiện-hữu.
2.- Không nên tự-đắc quá tin tâm mình.

Phải lấy câu châm-ngôn: «Hổ ly sơn hổ bại, tăng lìa chúng tăng tàn» (1) với lời Phật dạy:

(1) Cọp rời núi cọp bị hại, người tu-sĩ bỏ chúng (thầy, bạn), tu-sĩ không còn.

« Chừng nào mình tu chứng đến quả A-la-hán rồi mới dám tin chắc tâm mình » làm mục-tiêu răn mình.

Tóm lại, bài thứ tư : « QUÀY ĐẦU » nói sự tu-hành buổi đầu thật rất khó-khăn. Song Phật-tử không nên ngã lòng ; vì mỗi khi bớt được một điều ác, thì được một điều thiện, khi diệt-trừ được một phần hắc-nghiệp, thì được một phần bạch-nghiệp, khi bỏ một phần thú-tánh, thì được một phần Phật-tánh, khi phá một phần vô-minh, thì chứng được một phần pháp-thân.

Vậy khuyên các Phật-tử phải cố-gắng tinh-tiến luôn luôn trên con đường tu-hành cho đến đích giải-thoát : thành Phật để trên báo tứ trọng ân, dưới tế tam-đồ khổ.






Bài thứ năm

**GIẢI NGHĨA BỨC TRANH V «TUẦN PHỤC» (THUẬN CHỊU)**

*Ngắm bức tranh V, chúng ta thấy hai phần ba thân-thể con trâu đã trắng, chỉ còn một phần ba là cái đuôi với hai chân sau đen huyền mà thôi.*

*Con trâu lúc nầy đã thuần-thục nên mục-đồng cỡi trâu thong-thả, dùng ý điều khiển nó dễ-dàng, không cần phải áp-dụng đến dây mũi và roi tay nữa.*

BÀI TỤNG THỨ NĂM

## «TUẦN PHỤC» (THUẬN CHỊU)

Nguyên văn chữ Hán:

馴伏第五

綠楊陰下古谿邊
放去收來得自然
日暮碧雲芳草地
牧童歸去不須牽

Dịch âm:

Lục dương ám hạ cổ khê biên,
Phóng khứ thu lai đắc tự-nhiên.
Nhật mộ bích vân phương thảo địa,
Mục-đồng quy khứ bất tu khiên.

Dịch nghĩa:

**Dưới bóng cành dương bên suối cò,**
**Thả đi gọi lại tự nhiên rồi.**
**Trời hôm mây biếc đồng thơm cỏ,**
**Lưng cỡi đi về chẳng phải roi.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng V: «THUẬN CHỊU».**

Câu thứ nhất nói: khi nghỉ mát dưới bóng cây dương cũng như khi đi giải khát bên suối cồ,

Câu thứ hai nói: con trâu thả ra đi và kêu trở về dễ dàng ngoan-ngoãn lắm.

Câu thứ ba nói: giữa cảnh trời chiều tốt đẹp: trên có mây xanh, dưới có cỏ thơm,

Câu thứ tư nói: mục-đồng cỡi trâu về với một niềm hân-hoan (không một tiếng la, rầy).



**Phụ thêm bài thơ: «THUẬN CHỊU»**

Đây, trâu đã đến ngày thuần-phục,
Hiểm khó qua rồi chẳng ngại nghi.
Người đâu trâu đấy lòng duy nhất,
Sơn thủy ngao-du đã cập thì.

*N.Đ.*

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm: «THUẬN CHỊU»**

Câu thứ nhất nói: đến ngày giờ nầy con trâu rất dễ dạy.

Câu thứ hai nói: thời-gian huấn-luyện con trâu khó-khăn đã qua hết rồi, không còn sợ gì nữa.

Câu thứ ba nói: mục-đồng với trâu thân không rời, tâm không chống trái nhau.

Câu thứ tư nói: người và thú cũng như chủ với tớ mặc sức ngao-du sơn thủy rất phải thời.

**Phụ thêm bài tụng: «THUẬN CHỊU»**

Thuần hòa qua hiểm khó,
Không e-dè đây đó.
Hình bóng luôn phút giây,
Người đâu trâu kế đó.



## Giải thâm mật ý-nghĩa bài tụng V: «THUẬN CHỊU»

Nhờ sự ân-cần điêu-luyện của chú mục-đồng lâu ngày, con trâu đen huyền, hôm nay, đã trắng sạch hai phần ba của thân-thể nó. Trâu đã bớt thú tánh nhiều, nó trở nên hiền lành, dễ dạy. Trông bộ đi chậm-rãi của nó với dáng ngồi không lo nghĩ đến sự kềm-thúc của chú mục-đồng, chúng ta biết rõ thầy trò chúng nó tương-đắc lắm. Chúng nó tin lẫn nhau chắc-chắn. Trâu tin mục-đồng không đánh đập nó ác-liệt như buổi đầu và cũng không giết hại nó như các bác đồ-tể. Mục-đồng tin trâu không còn ngoan-cố, hung-hăng chạy đi dày-xéo lúa mạ như trước nữa. Người nhận thấy con thú cũng có Phật-tánh như người nên nó biết thuận theo tánh bản-lai của nó có đầy đủ đức từ-bi, hỷ-xả và lợi tha... Bây giờ đối với trâu,



dây mũi, roi tay đã là thừa. Chủ mục-đồng ngồi trên lưng trâu coi ung-dung quá; người lấy ý điều-khiển thú: thả đi, kêu về được dễ-dàng. Con trâu đã biết theo giác-tánh của nó cũng như giác tánh của chú mục-đồng.

Nhưng mà con trâu đen huyền mới biến thành trâu trắng được hai phần ba thân thể mà thôi; hai chân sau và cái đuôi của nó vẫn còn đen kịt; thế thì con trâu hiền lành nầy còn một phần thú-tánh, còn một phần vô-minh, tất có ngày nó cũng sẽ ngoan-cố trở lại. Vậy trâu phải còn cần đến sự huấn-luyện của chú mục-đồng thêm nữa, cho đến khi nào toàn thân-thể nó biến thành trắng hết mới thôi.

### *NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN:*

**Xác-nhận về luân lý ở đời và đạo lý ra khỏi đời.**

Huấn-luyện một con trâu đen gần hóa thành một con trâu trắng chẳng khác nào chế-ngự một «Ma đệ-tử» biến thành một «Phật đệ-tử». Hoặc giả cũng như khai-hóa một dân tộc dã-man, tham lam, hung-ác, giết người cướp của trở gần thành một dân-tộc văn-minh: tự-do, bình-đẳng, hữu-ái.

Huấn-luyện một con trâu, khai-hóa một dân-tộc lên đến địa-vị hiền nhân, quân-tử cực-điểm, thì bao nhiêu pháp-luật ở đời như: hợp-đồng về cá-nhân, gia-đình, quốc-gia, xã-hội, minh-ước, hiệp-ước

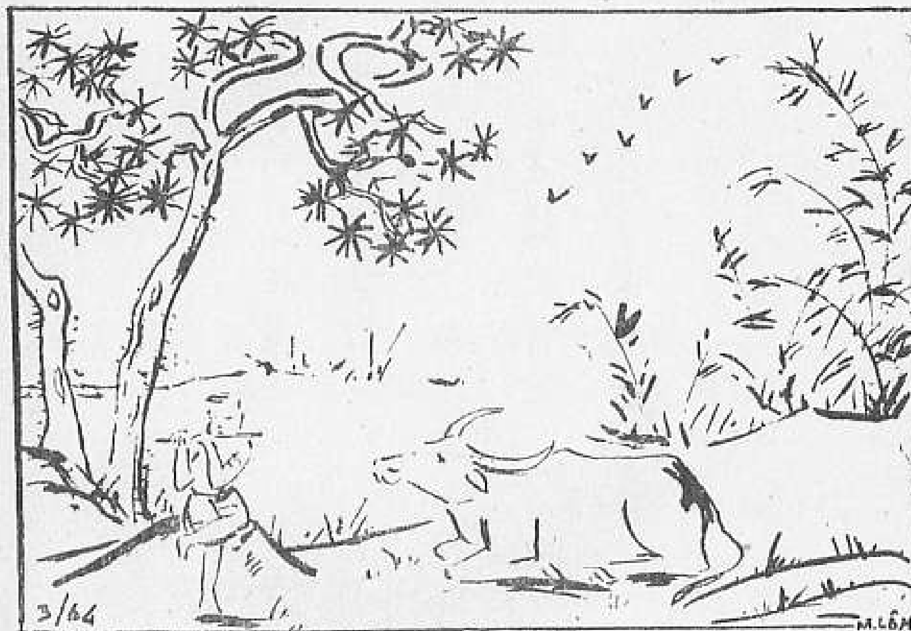
về quốc-tế đều không còn là những món cần-thiết nữa. Bởi vì, chừng ấy trong nước không còn trộm cướp, ngoài nước không còn giặc-giã xâm-chiếm, thì thế-giới sẽ hòa-bình.

Nhưng con trâu đen đã biến gần thành con trâu trắng đối với tất cả trâu đen khác cũng như một dân-tộc mới bán-khai đối với tất cả dân-tộc còn dã-man, chỉ có tư-cách hiền-nhân quân-tử, thánh hiền ở giữa đời ngũ-trược ác thế mà thôi. Vì các thánh hiền thế-gian vẫn còn vi-tế vô-minh, vi-tế phiền-não chưa thoát hẳn trần-tục, có ngày còn bị thối-hóa luân-hồi trong lục-đạo. Các ông thánh hiền ấy cần phải tu xuất-thế-gian là đạo giải-thoát của đức Thích-Ca Mâu-ni Phật đã khai sáng trên 2.500 năm nay, thì mới được hoàn-toàn tự-tại vô-ngại.

Tóm lại, bài thứ năm «THUẬN CHỊU» nói:

Một đệ-tử theo thầy được huấn-luyện đến bậc nầy thì thầy trò đã tương-đắc; cả hai đều tin nhau chắc-chắn. Con thú đã tỉnh-ngộ, tin chắc con người không giết hại nó; con người đã tin chắc con thú cũng có Phật-tánh như mình; nó không chạy rông-rài phá hại con người nữa. Nó thuận theo Phật-tánh của nó sẵn có đức-hạnh từ-bi, hỷ xả và vị tha.

Dây mũi, roi tay đối với trâu lúc nầy là thừa. Chú mục-đồng đã được rảnh-rang, không phải luôn luôn nắm chặt dây roi mà trâu vẫn thuận chịu ngoan-ngoãn.




Bài thứ sáu

**GIẢI NGHĨA BỨC TRANH VI «VÔ NGẠI» (KHÔNG NGẠI)**

*Bức tranh VI trình bày một cảnh tiêu-dao tự-tại. Con trâu mình trắng gần hết, mũi đã tháo dàm nằm ngủ giữa trời ngon lành lắm. Bên cạnh nó, dưới cội tùng, chú mục-đồng nhàn-rỗi ngồi thổi sáo chơi. Trông chừng chủ tớ chúng nó đều tự-tại cả.*

BÀI TỤNG THỨ SÁU

## «VÔ NGẠI» (KHÔNG NGẠI)

Nguyên văn chữ Hán :

無礙第六
露地安眠意自如
不勞鞭策永無拘
山童穩坐青松下
一曲昇平樂有餘

Dịch âm :

Lộ địa an miên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô cư (câu).
Sơn-đồng ổn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thăng bình lạc hữu dư.

Dịch nghĩa :

**Lộ thiên một giấc ngủ say sưa,**
**Chẳng phải thừng roi vẫn tự như.**
**Dưới gốc thông xanh ngồi thổi sáo,**
**Thăng-bình một khúc hả lòng chưa.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng VI : «KHÔNG NGẠI»**

Câu thứ nhất nói : con trâu nằm ngủ giữa trời ngon lành.

Câu thứ hai nói : con trâu lúc nầy thật là thuần, không còn phải đợi dây mũi với roi tay nữa.

Câu thứ ba nói : chú mục-đồng rảnh-rang ngồi thổi sáo dưới cội tùng.

Câu thứ tư nói : giọng sáo bổng, trầm ru ngủ con trâu quên hết lòng tục.



**Phụ thêm một bài thơ : «KHÔNG NGẠI»**

Đây, mục-đồng vui bên rặng trúc,
Véo-von giọng sáo lúc bổng trầm.
Trâu nằm thong-thả quên lòng tục,
Mắt lặng nhìn theo bước chủ-nhân.

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm : «KHÔNG NGẠI»**

Câu thứ nhất nói : mục-đồng rảnh-rang vui chơi bên hàng trúc.

Câu thứ hai nói : mục-đồng thổi sáo giọng véo-von bổng trầm.

Câu thứ ba nói : con trâu nằm yên quên hết lòng phàm tục.

Câu thứ tư nói : con trâu thành lòng thật ý vâng lời chủ.

**Phụ thêm một bài tụng : «KHÔNG NGẠI»**

Tín thành ai canh giữ?
Trâu, người, lòng, trí giao.
Trâu nằm vui thanh thú,
Dạo trúc người tiêu-dao.



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ VI:**
**«VÔ NGẠI»**

Bức tranh «Vộ ngại» vẽ con trâu nằm ngủ say sưa, ngon lành giữa trời quên hẳn thân trâu, đời trâu của nó, mặc dầu nó đương mang lốt trâu sờ-sờ là ngụ-nghĩa con trâu dạo nầy đã hết «ngã-chấp» (chấp ta). Đã không chấp tướng trâu, tất không có mũi trâu để xỏ dàm. Dàm chẳng cần và roi chẳng dùng mà trâu vẫn thuận theo tánh-ý chủ, vì tánh-ý trâu với tánh-ý chủ đồng một thể chất thanh-tịnh bản-nhiên châu biến pháp-giới.

Tuy nhiên chú mục-đồng còn phải thổi sáo du-dương bổng trầm dưới gốc thông xanh, ru cho con trâu êm tai ngủ yên-tĩnh mới quên hẳn được cái thế-giới thân tâm súc-sanh của nó.

*NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN:*

**1.- Xác-nhận về sự ngã-chấp của chúng-sanh :**

Khế kinh nói : «Từ vô-thỉ đến ngày nay, con trâu, con người, tất cả chúng-sanh đã từng thay đổi



trăm ngàn muôn ức triệu thân-thể. Hễ mỗi lần hết thân nầy lại bắt thân kia, hết thân kia lại bắt thân nọ, hết thân nọ lại bắt thân khác và cứ tiếp-tục như thế mãi trong vòng sanh-tử luân-hồi chẳng biết lối ra».

Dầu cho bắt cái thân nào đi nữa, ở trong tam-giới, cũng là cái thân phàm-phu bất-tịnh, xấu xa, nhục-nhã, giả tạm mà không tự giác-ngộ được. Thí dụ như : Khi bắt thân trâu hay thân người chẳng hạn, thì lúc nào cũng tự đắc coi cái thân trâu ta đây là đáng yêu hơn tất cả trâu khác, mặc dầu chúng nó đều có bốn chân, hai sừng, một đuôi như nhau ; lúc nào cũng ngạo-nghễ coi cái thân người ta đây là quí hơn tất cả mọi người, mặc dầu người nào cũng chân đạp đất, đầu đội trời, mũi dọc, mày ngang như nhau cả. Nghĩ như vậy rồi mạnh ai chấp ta nấy mới tìm mưu gian-giảo, bày kế quỉ-quyệt, giở thủ-đoạn hung-ác xâm-phạm thân mạng, chiếm-đoạt tài-sản kẻ khác chẳng quản gì tội lỗi để bảo-tồn sanh-mạng của mình mà thôi.

Than ôi! trên thế-gian nầy nhân-loại còn chiến-tranh mãi cũng vì con người chưa diệt được «ngã-chấp» vậy.

**2.- Xác-nhận về sự phá ngã-chấp của chú mục-đồng đối với con trâu, cũng như của ông thánh xuất-thế-gian đối với chúng-sanh.**

Chú mục-đồng thấy con trâu cũng như ông thánh xuất thế-gian thấy chúng-sanh đều có một bản-thể chơn-tâm; nghĩa là có tánh giác vô-lượng thọ, vô-lượng quang như nhau. Chú mục-đồng thương hại cho con trâu cũng như ông thánh xuất thế-gian tội nghiệp cho chúng-sanh đã lâu đời ham sống với cái thân bất tịnh, cái tâm dã-man thường gieo rắc đau khổ cho người và vật, nên chú mục-đồng tạm dùng dây xỏ mũi trâu và roi đánh đập trâu cho tỉnh giấc mộng làm thân thú bẩn-thỉu cũng như ông thánh xuất thế-gian tạm mượn Quy-Giới khép chúng-sanh vào khuôn-khổ tu-hành và tạm dùng câu kinh, bài kệ, thần chú, hiệu Phật để phá tan vô-minh, tiêu-trừ nghiệp-chướng, chặt dây phiền-não, dứt mối mê-lầm làm thân chúng-sanh nhơ-nhớp.

Tuy đã tỉnh giấc mộng mê-lầm, nhưng cơn điên-cuồng cũng thỉnh-thoảng còn đi lại với trâu và với Phật-tử. Chú mục-đồng phải cho trâu thêm một liều thuốc ngủ an thần là thổi cho con trâu nghe một điệu sáo du-dương làm cho nó đương mang lốt trâu trút bỏ được hết cái lốt trâu; cũng như ông thánh xuất thế-gian phải cho Phật-tử thêm một liều thuốc giải-thoát và tụng cho Phật-tử nghe một bài sám giác tỉnh tâm thần làm cho nó đương mang lốt chúng-sanh trút bỏ được hết cái lốt chúng-sanh.



Từ đó con trâu trắng cũng như người Phật-tử thuần-túy tỉnh-ngộ xét thấy trong cái thân con trâu, trong cái thân con người không có gì gọi là «Ta» cả, mà chỉ có một niệm vô-minh tà kiến, tham tàn làm cho con trâu, con người, chúng-sanh nhận lầm cái thân trâu, thân người, thân chúng-sanh tưởng tượng trong ý-thức là thân của mình đó thôi.

**QUYẾT-NGHI :**

*Hỏi :* Ai sanh, ai tạo, ai làm ra thế-giới thân-tâm chúng-sanh ?

*Đáp :* Kinh Phật nói : «Chỉ tại cái» độc đầu Vô-minh vọng-tưởng «ở trong ý-căn, ý-thức nó tưởng tượng và tạo-tác ra cái thế-giới thân-tâm chúng-sanh, chớ không có ai sanh ra hết». Vì thế Duy-Thức-Học nói : «Vạn pháp duy-thức» cũng như Duy-Tâm-Học nói : «Nhất thiết duy Tâm tạo»,

*Hỏi :* Đã nói rằng : «Bản-tánh thanh-tịnh của con trâu cũng như bản-tánh thanh-tịnh của mục-đồng cũng như bản-tánh thanh-tịnh của Phật, mà cớ gì lại biến ra tánh trâu xấu xa, tánh chúng-sanh bẩn-thỉu như thế ?

*Đáp :* Kinh Hoa-Nghiêm nói : «Pháp-giới trùng trùng duyên khởi». Tuy nói trùng trùng nhưng không ngoài mười hai duyên khởi, tức là «thập nhị nhân-duyên» mà trong ý-thức chúng-sanh rút vào mười duyên :

a/ Bốn duyên thanh-tịnh tạo ra bốn thế-giới thân-tâm thanh-tịnh của «Tứ thánh» là Thinh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật.

b/ Sáu duyên ô-uế tạo ra sáu thế-giới thân-tâm ô-uế của «Lục phàm» là Thiên, Nhân, A-tu-la, Súc-sanh, Ngạ-quỉ, Địa-ngục.

*Hỏi :* Con trâu, con người tỉnh-ngộ rồi phải làm thế nào trút bỏ được cái thân trâu, thân người để giải-thoát ? Có nên giết cái thân trâu, thân người hay không ?.

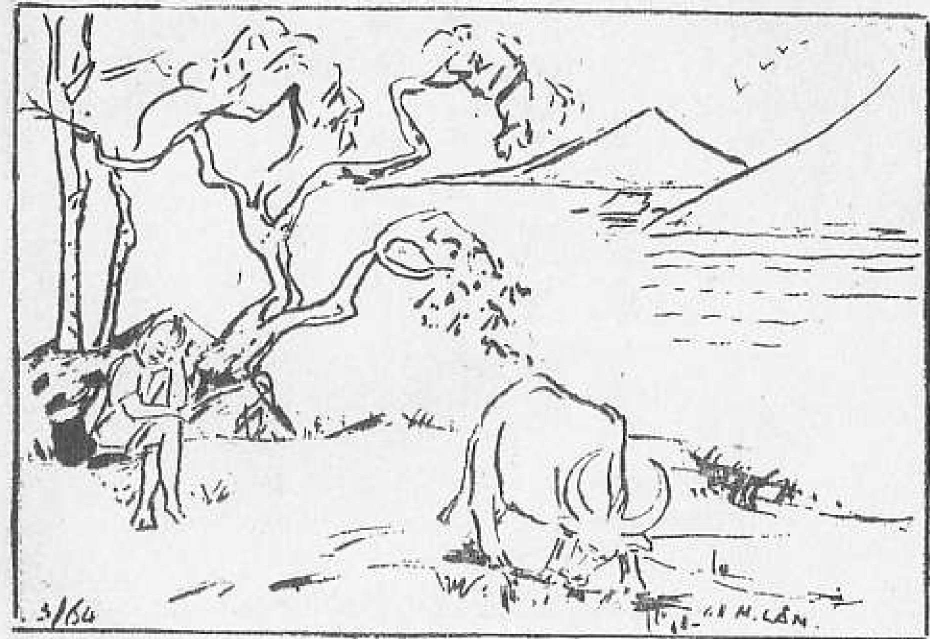
*Đáp :* Không, vì cái thân trâu hay thân người chẳng làm gì nên tội mà phải giết nó. Làm nên tội là cái «Nghiệp-thức vô-minh» kia.

*Hỏi :* Vậy thì phải làm thế nào trút bỏ được cái nghiệp làm trâu, làm chúng-sanh ?

*Đáp :* Phải Quy-y Tam-bảo và phát Bồ-đề tâm tu Đại-thặng thì sau nầy mới có thể trút bỏ được cái nghiệp làm trâu, làm chúng-sanh.

Tóm lại, bài thứ sáu : «Không ngại» nói con trâu được chú mục-đồng huấn-luyện từ lâu, ngày nay đã quên hẳn cái đời làm trâu, cái thân trâu, mặc dầu nó còn đương mang lốt trâu sờ-sờ, tức là nó hết ngã-chấp (chấp ta).

Chú mục-đồng với con trâu lúc nầy đều tự-tại vô ngại : người thổi sáo, thú ngủ trưa.



Bài thứ bảy

**GIẢI NGHĨA BỨC TRANH VII «NHIỆM-VẬN» (THA-HỒ)**

*Lúc này, chú mục-đồng thực là rảnh-rang, dựa lưng vào tảng đá ngủ yên một giấc sung-sướng quá chừng, để cho con trâu mặc tình đói đi tìm cỏ ăn, khát đi tìm nước uống.*

BÀI TỤNG THỨ BẢY

## « NHIỆM-VẬN » (THA-HỒ)

Nguyên văn chữ Hán:

任運第七

柳岸春波夕照中
淡烟芳草綠茸茸
飢餐渴飲隨時過
石上山童睡正濃

Dịch âm:

Liễu ngạn xuân ba tịch chiếu trung,
Đạm yên phương thảo lục nhung nhung.
Cơ xan khát ẩm tùy thời quá.
Thạch thượng sơn-đồng thụy chính nùng.

Dịch nghĩa:

**Bờ liễu dòng xuân rờn bóng xế,**
**Thênh-thang ngơi-nghỉ mặc ý tình.**
**Đói ăn khát uống tùy thời đấy,**
**Tựa đá sơn-đồng một giấc thơ.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng VII : «THA-HỒ».**

Câu thứ nhất nói : Bờ liễu cành lá tha-thướt dọi hình bóng trong giòng nước.

Câu thứ hai nói : Trên không thì mây khói lờ mờ, dưới đất lại có cỏ thơm màu xanh biếc.

Câu thứ ba nói : Con trâu khi đói thì cứ ăn, lúc khát thì cứ uống, theo thời mà thay đổi.

Câu thứ tư nói : Chú mục-đồng dựa lưng vào tảng đá ngủ rất ngon lành.



**Phụ thêm một bài thơ : «THA-HỒ»**

Đây, mục-đồng yên-tâm trí rảnh,
Thênh-thang ngơi-nghỉ mặc ý tình.
Trâu thường hầu-hạ theo bên cạnh,
Chẳng phải giữ chăn hiện tánh lành.

*N. D.*

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm : «THA-HỒ»**

Câu thứ nhất nói : Lúc nầy mục-đồng tâm được yên, trí được rảnh.

Câu thứ hai nói : Vì không còn bận-rộn về sự chăn giữ trâu nữa, nên chi mục-đồng mặc sức nghỉ-ngơi.

Câu thứ ba nói : Con trâu thường ở một bên chú mục-đồng.

Câu thứ tư nói : Con trâu không còn đòi hỏi sự chăn giữ, vì tánh nó đã thuần-thục, hiền-lương rồi.



## Giải thâm mật ý-nghĩa bài tụng : VII «NHIỆM VẬN»

Bức tranh VII : «Nhiệm vận» phác-họa cái cảnh tự-tại vô-ngại của con trâu và mục-đồng. Mục-đồng được rảnh-rang dựa lưng vào tảng đá ngủ ngon lành cũng như con trâu được tự-do đói ăn, khát uống, nực nằm võng không có gì trở ngại cả. Bức tranh nầy còn hình dung một Phật-tử nương thầy học đạo, tu đã chứng quả Thánh tiểu-thặng, thành một người vô-ngã, một vị A-La-Hán.

Mặc dầu Phật-tử nầy (con trâu) trước đã gây tạo nghiệp-nhân ác phải làm thân trâu, ở trong nghiệp-quả trâu ngày nay không còn những mầm-nhân độc ác để sau này tái sanh làm thân trâu nữa, mà chỉ toàn những mầm-nhân thanh-tịnh để sẽ sanh làm thân Phật.

Thí dụ như một trái cam chua mà bên trong nó không có một hột giống chua nào để sau nầy lại sanh ra một trái cam chua nữa. Cũng như sự biến chuyển hột giống xấu ở trong thân con trâu ra hột giống tốt là nhờ sự huấn-luyện của chú mục-đồng.



Chú đã khéo-léo áp-dụng những phương-pháp rất khoa-học chuyển đổi thú-tánh hung-ác trở thành Phật tánh từ-bi.

Hiện bây giờ, con trâu này hết mang thú-tánh đen tối, mà mang Phật-tánh sáng-suốt nên chi nó đã biến màu da đen huyền của nó trước kia ra màu da trắng sạch. Như vậy đủ tin rằng sau khi thân trâu này tan rã, Phật-tánh sáng-suốt ấy vẫn còn nguyên vẹn để tạo ra cái thân tốt đẹp ở thế-giới Cực-lạc, cái thân quí tướng ở Niết-bàn, chớ không tạo ra cái thân trâu, cái thân chúng-sanh ở thế-giới Ta-bà ngũ-trược.

Làm cái thân lục súc : ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn mà không mang thú-tánh hung-ác, lại mang Phật-tánh sáng-suốt từ-bi là một điều lạ đời hiếm có ! Thật-sự, khoa-học, triết-học, thần-học xưa nay chưa thấy phát-minh ra được. Thế mà chú mục-đồng : đức Thái-tử Sĩ-đạt-ta đã thực-hiện được từ trên 25 thế-kỷ nay rồi.

### NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN :

**1.- Xác-nhận về nghĩa «vô-ngại».—** Khi nhiều vật đồng một thể-chất, nó có thể xen lẫn với nhau thành một vật thì gọi là «đồng thể vô-ngại». Thí dụ như nhiều giọt nước nhập lại với nhau thì thành một dòng nước, cũng như nhiều đốm ánh-

sáng nhập lại với nhau thì thành một vầng ánh-sáng.

Một người vô-ngại là người đã giác-ngộ tánh-chất tứ-đại: địa, thủy, hỏa, phong ở trong thân-thể mình với tánh-chất tứ-đại ở trong thân-thể các nhân-vật khác có thể tự-tại, dung-hòa, cảm-thông xen lẫn với nhau thành một khối «nhất chân vô-ngại» mà không thấy chướng-ngại với ai cả. Cũng như ánh-sáng của một ngọn đèn lúc nào cũng có thể dung-hòa, cảm-thông, xen lẫn với những ánh-sáng khác thành một khối ánh-sáng nhất chân mà không thấy chướng-ngại với ánh-sáng nào cả.

Luận «Vãng-sanh Yếu-tập» nói: Trong thân tâm thế-giới của tôi có ba Đạo: « Hoặc, Nghiệp, Khổ », cùng với thân tâm thế-giới của đức Phật A-Di-Đà có vô-lượng công-đức, vô-lượng thọ, vô-lượng quang; tuy là hai thân tâm thế-giới của hai người khác nhau mà cái tánh bản-lai bất biến của hai người vẫn là hai cái tánh dung-thông sáng-suốt (vô-lượng quang) nó thường giao-cảm với nhau thành một khối « Nhất chân pháp-giới » mà không hề thấy có chướng-ngại gì.

**2.- Xác-nhận về con trâu vô-ngại ở bài học thứ bảy này.**— Nguyên trước kia, con trâu nầy, toàn thân nó mang đầy thú-tánh vô-minh đen tối là cái tánh hung-hăng rông-rài, quen đi xâm-lăng giậm đạp lên mầm sanh-sống của người khác. Mà từ



khi được sợi dây dàm Tam-quy Ngũ-giới xỏ vào mũi nó rồi, thì từ đó cái thú-tánh vô-minh đen tối của nó lần lần biến mất. Bây giờ toàn thân nó mang đầy Phật-tánh cùng với Phật-tánh của chú mục-đồng được tự-tại dung-hòa, cảm-thông xen lẫn với nhau thành một khối «Nhất-thể vô-ngại», nên chi chú mục-đồng tháo dây dàm ở mũi nó ra cho nó được tự-do tự-tại. Bởi vì bản-tánh Tam-quy Ngũ-giới của nó đã thực-hiện rồi nên nó không phải mang cái dây dàm Giới-tướng ở mũi nữa.

Con trâu này từ đây không còn phạm giới, vì nó đã tỉnh-ngộ rằng: «Ta không còn bốn tướng: Ngã, Ngưu, Chúng-sanh, Thọ-giả nữa».

1.- *Không có Ngã-tướng*: Tuy ta đội lốt trâu mà cái thân trâu ta đây quyết không phải cái thân chân-thật của ta. Chân-thân của ta phải là thân Phật.

2.- *Không có Ngưu-tướng*: Tuy tướng mạo trâu này là tướng mạo ta, mà chẳng phải tướng-mạo chân-thật của ta. Tướng-mạo chân-thật của ta là tướng-mạo trượng-phu giống như tướng-mạo một ông Phật.

3.- *Không có Chúng-sanh-tướng*: Tuy thân tướng ta đây là thân tướng một chúng-sanh, mà thân tướng chân-thật của ta vốn là thân tướng một ông Phật.

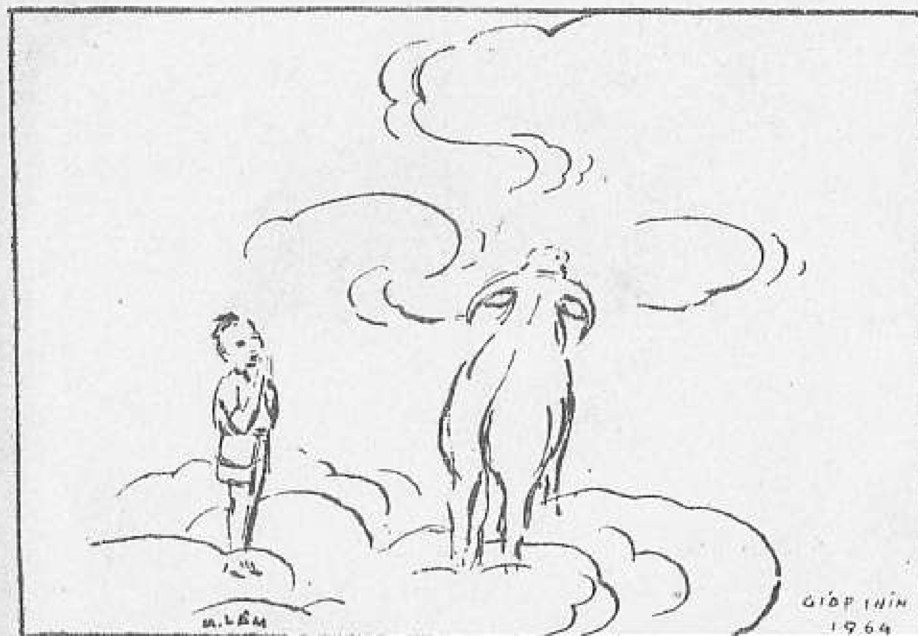
Cái thân ngũ-uẩn giả-ngã của con trâu cũng như của con người muốn gì cũng không được. Thí-dụ như cái thân ngũ-uẩn muốn mạnh mà nó lại đau, muốn trẻ mà nó lại già, muốn sống mà nó lại chết, v.v... thế thì cái thân không có quyền chủ-tể tác-dụng.

Một cái thân không phải là thân Thường-nhất, không có quyền chủ-tể tác-dụng, mà ta cứ bảo là thân ta, thì ta đâu phải là người có trí-huệ!

Nếu là cái thân ta chân-thật, thì phải là cái thân kim-cang bất hoại, thường-trụ nhất-thể, có quyền chủ-tể tạo-tác ra cái gì cũng được, giống như cái thân của đức Phật A-Di-Đà muốn tạo ra cái thế-giới bằng vàng ngọc cũng được, muốn tạo ra cái thân Vô-lượng-thọ, Vô-lượng-quang cũng được.

Một cái thân có thể-chất vi-diệu thường-trụ như thế, lại có quyền-hành cao-cả như thế mới là cái thân Ta chân-thật, chớ cái thân chúng-sanh này, nay trẻ mai già, sáng còn chiều mất, muốn hành-động gì cũng không được, thì chỉ là cái thân ta giả-tạm mà thôi.

Nói tóm lại, con trâu Nhiệm-vận ở bức tranh VII vẽ hình-dung một Phật-tử đã tu đắc-đạo lên bậc Bồ-tát Vô-ngã. Trâu ta đã giác-ngộ rằng: cái thân trâu ta là cái thân giả-ngã, không có chi là chân-thật. Ta còn phải tu tinh-tiến hơn nữa để có ngày nhận được cái thân chân-ngã.




Bài thứ tám

**Giải nghĩa bức tranh VIII: «TƯƠNG VONG» (CÙNG QUÊN)**

*Con trâu và chú mục-đồng đều an-vui trong cảnh thanh-tịnh, không cần gì để ý với nhau; nhưng lúc nào chúng nó cũng đồng-ý. Cảnh vật chung quanh con trâu và chú mục-đồng đều tiêu; vòng tròn chân-không bắt đầu hiện.*

BÀI TỤNG THỨ TÁM

## «TƯƠNG-VONG» (CÙNG QUÊN)

Nguyên văn chữ Hán:

相忘第八

白牛常在白雲中
人自無心牛亦同
月透白雲雲影白
白雲明月任西東

Dịch âm:

Bạch ngưu thường tại bạch vân trung,
Nhân tự vô tâm, ngưu diệc đồng.
Nguyệt thấu bạch vân, vân ảnh bạch,
Bạch vân minh nguyệt nhiệm tây đông.

Dịch nghĩa:

**Trắng ngần trâu bạc trong mây bạc,**
**Người đã vô tâm, trâu cũng đồng.**
**Mây bạc trăng tròn soi bóng bạc,**
**Trăng tròn bóng bạc khắp tây đông.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng VIII: «CÙNG QUÊN»**

Câu thứ nhất nói: Con trâu bạc lẫn lộn trong đám mây bạc. Cả hai đều một màu trắng nên chi không phân biệt trâu với mây được.

Câu thứ hai nói: Chú mục-đồng vô tâm và trâu cũng vô tâm, thế thì cả hai cũng như một.

Câu thứ ba nói: Trăng tròn gặp mây bạc dọi ra ánh sáng trưng.

Câu thứ tư nói: ánh-sáng của trăng tròn và mây bạc dọi ra bao-la khắp cả bốn phương đâu đâu cũng thấy.

Tóm lại bốn câu thơ nầy nói về chỗ «Bất tùy phân-biệt của «Chân-tâm».



**Phụ thêm một bài thơ «TƯƠNG VONG»**

Đây, mục-đồng, trâu cùng yên-tịnh,
Ý hòa ngày tháng vẫn an-vui.
Cảnh ngoài không nhiễm lòng yên-tĩnh.
Thanh-thoát tâm trong hiện sáng ngời.

*N.Đ.*

**Giải nghĩa bài thơ phụ thêm: «CÙNG QUÊN»**

Câu thứ nhất nói: Mục-đồng và con trâu đều thanh-tịnh.

Câu thứ hai nói : Người với thú đều thanh-tịnh thì ý hòa nên ở chung bao giờ cũng được an-vui.

Câu thứ ba nói : Đối với cảnh ngoài tâm không nhiễm-ô thì bên trong được thanh-tịnh.

Câu thứ tư nói : Tâm đã thanh-tịnh rồi thì Phật-tánh chiếu soi làu-làu.

**Phụ thêm một bài tụng «TƯƠNG VONG»**

Đối nhau không lưu ý,
Đồng ý vẫn thường nhau.
Trâu, người chung thanh khí,
Thanh-tịnh người cùng trâu.



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài tụng thứ VIII : «TƯƠNG VONG»**

Bức tranh nầy gọi là «Tương vong» (Cùng quên), vì con trâu đã quên được cái thân của nó không phải là trâu (ta), cũng như chú mục-đồng đã quên được cái thân chú không phải là người (ta) nữa. Cả hai : thú và người đều cùng quên, không chấp ta là trâu, ta là người nữa, nên gọi là «Tương vong» (Cùng quên).



NHỮNG ĐIỀU XÁC-NHẬN :

**1.- Xác - nhận sự đồng thể dung-hòa.** Thân con trâu và thân chú mục-đồng lẫn lộn vào trong những đám mây trắng ngần như bạc lại có ánh-sáng trăng tròn xuyên qua làm cho thân người với thân trâu dung-hòa cảm-thông với nhau thành một mối thuần-thúy đoàn-kết thân-mật chặt-chẽ ; vì cả hai thân đều được tự-do, bình-đẳng. hạnh-phúc, độc-lập sanh sống trong cảnh Niết-bàn hay là Tây-phương Cực-lạc.

Đám mây trắng là tượng-trưng cái Phật-tánh của con trâu và của chú mục - đồng đã hiền lộ ra tạo thành cảnh-giới Niết-bàn hay là cảnh-giới Tây-phương Cực-lạc.

**2.- Xác-nhận sự hợp nhất của đạo thầy trò.**— Đạo thầy trò hợp nhất là khi học trò đã được như thầy, thì không còn bị kềm - chế nữa và lại được tự-do, tự-tại vô-ngại, đi khắp bốn phương : Nam, Bắc, Đông, Tây không hề chướng-ngại.

**3.— Xác-nhận tất cả chúng-sanh đều có đầy đủ đức tướng Như-Lai :**

a) Đứng về phương-diện trí-huệ mà nói, con trâu tu-luyện đã lâu có trí-huệ như người chăn trâu, tức là chúng-sanh đã có trí-huệ như Phật. Trâu sắp thành người, chúng-sanh sắp thành Phật, tức là một

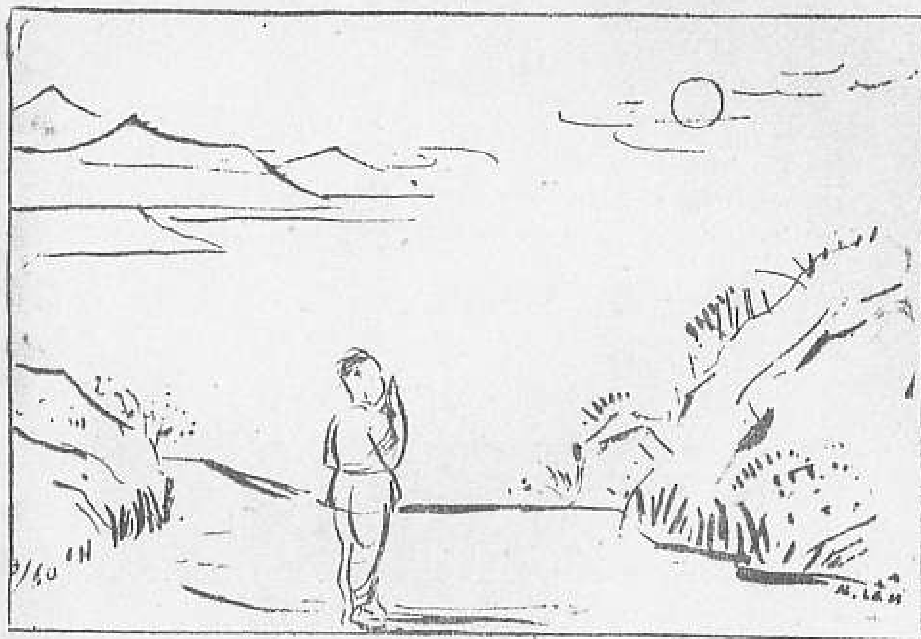
chúng-sanh đã giác-ngộ hết ngu-si, mê-muội, phiền-não, khổ-sở, tham-lam, bỏn-sẻn, hung-ác; ấy là một vị Bồ-tát.

Đến địa vị Bồ-tát thì nhận rõ thân người, thân chúng-sanh và thân các pháp đều vô-ngã. Thế là chúng-sanh được «Nhân không» và «Pháp không» (nhân vô-ngã, pháp vô-ngã).

b) Đứng về phương-diện duy-thức mà nói, thân con trâu đen đã biến ra trắng sạch, đồng một sắc-chất với thân chú mục-đồng và cả hai cùng nhau sanh sống trong đám mây trắng là ngụ ý hai nhân-vật nầy đã diệt trừ hết cái «tánh biến-kế sở chấp» (chấp ngã, chấp pháp).

Khi cái «tánh biến-kế sở chấp» đã diệt hết, thì cái «tánh viên thành thật», tức là Phật-tánh hiển lộ ra bao phủ lấy hai cái thân trong trắng nầy đồng một «tánh Y-tha khởi» sáng ngời giống như đám mây bóng nỏn có ánh trăng xuyên qua bao phủ thân người và thân trâu hòa-đồng một sắc chất quang-minh chính đại (vô-biên quang trí thân).

Tóm lại bài thứ tám «Tương vong» (Cùng quên nói: Thân chú mục-đồng cũng như thân con trâu đều là thân vô-ngã hay là pháp vô-ngã mà thôi. Bởi vì vạn pháp trong vũ-trụ, pháp nào cũng do nhân-duyên hòa-hợp mà sanh, thì pháp nào cũng là vô-ngã, pháp nào cũng bình-đẳng, không sai khác, không hơn, không kém.



Bài thứ chín

**Giải nghĩa bức tranh IX: «ĐỘC CHIẾU» (SOI MỘT MÌNH)**

*Con trâu đã đồng-ý với chú mục-đồng, thì trâu tức là người, người tức là trâu, nên không còn trâu mà chỉ có người trong cảnh thanh-tịnh sáng-suốt.*

BÀI TỤNG THỨ CHÍN

## « ĐỘC CHIẾU » (SOI MỘT MÌNH)

Nguyên văn chữ Hán :

獨照第九
牛兒無處牧童閒
一片孤雲碧嶂間
拍手高歌明月下
歸來猶有一重關

Dịch âm :

Ngưu nhi vô xứ mục-đồng nhàn,
Nhất phiến cô vân bích chướng gian.
Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ.
Quy lai do hữu nhất trùng quan.

Dịch nghĩa :

**Trâu đâu chẳng thấy mục-đồng nhàn,**
**Một phiến mây bay núi biếc ròn.**
**Tay vỗ hát vang trong bóng nguyệt,**
**Đi về còn có một trùng quan.**

*T. Nh.*



**Giải nghĩa bài tụng IX : « SOI MỘT MÌNH »**

Câu thứ nhất nói : Mục-đồng lúc nầy rảnh-rang vì con trâu đã không còn nữa.

Câu thứ hai nói : Cái núi sẽ hiện bày hình tướng đồ-sộ của nó ra sau khi miếng mây che nó đã bay qua rồi.

Câu thứ ba nói : Chú mục-đồng dưới bóng trăng vỗ tay hát vui sướng.

Câu thứ tư nói : Sự đi đến đích được phải còn trải qua một cửa ải khó khăn nữa.



**Phụ thêm một bài thơ « ĐỘC CHIẾU »**

Đây, lúc trâu, người hai vốn một,
Tham-ô khuất bóng một trời xanh.
Nhiệm-màu bể giác càng trong suốt,
Diệu lạc huyền-vi chỉ một mình.

**Dịch nghĩa bài thơ phụ thêm :**
**« SOI MỘT MÌNH »**

Câu thứ nhất nói : Đến lúc nầy con trâu đã chuyển hóa ra mục-đồng rồi, thì trâu với người tuy là hai mà vẫn có một.

Câu thứ hai nói : Khi tham-ô đã khuất bóng, thì chỉ còn có một trời tốt xanh thôi.

Câu thứ ba nói : Một khi sóng-thức đã lặng-lẽ thì biển-giác lại càng trong suốt.

Câu thứ tư nói : Người tu hành đã chứng-ngộ được rồi, thì tự mình biết lấy mình thôi.

**Phụ thêm một bài tụng «ĐỘC-CHIẾU»**

Trâu cùng người không khác,
Người có, thôi trâu chi.
Thanh-tịnh cùng diệu lạc,
Thanh-tịnh càng nhiệm-màu.



### Giải thâm mật ý-nghĩa bài tụng IX : «ĐỘC CHIẾU»

Thân con trâu đã biến mất. Nó đã thành ra thân Phật nên không thấy được. Chú mục-đồng huấn-luyện con trâu đen huyền hóa ra con trâu trắng sạch, rồi con trâu trắng sạch biến thân trâu ra thân Phật, nên trong bức tranh chỉ có một mình chú mục-đồng mà thôi. Vì thế mà bài thứ chín tựa đề là «Độc chiếu» nghĩa là «soi một mình».

Đáng lẽ bức tranh nầy phải vẽ hai chú mục-đồng, nhưng vì hai chú như một, giống nhau như khuôn, không thể phân-biệt được chú nào là mục-đồng mới (trâu), chú nào là mục-đồng cũ (người.)

Chú mục đồng cũ (người chăn trâu) đến khi thân trâu đã biến mất, chú rảnh tay nhàn rỗi, chú



thấy trong người chú nhẹ-nhàng như mây ; chú vỗ tay hát nghêu-ngao dưới bóng trăng. Chú mục-đồng mới (con trâu) cũng vỗ tay hát hòa nhịp.

Tuy con trâu đen huyền tu lâu năm đã hóa thành trâu trắng sạch, rồi biến mất thân trâu trắng, hóa thành thân người giống như thân chú mục-đồng. Nhưng cái thân người chưa phải là thân Bồ-đề rốt-ráo. Thân nầy vẫn còn là vật chướng-ngại còn phải đi, phải về, còn phải vượt qua một trùng quan cách trở. Vậy còn phải tu cho thoát khỏi cái cửa ải cuối cùng ấy mới là tới đích Ba-la-Mật.

Con trâu tu lâu mới giải-thoát được cái thân thú là cách-mạng thân phàm chuyển thành thân thánh. Thân trâu giống thân chú mục-đồng như khuôn đúc đang vỗ tay hát vang dưới bóng trăng. Đó là tượng-trưng cho chúng-sanh nầy tu đã đắc-đạo : Chuyển thân phàm thành thân thánh là ngôi Đẳng-giác.

Đẳng-giác là một hữu-tình đã thấy rõ tâm Bồ-đề của mình bình-đẳng với tâm của Phật. Nhưng chưa phải là rốt-ráo Bồ-đề vì còn phân-biệt tâm mình với tâm Phật, mặc dầu đã thấy rõ hai tâm bình-đẳng như nhau. Còn có tâm phân-biệt tức là còn cách một trùng quan, chưa được Bồ-đề rốt-ráo. Phải tiến lên một bậc nữa, tu làm cho cái «Trí vô phân-biệt» phát

hiện ra để soi thấy cảnh-giới vô phân-biệt là cảnh-giới Niết-bàn rốt-ráo.

Trí vô phân-biệt là không phân-biệt cái tâm năng thủ với cảnh sở thủ, nghĩa là coi nội tâm với ngoại cảnh chỉ là một khối Bồ-đề mà thôi.

Phải có trí sáng-suốt soi thấy thân tâm mình với vạn vật chung-quanh mình đồng là «Tướng phần» của «Tâm vương» của người và của các pháp-giới khác đã cống hiến ra thì còn phân-biệt làm gì nữa. Thế gọi là «vô phân-biệt», là «Đại bình-đẳng». Thí dụ như người da đen, da trắng, da đỏ, da vàng,... đồng là nhân-loại Bồ-đề bình-đẳng hiện ra, chỉ có ngu-si mới phân-biệt, chớ Đại trí-huệ thì không bao giờ phân-biệt.

Đức Ngũ-Tổ Hoằng-Nhẫn nói : «Vạn cảnh tự như như». Cái tâm vô phân-biệt tức là «tâm chân-thật». Tánh thấy như thế, tức là «tự tánh vô thượng Bồ-đề».

Đức Lục-Tổ Huệ-Năng nói : «Như như là muôn vật như một vật, chẳng nên phân-biệt, vì vật nào cũng là tánh Bồ-đề hiện ra». Thí dụ như mặt trăng ở giữa hư-không mà ngàn bóng trăng hiện ở ngàn đáy nước, đáy sông. Bóng trăng có sanh thì có diệt ; còn mặt trăng thật vẫn tự như.

Một mặt trăng hiện ra ngàn bóng trăng. Một tánh Bồ-đề của mình hiện ngàn vật, ngàn cảnh.

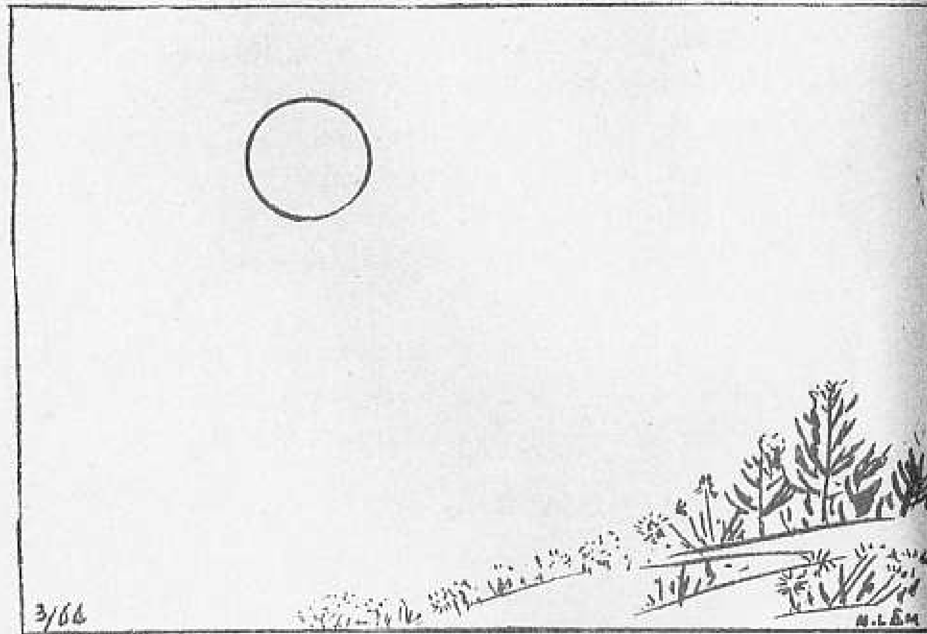


Vạn vật vạn cảnh có sanh thời phải có diệt ; tánh Bồ-đề của mình vẫn bất diệt bất sanh, vẫn như như bất động.

Thế-giới Phật, thân Phật với thế-giới chúng-sanh, thân chúng-sanh giống nhau như muôn ngàn bóng trăng hiện ở đáy sông. Tánh Bồ-đề của các ngài giống như mặt trăng lơ lửng ở giữa hư-không. Trí-huệ mình sáng-suốt như thế, nên mình coi vạn vật với mình là «Đại bình-đẳng». Mình không phân-biệt Phật với chúng-sanh và mình với vạn vật.

Tóm lại, bài thứ chín «Độc chiếu» nói : Con trâu với chú mục-đồng là dụ chúng-sanh với Phật đã đồng hóa : hai thân đồng một thể-chất hóa Phật (Đại bình-đẳng)






Bài thứ mười

**Giải nghĩa bức tranh X : « SONG DẪN » (TẤT CẢ HAI)**

*Bức tranh nầy không vẽ con trâu, không vẽ chú mục-đồng, mà chỉ vẽ một mặt trăng tròn với vài khóm cỏ hoa sanh sống trong bóng nguyệt, là dụng-công vẽ một cái gì không thể vẽ được, bởi vì nó vô hình tướng.*



BÀI TỤNG THỨ MƯỜI

## « SONG DẪN » (TẤT CẢ HAI)

**Nguyên văn chữ Hán :**

雙泯第十

人牛不見杳無蹤
明月光寒萬象空
若問其中端的意
野花芳草自叢叢

**Dịch âm :**

Nhân ngưu bất kiến yểu vô tung,
Minh nguyệt quang hàn vạn tượng không.
Nhược vấn kỳ trung đoan đích ý,
Dã hoa phương thảo tự tùng tùng.

**Dịch nghĩa :**

**Tung tích người trâu, chẳng thấy đâu.**
**Lâng lâng muôn tượng ánh trăng thâu.**
**Ý nầy đoan đích ai hay được ?**
**Cỏ nội hoa ngàn mọc với nhau.**

*T. Nh.*

### Giải nghĩa bài tụng X : «TẤT CẢ HAI»

Câu thứ nhất nói : Mục-đồng và con trâu không còn thấy hình dạng đâu nữa hết.

Câu thứ hai nói : Chỉ có một bóng trăng (biền-giác) trống rỗng bao-la mà thôi.

Câu thứ ba nói : Cái tâm sự nầy có ai hay biết được ?

Câu thứ tư nói : Cỏ đồng, hoa núi biết với nhau.



**Phụ thêm một bài thơ : «SONG DẪN»**

Đây, chẳng bóng trâu cần gì giữ,
Mục-đồng không ích vốn hư duyên.
Bồ-đề vô tướng soi muôn thuở,
Trăng sáng khắp trời vẫn tự-nhiên.

*N. D.*

### Giải nghĩa bài thơ phụ thêm : «TẤT CẢ HAI»

Câu thứ nhất nói : Trâu đã không còn, thì cần gì chăn giữ.

Câu thứ hai nói : Cái tên mục-đồng cũng hóa ra giả danh.

Câu thứ ba nói : Cái chân-tâm vô tướng mà vẫn chiếu, vẫn soi đời đời.



Câu thứ tư nói : Như trăng sáng tự-nhiên rọi khắp trời đất.

**Phụ thêm một bài tụng : «SONG DẪN»**

Chăn giữ trâu không còn,
Mục-đồng ích chi nữa.
Chân-như soi muôn thuở,
Giáo-lý nói chi hơn !



### Giải thâm mật ý-nghĩa bài tụng X : «SONG DẪN»

Bức tranh nầy vẽ cái Pháp-thân Phật của con trâu là cái thân rộng lớn vô-biên bao-la hàm cả vũ-trụ vạn-hữu, cả thân trâu, thân mục-đồng và cánh đồng cỏ xanh, nước biếc. Chẳng những vẽ được một Pháp-thân Phật của con trâu, mà còn vẽ được cả Báo-thân và Hóa-thân Phật của nó nữa.

1.- **Pháp-thân.**— Ánh-sáng mặt trời bao hàm hư-không thế-gian vạn vật tức là Pháp-thân Phật của con trâu rộng lớn vô-biên bao hàm vạn pháp.

2.- **Báo-thân.**— Mặt trăng là Báo-thân Phật của con trâu, do ánh-sáng Pháp-thân kết-tinh lại.

3.- **Hóa-thân.**— Cánh đồng cỏ xanh, nước biếc nuôi thân trâu là «Ứng-hóa thân Phật» do bi nguyện, hoặc do nghiệp cảm đã tạo thành.

Thế là tự tánh trâu ta không sanh tâm, không sanh thân bần-thỉu làm trâu nữa, mà sanh tâm sanh thân thanh-tịnh làm Phật. Nhưng trâu ta có tám chủ quyền tự-tại: muốn sanh tâm, sanh thân làm trâu nữa hay là làm gì để cứu đời cũng vẫn được, không ai ngăn cản được mình. Một cái thân trâu ta đã như thế thì trăm ngàn vạn ức triệu cái thân tâm chúng-sanh khác cũng vậy.

Thật là thân ta đã tu-hành đúng như lời đức Lục-Tổ dạy: «Nào ngờ tánh mình hay sanh vạn pháp».

— Phật là gì ?

— Phật là người có toàn năng và toàn trí nghĩa là có sức tạo ra vạn vật, vạn sự, thế - giới, hư-không, v.v... (toàn năng); có trí sáng-suốt biết rõ tất cả vạn sự vạn vật (toàn trí).

Trên lịch-sử loài người mới có một Thái-tử Sĩ-đạt-ta ở Ấn-độ làm Phật hiệu là Thích-Ca Mưu-Ni.

Phật có ba thân:

1.- **Ứng hóa thân.**— Thân nầy do cha mẹ sanh ra, cũng giống như tất cả nhục-thân của mọi người, nhưng tốt đẹp hơn, vì đủ 32 tướng quí.

2.- **Báo-thân.**— Thân nầy mắt người phàm không ai trông thấy, chỉ nghe Phật nói: «Báo-thân



của Phật là thân Lô-xá-Na. Thân nầy tốt đẹp to, lớn gấp trăm ngàn muôn ức triệu lần Ứng-hóa thân.

3.- **Pháp-thân.** — Thân nầy là thân Tỳ-lô Giá-Na. Cũng như Báo-thân, mắt người phàm chẳng thấy, chỉ nghe Phật nói: «Pháp-thân của Phật rộng lớn vô-biên như hư-không, vẫn có từ trước vô-thỉ, không phải mới sanh, không phải tự-nhiên sanh, không nhờ nhân-duyên sanh ra. Pháp-thân của Phật sống mãi, thọ vô-lượng, vô-chung.

Pháp-thân của Phật không phải bằng vật-chất, mà bằng toàn «thể-chất thiêng-liêng, sáng, hiểu» (Linh giác-thể).

Với cái thể chất thiêng-liêng, sáng-suốt, hiểu biết nầy tự tạo ra mười pháp-giới: Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, Thinh-văn, Trời, Người, A-tu-la, Súc-sanh, Ngạ-quỉ, Địa-ngục.

Thế là Pháp-thân của Phật rộng lớn vô-biên bao hàm cả không-gian, thời-gian, vũ-trụ, trùm cả vạn vật, vạn pháp và hóa-sanh ra vạn vật, vạn pháp. Vạn vật, vạn pháp đều hóa-sanh tương-tục ở trong Pháp-thân của Phật giống như hằng vạn cái bóng đều sanh diệt ở trong «Gương-trí đại-viên».

Đức Thích-Ca Mưu-Ni Phật thương chúng-sanh mê-muội. Ngài nhập bọn với chúng-sanh để thuyết pháp chữa bịnh, đánh thức, làm cho chúng-sanh tỉnh

lại, khiến chúng-sanh lại thấy thân chúng-sanh là ba thân Phật : Pháp-thân, Báo-thân, Hóa-thân, trí chúng-sanh là «Nhất-thế-trí», tâm chúng-sanh là tâm Bồ-đề, tánh chúng-sanh là «tánh Phật».

Muốn cho chúng-sanh thấy được Phật-tánh của mình, Phật dạy : «Trong chúng-sanh ai ai cũng có một tánh thấy», tức là Phật - tánh của chúng-sanh. Nhục-thân chúng-sanh có trẻ, có già và mau chết nên chi thân chúng-sanh vô-thường ; tánh thấy của chúng-sanh không trẻ, không già, không chết nên chi nó thường trụ, bất diệt, vô-lượng thọ. Tánh thấy của chúng-sanh bao hàm vạn vật, vì nó thấy được vạn vật. Càng khéo tu dưỡng nó càng sáng-suốt rộng ra thành một «thể-chất vô-lượng quang» sáng khắp Pháp-giới. Nó thấy vạn vật xa đến đâu, tức là nó bao hàm được vạn vật xa đến đó.

## QUYẾT-NGHI :

Làm sao biết được cái «Tánh thấy» của chúng-sanh sanh ra vạn vật ?

— Phật dạy : «Hãy mở mắt nhìn vào hư-không một hồi, bỗng chúng ta thấy nhiều vật nhỏ nổi lén lao-xao như hoa lốm-đốm khắp hư-không. Chính là «Tánh thấy» của chúng ta mỏi mệt đã sanh ra các hoa đốm đó. Những hoa đốm nầy không thật có, mà chúng ta lại chấp trước vào sáu trần của hoa



mà sanh ra tâm yêu hoa, ghét hoa, mắng hoa, rồi sanh ra ưu, bi, khổ, hận vì hoa !

Biết được Tánh thấy của chúng ta sanh ra « không hoa », thì hiểu rõ Tánh thấy của chúng ta cũng sanh ra vạn vật, vạn pháp, thấy vạn vật, vạn pháp, bao hàm vạn vật, vạn pháp cũng được, cũng đúng như thế, nào có khác gì ! Có biết được tự tánh của chúng ta sanh ra vạn vật, cũng như nó đã sanh ra «không hoa» thì chúng ta mới không trụ vào lục trần của những «không hoa» vạn vật ấy, rồi mới sanh tâm yêu ghét «không hoa» ấy ; như thế chúng ta là người «Chính biến tri», tức là Phật.

Trái lại, nói tự tánh mình chẳng sanh ra được «không hoa» cũng chẳng sanh ra được vạn vật là vật thật có để chúng ta dùng, nên sanh tâm trụ siết vào sáu trần (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp) của vạn vật, được thì sanh tâm tham, mất thì sanh tâm sân, rồi sanh tâm mê-muội, phải sanh thân người ngu-si, thân trâu, thân ma quỉ đói khát, thân tù tội ở Địa-ngục cũng chỉ vì tánh thấy của chúng ta mê mệt quá mà sanh ra những thân tâm khổ não ấy, cũng như nó đã vì mỏi mệt mà sanh ra những «không hoa».

Sở dĩ Phật thương tánh thấy của chúng ta mê-hoặc đã sanh ra thân tâm trâu, ngựa nên tánh thấy của Phật liền sanh thân tâm Phật để chỉ dạy chúng ta phương-pháp tu-hành thành Phật như trong kinh

Pháp-Hoa nói : «Phật vì một đại sự nhân - duyên Khai thị chúng - sanh Ngộ Nhập Phật Tri-Kiến mà xuất hiện ra đời».

Tóm lại, mười bức tranh chăn trâu giới-thiệu con đường tu-hành của đạo Phật chỉ rõ những thứ bậc tu chứng, những phương-pháp đối trị đến quả giải-thoát hoàn-toàn. Người tu-hành cần phải tự biết mình, biết tánh tình của mình, nhận-định rõ-ràng con đường phải đi, phương-pháp phải theo và lúc nào cũng phải khôn khéo ứng dụng mọi phương-thế để đối trị nghịch cảnh và nội ma trên con đường tu-hành của mình.



TẬP II

# Giảng-giải theo «Thiền-học»



Chứng cho kỳ được quả Phật, thành-tựu cho kỳ được trạng-thái Đại-giác, đó là mục-tiêu chính của người Phật-tử tinh-tiến, mặc dầu biết rằng không phải nhất-định thành được ngay ở kiếp nầy; và Thiền-tông, đã là một chi phái của Đại-thặng, cũng dạy rằng tất cả cố gắng của chúng ta phải hướng về mục-tiêu tối thượng ấy. Ngược hẳn với phần đông các giáo phái khác chủ trương rằng con đường hành đạo dắt dẫn đến mức chứng-quả vô-thượng là con đường tiệm-tu, bước từng bước một, từ thấp lên cao, theo chiều tiến triển thuận-thứ lục-tục mà đi cho đến mức cuối cùng, Thiền-tông không chủ trương như vậy, lại mạnh bạo cho rằng một khi ta nhận rõ được thực-trạng của tâm ta thì tất nhiên ta chứng được quả Phật, không cần phải từng giai-đoạn tiệm tiến, chậm-chạp trong vô-lượng kiếp luân-hồi. Đó là giáo-lý đặc-biệt đầu tiên của phái Thiền được phổ biến ngay khi đức Bodhi-Dharma (Bồ-đề Đạt-mạ) bước chân đến đất Trung-Hoa vào thế-kỷ thứ VI. «Ngươi hãy nhìn rõ bản-tâm của ngươi, ắt ngươi sẽ thành Phật vậy», đó là khẩu-hiệu truyền-giáo của phái Thiền. Và sự chứng-quả bằng «trực quan» nầy không phải

là kết-tinh của một trí-giác sâu rộng, hay của một tư-duy cường liệt nào ; cũng không phải là một ân-sủng của đức Phật ban cho hàng đệ-tử khổ-hạnh tu-trì của ngài. Sự chứng-quả nầy chỉ là nhờ sự tu-luyện đặc-biệt do các vị Thiền-sư chỉ dạy mà thôi. Như thế thì Thiền-tông khó lòng quan-niệm con đường tu-chứng là phải tiệm-từ mãi mãi cho đến mức chứng-quả vô-thượng. «Nhận rõ bản tâm» phải là một sự «nhất đán viên thành», không cần phải trải qua những giai-đoạn tiến-trình từng mức một.

Nhưng, nếu ta căn-cứ vào ý-niệm thời-gian là con thuyền tất phải có, để tải đưa tư-tưởng và sự vật trên đời, dĩ-nhiên ta không thể ý-niệm được một sự chứng-quả «nhất đán viên thành», đạt được ngoài chi-phối của thời-gian. Bao giờ trí não ta là vô-cùng tương-đối, nó luôn luôn quan-niệm sự vật phải tiến triển từng mực-độ trong dòng chảy của thời-gian chớ không thể vượt ngoài thời-gian, thì tự-nhiên ta không thể tưởng-tượng một sự việc gì ngoài định-luật tiến triển, từ chỗ thấp lên chỗ cao, từ độ trước đến độ sau vậy.

Chính giáo-lý của Thiền-tông, đã là một quan-niệm cần phải xác-minh rõ-ràng theo một luận-cứ, tức nó cũng phải đặt dưới sự chi-phối của thời-gian, bằng cách nầy hay cách kia. Nói một cách khác, thí dụ như muốn hiểu rõ nó, người ta cần phải suy-luận



về nó một cách tiệm-từ, và cũng tiệm-từ diễn-đạt phần nào để thấu hiểu sâu rộng Thiền-đạo là gì ? Như vậy có tránh khỏi được sự chi-phối của thời-gian không ?

Hơn nữa, một chân-lý thuần-túy có thể trực-giác trong nhất đán, vượt khỏi mọi sắc-thái, mọi giới-hạn, nhưng khi chân-lý ấy được thể-hiện rõ-ràng trong trí con người, dĩ-nhiên là sự thể-hiện nầy phải nhờ định-luật tâm-linh chi-phối. Nay dạy rằng : «Ta phải tự-nhận rõ bản-tâm của ta», điều nầy nhất-định cũng phải tiệm-từ trải qua nhiều giai-đoạn, từ chỗ ít sáng tỏ lần lần đến chỗ minh-liệu rõ-ràng. Đứng về mặt siêu - tuyệt thì mỗi người trong chúng ta là Phật cả, mặc dầu trong chúng ta còn dẫy-đầy vô-minh và ô-trược ; nhưng một khi chúng ta quay xuống dẫm chân trong kiếp nhân-sanh thực-tại, thì cái lý-tưởng thuần-túy của chúng ta phải nhường bước cho bao nhiêu hoạt-động khác hẳn và là những hoạt-động hiển - nhiên vậy. Phương-diện nầy của Thiền-tông được gọi là «phương-diện tạo-thành», tương-phản với phương-diện đột-nhiên bộc-phát như hải-triều dâng mạnh từ đáy biển tức là hiện tượng «nhất-đán viên-thành» một cách nộ-phóng. Và ở đây, phái Thiền-tông nhìn nhận trong hàng môn đệ có kẻ thấp người cao vì phải có kẻ mau người chậm trên con đường tu-tập tinh-thần, bởi lẽ là trong tâm-linh

của mỗi người, chân-lý ứng-hiện từ từ, mau hay chậm cho đến khi hoàn-toàn thể-hiện được trạng-thái «nhận rõ bản-tâm» của mình.

Về mặt tu-tập thực-hành, Thiền-tông được liệt vào những phái «Trực-tiếp» hay «Đoạn-tục» hay «Dốc-hẫm» khó trèo (người Tàu gọi là Toun), tương-phản với những phái «Liên-tục» hay «tiệm-từ». Theo quan-điểm của phái Thiền thì sự khai-minh của trí-huệ là việc bộc-phát tự-nhiên, như một sự tình đột-ngột tự-khởi, chớ không phải là kết-quả của một tiến-trình tuần-tự liên-tục mà ta có thể theo dõi và phân tách từ giai-đoạn. Hiện-tượng Satori (Giác-ngộ) đến cho ta không phải từ từ đến như mặt trời từ từ mọc làm sáng tỏ từ từ vạn vật, mà nó đến một cách đột-ngột (đột-nhiên) như hiện-tượng kết băng đông đặc của nước. Trước lúc tâm-linh được khai-minh sáng tỏ, tuyệt-nhiên không có giai-đoạn trung-gian, cũng không có một khoảng trí năng vô-ký nào hết. Như bao lần đã thấy những trường-hợp thể hiện của Satori (Giác-ngộ) sự chuyển-vị từ chỗ vô-minh ngu tối đến chỗ giác-ngộ sáng-suốt, thật là đột-ngột, thậm chí ta tưởng rằng một con chó cỏ đã đột-ngột trở thành một con sư-tử oai-phong. Rõ ra, Thiền-tông là một phái «cực kỳ dốc-hẫm» của Phật-giáo vậy. Nhưng, nếu đúng như vậy, ta phải nhận-thức chân-lý của Thiền trên phương-diện thuần-túy của



nó mà thôi, ngoài hẳn những liên-hệ với tâm-linh của người đắc thiền. Nếu ta xét về chân-lý theo sự sáng tỏ mà chân-lý ấy đem lại cho tâm trí ta và cứ xét sự-kiện nầy ngoài những mối liên-quan với tâm-trí, chúng ta có thể nói rằng sự thể-hiện chân-lý nầy là tiệm-từ trong tiến-trình của nó chớ không phải bộc-phát nhất đán. Vì rằng trong trường-hợp nầy cũng như trong bao nhiêu trường-hợp khác, định-luật tâm-lý cũng tác-động như nhau. Bởi thế, nên khi đức Bodhi-Dharma (Bồ-đề Đạt-mạ) sắp rời khỏi đất Trung-Hoa, ngài nói rằng nếu sánh Thiền-đạo là một cơ-thể thì Tăng Taofou là thịt, Tăng Tao-In là xương, còn Tăng Houei-Ko (Huệ-khả) là tủy vậy.

D.D. Houaï Jang (Hoài-trượng) người kế nghiệp cho Lục-Tổ có tạo được sáu đệ-tử hoàn-toàn, nhưng mỗi người đều đắc Thiền sâu cạn, cao thấp khác nhau. D.D. Houai-Jang (Hoài-Trượng) cũng dùng cơ-thể mà so sánh các đệ-tử nầy của ngài: «Tất cả các con đã thừa-nhận thể xác của thầy, nhưng mỗi con chỉ nhận được một phần riêng biệt mà thôi. Người nào có được đôi mi của thầy là được có tác-phong đường-hoàng; người kế đó có được đôi mắt thầy là biết xem sự vật đúng cách; người thứ ba có được hai tai thầy thì hiểu rõ được phải nghe điều luận biện như thế nào; người thứ tư được mũi thầy thì hiểu được phải thở bằng cách nào; người thứ năm có

được lưỡi thầy thì được tài biện-luận ; và cuối cùng người nào được tâm thầy là người thông suốt tương-lai lẫn quá-khứ».

Sự phân chia ra từ tầng một, riêng biệt của sự chứng-thành thiền-quả như vậy không thể làm được nếu ta đặt cứ-điểm trên yếu-tố duy-nhất như nói trên là «nhận-thức bản-tâm» của mỗi người do mỗi người, nhận thức hoàn-toàn và viên-mãn, bởi vì một sự nhận thấy như vậy là một tác-động tròn đầy và duy-nhất, không thể phân chia ra được, lại cũng không chứa một khoảng trống trung-gian nào cả.

Tuy nhiên, như chúng tôi hằng nhấn mạnh chỗ nầy, là không có gì mâu-thuẫn trong nguyên-tắc của Satori (Giác-ngộ) khi nói rằng trong thực-tế của sự kiến-nhận bản-tâm có một sự thể-hiện tiệm-từ, một tiến trình liên-tục nó lần lần đi sâu vào chân-lý của Thiền và để chung-qui rồi đồng nhất với nó vậy.

Câu chuyện Lieh-Tseu, một triết-gia Trung-quốc thiên về Lão - học, cho chúng ta một bằng-cứ về những giai-đoạn tiệm-từ lần lần vẫn đến thực-hiện chữ Đạo.

Thầy của Lieh-Tseu là Lao-chang-chih và bạn của ông là Paï-kao-Tseu. Khi Lieh-tseu đã đạt được giáo-lý uyên-thâm của hai bậc hiền nhân là thầy và bạn của ông, ông trở về nguyên quán của ông bằng



cách cỡi gió mà đi. Thầy In-chênh nghe người ta thuật lại chuyện ly-kỳ nầy bèn bỏ nhà trong mấy tháng để quyết tìm đến hỏi học cùng Lieh-tseu. Ông quyết cầu Lieh-tseu dạy cho thuật cỡi gió lướt mây, nhưng mười lần ông hỏi thì mười lần Lieh-tseu từ khước không dạy. Nản chí, In-chênh muốn bỏ đi. Thế mà Lieh-tseu cũng không mở một lời cầm ông ở lại. Như vậy trong mấy tháng In-chênh gần thầy cũng như không, chẳng được toại nguyện chút nào. Đi không chẳng lẽ về không, ông bèn trở lại tìm Lieh-tseu lần nữa. Lieh-tseu bèn hỏi In-chênh «cớ sao đi đi lại lại mãi vậy ? » — In-chênh đáp : «Hôm nọ, đệ-tử là Tchang-Taï, có ngỏ ý muốn học hỏi nơi tôn-sư, nhưng tôn-sư từ chối. Dĩ - nhiên là đệ-tử không được như ý chút nào. Tuy vậy, đệ-tử không hề lấy đó mà làm phiền trách tôn-sư, nên nay đệ-tử trở lại ra mắt tôn-sư lần nữa». Lieh-tseu bèn nói : «Ngày hôm ấy, bỉ-nhân ngờ là ông đã hiểu rõ những điều ấy rồi. Nhưng hôm nay bỉ-nhân không dè thấy ông là một con người rất tầm-thường chưa biết gì hết. Vậy để bỉ-nhân nói lại ông biết những gì bỉ-nhân đã học với thầy bỉ-nhân thuở nọ. Ông hãy ngồi xuống và nghe đây : Sau khi bỉ nhân đã theo gót chân thầy là đức Lao-chang (Lảo-Trang), và bạn là Paï-Kao được ba năm, tâm trí bỉ-nhân đã bắt đầu không nghĩ ngợi gì về thiện ác, miệng của bỉ-nhân không

còn nói những lời về thành hay bại, hơn hay thua, lời hay lỗ nữa. Đến lúc đó, thầy của bỉ-nhân mới hạ-cố ban cho bỉ-nhân một cái nhìn bỉ-nhân mà thôi. Sau năm năm nữa tâm trí của bỉ-nhân lại quay về suy-tưởng đến điều ác thiện và miệng của bỉ-nhân lại nói luôn những hơn thua, thành bại nữa. Ngay lúc đó, lần thứ nhất thầy của bỉ-nhân mới tỏ sắc dịu bớt và ban cho bỉ-nhân một mỉm cười. Rồi sau đó bảy năm nữa, bỉ-nhân đạt tới giai-đoạn là thả cho tâm trí bỉ-nhân tha-hồ tưởng gì cũng được, không còn câu nệ ác thiện ; thả cho miệng bỉ-nhân thốt ra lời gì cũng được, không câu nệ chỗ táng hay hưng, thất lợi hay đắc lợi. Giờ đây, thầy của bỉ-nhân mới đoái mời bỉ-nhân ngồi gần bên ngài. Sau chín năm nữa, luôn luôn ở ngoài vòng thu thúc tâm trí trong điều thiện ác, ngoài vòng kềm-hãm miệng mồm trong lối phân-biệt nói việc lợi hay bất lợi, bỉ-nhân đạt đến trạng-huống tâm trí không biết bỉ-nhân hoặc ai khác ngoài bỉ-nhân, ai sái ai phải, không còn phân-biệt ai đặng ai thất, đến đỗi bỉ-nhân không còn biết được thầy của bỉ-nhân là đức Lao chang-chinh và bạn là Pai-Kao nữa. Như vậy bỉ-nhân hay rằng từ trong ra ngoài bỉ-nhân đã tiến-bộ. Giờ đây, đối với bỉ-nhân mắt cũng như tai, tai cũng như mũi, mũi cũng như miệng, không chỗ gì phân-biệt, bởi lẽ tất cả là như một cơ-quan duy-nhất. Tâm trí bỉ-nhân đã tản mát trong



một niềm hỷ-lạc vô-biên, sắc-tướng xác thân không còn, xương thịt đã tiêu-tan, bỉ-nhân không còn biết thân-thể nầy dựa dâu mà đứng ; bỉ-nhân không còn biết chân đạp nơi đâu mà đi. Thân xác bỉ-nhân đã theo chiều gió cuống đông tây, nhẹ-nhàng tựa hồ như chiếc lá vàng, như tai trấu lúa. Không biết gió cỡi bỉ nhân hay bỉ-nhân cỡi gió. Ai nói được ? Bỉ-nhân không biết.

Còn như ông đây, ông gần thầy ông có được bao lâu dâu, mà ông đã dám ra phiền-trách thầy ông. Ông hãy xem lại coi, thân ông còn nặng trịu, gió không nâng được một phần nào của thân ông, mặt đất còn bị thân ông đè nặng kia mà ! Như thế thì ông đâu được trông mong ước - vọng cỡi gió lướt mây ! »

Nghe mấy lời, In-chêng lấy làm hổ-thẹn và ngồi im không thốt nên một lời.

Nhiều vị tu-sĩ thần - bí thuộc Cơ-đốc-giáo và Hồi-giáo cũng đã miêu-tả con đường tiệm-từ tiến-triển tinh-thần của họ tương-tợ như vậy. Có những vị Soufis trong Hồi-giáo đã nói dến « Bảy tầng Sơn-cốc » phải vượt qua dề đến nguỡng sân Simurgh, nơi mà bầy «Chim thần-bí» đã quang-vinh mất dạng, nhưng thế mà còn tồn-tại trong cái « Đại tự-tại » kinh hồn của nó.

Bảy Sơn-cốc ấy là :

1.- Sơn-cốc Sưu-cầu,
2.- Sơn-cốc Từ-ái vô-biên,
3.- Sơn-cốc Tri-thức,
4.- Sơn-cốc Tự-chủ,
5.- Sơn-cốc Đồng-nhất thuần-túy và độc-thể,
6.- Sơn-cốc Kinh-thán,
7.- Sơn-cốc Vô-dục và Tuyệt-diệt là mức cùng tột không thể tiến xa hơn được.

Còn theo quan-niệm của Nữ Thánh Sainte Thérèse d'Avila thì có bốn độ trong đời sống tâm-linh thần-bí :

1.- Tham-thiền,
2.- An-tịnh,
3.- Một đoạn vô danh,
4.- Mặc đảo đồng-nhất.

Theo Hugues de Saint Victor cũng có bốn độ :

1.- Tham-thiền,
2.- Độc-ngữ,
3.- Thưởng-ngoạn trầm-tư,
4.- Hoan-hỷ xuất thần.

Nhiều tu-sĩ Cơ-đốc khác cũng nói đến ba hoặc bốn độ « Từ-ái nồng-nàn » hoặc « Thưởng-ngoạn trầm-tư ».

Trong quyển «Khảo về Thần-bí-thuyết trong Hồi-giáo» (Etudes sur le mysticisme islamique), Giáo-



sư R. A. Nicholson có phiên-dịch đoạn áng «Trường-thiên-thi tiến-trình thần-bí» (Poème du progrès mystique) Tâ'iyya của Ibnal Fârith. Ta nhận thấy trong bản «Trường-thiên-thi» này có đoạn giống tựa như lối thần-bí Phật-giáo, đến đỗi ta tưởng như nhà thi-hào Ba-tư chỉ lập lại những tình-tứ đã linh-cảm Thiền-tông vậy. Mỗi khi chúng ta trông thấy những đoạn văn-chương thần-bí như thế, chúng ta không khỏi ngạc-nhiên rằng trong tận đáy tâm-hồn của nhân-loại có một điệu tiết-tấu đồng-nhất của tâm-linh và tư-tưởng, ngoài những khác-biệt chi-tiết tình cờ.

Dưới đây là hai câu 326 và 327 trích trong «Trường-thiên-thi Tâ'iyya» :

«Từ chỗ «Tôi là vạn-hữu», tôi vượt lên chỗ mà câu : «lên chỗ xa hơn» không còn ý-nghĩa nữa, rồi tôi trở xuống mang thêm hương-vị cho cái sống hiện-tượng vô-thực này.

«Và từ chỗ «Tôi là Tôi», tôi trở về trên kia, vì tôi tràn-trề lòng háo-mộ một trí-năng bí-ẩn và những luật thiên-nhiên của ngoại cảnh, để rồi tôi có thể kêu gọi ai ai : «Hãy đi về cùng Thượng-đế».

Viết ra dưới hình-thức và văn-thể như hai câu thi vừa trích ra trên, thật là khó hiểu. Nhưng khi ta đọc những đoạn bình-chú dưới đây, ta có thể lãnh-hội phần nào cái chiều tư-tưởng của vị thi-hào Ba-tư.

Ở đây phải phân-biệt ba giai-đoạn nằm trong Nhất-thể: Ittihâd «Tôi là vạn-hữu», nghĩa là đã có đồng-nhất (Jam') bên trong với vũ-trụ mặc dầu bên ngoài như còn phân-biệt hai bên. Chính ở giai-đoạn này Al-Hallâj nói (Ana'lhaqq): 1) «Tôi là Thượng-đế»; 2) «Tôi là Tôi», nghĩa là đây mới thật là đồng-nhất, không còn mảy may khác-biệt nào cả, không còn cá-thể nữa. Giai-đoạn này được coi như một cuộc «thưởng-ngoạn say sưa trong Nhất-thể» (Sukr' l-jam'); 3.- «Thanh-đạm của Nhất-thể» (Sahwu' l-jam') nghĩa là nơi đây người đắc thiền từ chỗ nhất-thể thuần-túy của giai-đoạn thứ hai quay về phức-thể trong nhất-thể, quay về cái biệt-thể trong đồng-thể, về với Đạo trong chân lý, thậm chí người ấy vẫn đồng-thể-hóa với Thượng-đế mà lại phục-vụ Thượng-đế như tớ phục-vụ chủ-tể của mình. Đời sống Thượng-đế được thể-hiện trong hành-vi cao-khiết hoàn-toàn đối với nhơn loại.

«Giai-đoạn mà mé bên kia cái câu» lên chỗ xa hơn «không còn ý-nghĩa nữa», ấy là giai-đoạn: «Tôi là Tôi», ngoài bên kia không còn tiến xa được nữa, nếu không phải là bằng lối phản-hồi nguyên-vị. Trong tầng này người nhập thiền đã đồng-thể-hóa với nhất-thể trong phức-thể là Thượng-đế vậy. Chỉ khi người ấy quay trở về, nghĩa là bước vào giai-đoạn thứ ba là giai-đoạn phức-thể trong nhất-thể mới



có thể giao-cảm cùng bạn-bè mình đã chuyền cho họ cái hương-vị của kinh-nghiệm mình đã trải qua. Câu «Tri năng bí-ẩn» có nghĩa là Thiên-mệnh ứng-hiện bằng giáo-lý. Sau rốt, khi trở về với tri-giác, chừng ấy người nhập thiền, đã là Nhất-thể, mới đủ điều-kiện thực-hành thiên-luật và hoạt-động như kẻ dẫn lối tinh-thần cho kẻ khác».

Khi chúng ta lấy đoạn bình-chú trên đây mà đối-chiếu với thái-độ tiềm-từ của Thiền-tông như trong những bức tranh Thập-mục ngưu-đồ mà sẽ được chú-giải ở phần sau, chúng ta tưởng như đoạn chú-giải vừa nêu ra trên đây là viết ra dành riêng để giải-thích Thiền-pháp của đạo Phật vậy.

Dưới đời Tống, có một vị Thiền-sư tên là Seikyo (Thánh-giáo) đã dùng lối vẽ thành tranh để chứng-giải những giai-đoạn kế tiếp trong sự tiến-trình tinh-thần bằng lối thanh-tịnh-hóa từ từ hay là sự hư-không-hóa tuần-tự của «con trâu», đến khi trâu không còn nữa. Rủi thay, sáu bức tranh ấy đã thất lạc hết, không còn bức nào. Hiện giờ, những bức tranh như vậy vẽ ra để chứng-giải cụ-thể tinh-thần, kỷ-cương và mục-tiêu của Thiền-tông còn lưu-truyền đến ngày nay là do ngọn bút của Kakouan (Công-án), một tu-sĩ thuộc phái Rinzaï (Lâm-tế). Những bức tranh này chẳng qua là đồ lại và được hoàn mỹ hơn sáu bức tranh của Seikyo (Thánh-giáo) đã thất-

lạc. Tranh của Kakouan (Công-án) kể ra được mười bức, mỗi bức có biên ở góc một câu với tựa bằng văn xuôi và phía dưới có một dòng thi-tiết để giải-thích. Ở đoạn sau có bài phiên-dịch về mười bức tranh ấy.

Có nhiều danh-sư khác cũng đã viết ra những thi-tiết về đề-mục này, phỏng theo những câu thi trong sáu bức tranh của Seïkyo (Thánh-giáo). Vài đoạn thi-tiết này đã được đăng-tải trong bộ phổ-thông Anh-văn của quyển « Mười bức tranh mô-tả sự tuần-hóa tập-luyện con trâu » (Dix tableaux représentant le domptage du buffle).

Trong thời sơ-khởi của lịch-sử của họ người Ấn-độ có tục thờ bò cái. Kinh-điển Phật-giáo đã có nhiều lần ám-chỉ đến sự-kiện này. Trong một bộ kinh Tiểu-thặng tựa đề: «Nói về chăn giữ gia-súc», có nêu rõ mười một cách săn-sóc trâu bò. Cùng một thể đó, một nhà tu-sĩ cũng phải khắc-khe giữ tròn mười một giới-luật để trở thành một tu-sĩ Phật-giáo hoàn-toàn. Nếu vạn nhất ông sơ thất điều nào, ông sẽ bị đọa cũng như gã chăn bò không tròn phận-sự sẽ bị quở phạt. Mười một cách thức săn sóc gia-súc kể như sau:

1.- Phải biết màu sắc của bò để kiếm bò,
2.- Phải biết dấu riêng bề ngoài của bò,
3.- Phải biết chải lông bò,
4.- Phải biết băng bó vết thương cho bò,
5.- Phải biết ung muỗi cho bò,



6.- Phải biết dắt bò đi đường khô ráo,
7.- Phải biết thương bò,
8.- Phải biết dẫn bò lội ngang suối,
9.- Phải biết chọn đồng có cỏ cho bò ăn,
10.- Phải biết nặn sữa bò,
11.- Phải biết lựa bò.

Có vài điều trong mười một điều này không mấy gì rõ nghĩa.

Trong bộ kinh Saddharma-pundarika-sûtra (Diệu-pháp Liên-hoa kinh), ở chương III, đức Phật có dùng cái tỷ-dụ ba chiếc xe: xe trâu, xe dê, xe nai mà một phú-ông hứa sẽ cho con ông nếu chúng nó thoát thân được ra khỏi nhà cháy. Trong ba chiếc xe, xe trâu là đẹp hơn hết, và xe ấy là xe của chư Bồ-tát dùng đi. Kể ra nó đẹp nhất, huy-hoàng nhất, chư Bồ-tát dùng nó mà trực-chỉ đến tầng Đại-giác. Trong bộ kinh nói trên có tả cỗ xe như sau: «Xe đóng toàn bằng bảy thực-chất quí-giá, trong có ghế ngồi, chung quanh có treo vô-số chuông nhỏ, hình-dáng xe rất là oai-nghi, trang-trí bằng muôn ngàn vàng bạc, thanh mui bằng ngọc, có tuội tòng bông lá thả quanh, có nệm êm để ngồi, có mền nỉ để đắp chân, trướng màn bằng lụa trắng, có gối dựa màu hường kê hai bên, xe lại thắng vào cặp trâu trắng, vừa đẹp vừa đi mau, dắt trâu, khiến trâu có vô-số người ».

Do cái đề-tài trọng-yếu là con trâu, ta thấy trong bao nhiêu kinh-sách của phái Thiền cũng thường

đề-cập đến chuyện «bò cái trắng ở giữa chợ làng», hoặc nói đến bò cái một cách tổng-quát. Thí dụ như Taï-An (Đại-An), gốc người Fou-Tchéou (Phúc-châu), một hôm hỏi sư Paï-Tchang (Bách-Trượng): «Bạch sư, tôi ước-ao được dạy cho về đạo Phật. Vậy đạo Phật là gì ? »

Paï-Tchang (Bách-Trượng) đáp: « Đạo Phật là gì ? Hỏi như vậy chẳng khác nào người hỏi trâu là gì trong khi người đang ngồi trên lưng trâu đấy». Taï-An (Đại-An) lại hỏi tiếp: « Vậy tôi phải làm gì khi tôi biết rằng tôi đang cỡi trâu ? » Paï-Tchang (Bách-Trượng) nói tiếp: « Thì ngươi cũng làm y như người cỡi trâu ấy, trở về nhà ngươi». Lại hỏi tiếp: «Vậy tôi phải săn sóc trâu tôi cách nào để cho đúng với Phật đã dạy ? » Sư Paï-Tchang (Bách-Trượng) bèn đáp: «Ngươi phải làm y như kẻ chăn trâu tay cầm roi, mắt chằn chằn chận đón trâu ngươi không để nó đi vào ruộng của kẻ khác».

Mười bức «Thập mục ngưu đồ» đã nói ở trước là ám-chỉ những giai-đoạn tiệm-từ tu-tập tinh-thần. Nó hàm một tượng-trưng của cùng một ý-thức với chuyện cỡi trâu mà sư Paï-Tchang (Bách-Trượng) vừa dạy Taï-An (Đại-An), nhưng được diễn tả tỉ mỉ hơn, có mạch lạc hơn mà thôi.

Dưới đây là mười giai-đoạn phải trải qua trong sự chăm nom gia-súc tinh-thần đã được diễn tả bằng mười bức tranh chăn trâu. (Thập mục ngưu đồ).




**Bức tranh thứ nhất: «TÌM TRÂU»**

*GIẢI NGHĨA: Thật sự, trâu có đi lạc hồi nào đâu mà hòng phải đi tìm cho luống công vô-ích! chính vì ta không tin nó và ta đã toan mưu lập kế để phỉnh nó mà thôi; ta đã làm mất nó, chớ nó nào đi lạc. Chính ta bị những giác-quan của ta dẫn ta đi lạc, lạc đến đỗi ta mất dấu vết tâm ta, rồi ta lại ngờ rằng tâm ta đã đi lạc. Ta đây ví như kẻ phải về nhà mà lại mượn con đường dẫn xa khỏi nhà. Càng đi, nhà càng xa; càng đi xa thì bao nhiêu nẻo dọc đường ngang đâm ra làm cho ta càng rối thêm không còn thấy đường nào chính phải đi. Lòng tham-dục muốn có, có rồi lại sợ mất đi: Đó là hai ngọn lửa thiêu ta, rồi ý-niệm thiện ác càng nẩy ra vô-số kể.*

**Bài thơ thứ nhất : « TÌM TRÂU »**

*Đơn thân tiến bước dặm trường,*
*Rừng hoang cỏ rậm đâu đường tìm trâu?*
*Mưa tầm-tã rạt rào khe suối,*
*Người lê chân, sức đuối dạ sầu.*
*Non xa vẽ nhạt một màu,*
*Đường xa càng lạ, lối nào về đâu?*
*Bước cao thấp, sương chiều giăng lối,*
*Ve sầu vang, văng-vẳng gần xa!*



## Giải nghĩa bài thơ thứ nhất : «TÌM TRÂU»

Bây giờ, kẻ tìm trâu đã đi xa, bơ vơ một mình giữa rừng hoang, trên đường trường đầy cỏ rậm. Trời mưa nước dâng tràn sông rạch ; rạn núi mù mù, đường thiên lý biết bao giờ đến. Kẻ tìm trâu đã duối sức, lòng chán nản, không biết phải đi ngã nào. Trời đã chiều, sương đã phủ bụi, từng chập lảnh lót tiếng ve reo.

## Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ nhất : «TÌM TRÂU»

Nói «tìm trâu» là ám chỉ «tìm tâm», tức là «chân-tâm» hay là «Phật-tánh» của chúng ta.

Trớ-trêu thay ! Tất cả chúng-sanh đương cỡi trâu êm-đềm mà lại băn-khoăn đi tìm kiếm trâu. Nói



một cách khác, tất cả chúng-sanh đều có chân-tâm, Phật-tánh đầy đủ đức tướng Như-Lai ở nơi thân mà lại cứ hướng ngoại tìm tâm, tìm Phật, nên chi thuật-ngữ mỉa-mai rằng : «Phật trong nhà không tìm, lại tìm Thích-Ca bên ngoài». Thật là chúng-sanh làm trò-hề mà không tự biết ! Nếu không nhờ đức Thích-Ca từ-phụ khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật-tri-kiến, thì vĩnh kiếp chúng-sanh vẫn mù quáng lê phải ấy mãi.

Thật sự, trâu nào có mất mà phải bận lòng tìm kiếm. Cũng như chân-tâm, Phật-tánh của chúng-sanh không bao giờ mất, mặc dầu chúng-sanh đã nhiều lần thay hình đổi dạng trong lục-đạo luân-hồi. Nó chỉ bị ẩn khuất mà thôi do vì chúng-sanh cứ thả sáu căn : Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chạy theo sáu trần : Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp rồi đắm nhiễm đến nỗi «bội giác hiệp trần» (1) thành thử chân-tâm, Phật-tánh phải bị che đậy bởi nhiều lớp phiền-não, vô-minh. Một khi chúng-sanh biết quay về chính-pháp tu-hành, tức là biết «bội trần hiệp giác» (2) phá hết vô-minh, dứt hết phiền-não, thì «chân-tâm», «Phật-tánh» sẽ hiện bày sáng suốt viên-mãn đồng với «chân-tâm», «Phật-tánh» của chư Phật

(1) Trái với tánh-giác mà hiệp với vọng-trần.
(2) Trái với vọng-trần mà hiệp với tánh-giác.

mười phương ba đời. Ví như cái gương sáng bị bụi bám lu mờ; khi phủi bụi sạch rồi, thì gương sáng chiếu soi tỏ rõ như xưa.

Nói tóm lại, bài thứ nhất «tìm trâu», «chân-tâm» rộng lớn không bờ bến bao trùm tất cả vạn vật nên chi chân-tâm ở cùng khắp. Vậy tìm tâm không cần phải đi đâu xa, mà chính phải tìm ngay nơi bản-thân ta đây, nó đã sẵn có chân-tâm sáng-suốt, thanh-tịnh viên-mãn như chư Phật. Chỉ có sự tu chứng là điều đòi hỏi khẩn-yếu cho người quyết-chí tìm tâm phải cấp tốc hạ-thủ công-phu.






**Bức tranh thứ hai :**

**« ĐÃ THẤY ĐƯỢC DẤU TRÂU »**

*GIẢI NGHĨA : Nhờ kinh tạng rọi đường, nhờ tìm-tòi trong Chính-pháp, kẻ tìm trâu đã hiểu được chút gì rồi, anh đã tìm thấy dấu. Anh đã hiểu rằng mặc dầu dưới bao sắc-tướng khác nhau, vạn vật là đồng-nhất thể và vũ-trụ khách-quan chỉ phản-ảnh của bản-tâm vậy. Thế mà anh chưa đủ sức phân-biệt cái gì thiện cái gì không thiện ; trí anh còn mê mờ chưa rõ cái giả cái chân. Vì lẽ anh chưa vượt hẳn qua cái rào nó còn rào đường anh đi, nên người ta tạm cho rằng anh mới vừa thấy dấu trâu chớ chưa tìm được trâu.*

**Bài thơ thứ hai : « ĐÃ THẤY ĐƯỢC DẤU TRÂU »**

*Bên mé nước, dưới rừng sâu,*
*Kìa đây với đó vết trâu đã rành.*
*Hương sực nức, lá cành đày-đặn,*
*Người tìm trâu có chắc lối ra.*
*Bên trời chót vót vời xa,*
*Lãng-du trâu đã la-cà đến đây.*
*Mõm cao vút trời mây lồng-lộng,*
*Không còn chi che khuất bóng hình.*



## Giải nghĩa bài thơ thứ hai: «ĐÃ THẤY ĐƯỢC DẤU TRÂU»

Đàng xa kia, cạnh bờ suối, dưới bóng cây, đó hay đây, à, đây là có dấu rồi Rừng đầy hoa thơm cỏ lạ, càng đi sâu vào càng rậm-rạp thêm, anh tìm trâu có trông ra được lối đường chưa ? Xa nữa, xa thăm thẳm bên kia ngọn đồi, đi mãi, trâu đi đến đâu anh phải đi đến đó.

Kìa, nó ngảnh mặt lên trời, mũi nó đụng mây xanh, còn gì che giấu nó được nữa.

## Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ hai: «ĐÃ THẤY ĐƯỢC DẤU TRÂU»

Con trâu hoang không người chăn giữ, tánh tình ranh thường chạy rông-rài khắp chỗ cùng nơi : Nào



là băng đồng, lặn suối, lội sông, hoặc lên núi, vượt non, qua ải, xuống đèo... không dễ gì gặp nó trong buổi mới bắt đầu tìm kiếm.

Con trâu hoang nói đây tượng-trưng cái thú-tánh của chúng-sanh là cái tánh xấu xa, hung-ác hay làm những điều tội lỗi, tức là cái «Vọng-tâm». Cái vọng-tâm không bao giờ đứng yên một chỗ ; nó chạy mãi theo ngũ dục lạc : Sắc, đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngọt, sự đả-động êm-ái ; nó lại thay đổi quay cuồng luôn luôn theo thất tình : Mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn tùy trường-hợp đắc thất.

Con trâu hoang trong khi rông-rài phá hại mầm sanh sống của người ta, cần phải tìm bắt chăn giữ, cũng như vọng-tâm khi nhiễm trần làm cho chúng-sanh phiền-não, khổ sở, điêu đứng, cần phải tìm để chế-phục. Song mà tìm trâu không mấy khó, vì nó là vật hữu-tình ; trái lại tìm tâm chẳng phải dễ, vì nó không phải vật. Tuy nhiên chúng ta không nên ngã lòng. Vì lẽ nếu kẻ quyết-chí tìm trâu, thì thế nào sớm muộn cũng gặp được trâu, cũng như người dốc lòng tìm tâm, rốt cuộc cũng thấy được tâm. Nhưng mà phải biết phương-pháp áp-dụng để tiết-kiệm thời-gian sưu-tầm. Sự kinh-nghiệm thực-tế dạy rằng : «Tìm trâu phải nom theo dấu chân trâu».

Tuy rằng trâu chưa gặp mà dấu chân trâu đã thấy thì cũng mừng qua được một đoạn đường tìm kiếm hy-vọng sẽ gặp trâu.

— Nhưng mà trâu có thân hình đồ-sộ, sự hành-động của nó có dấu vết nên chi dễ tìm. Còn tâm vốn không hình-ảnh làm sao biết nó ở đâu mà kiếm ?

— « Kim-Cang chư gia » có câu : « Tâm bổn vô hình nhân trần phát hiện ». Nghĩa là : Cái tâm vốn không có hình, nhân vì tiếp xúc với cảnh vật ở ngoài mà tâm phát hiện ra trạng-thái.

Tâm (vọng-tâm) thường do lục căn : Nhãn-nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý phóng ra tiếp xúc với lục trần : Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp nên chi tìm tâm cần phải căn-cứ nơi căn và trần. Thoạt tiên chúng ta xét coi tâm phát ra tại căn nào ? Hoặc ở mắt tai hay mũi lưỡi cùng là thân ý ; kế đó chúng ta xét coi nó mê đắm trần nào ? Hoặc đắm sắc thinh hay hương vị cùng là xúc pháp. Nghĩa là tùy căn nào tâm đắm mà nom, tùy trần nào tâm nhiễm mà phăng, thì ra mối-manh cư-trú của «vọng-tâm».

Ngài Xuyên Thiền-sư nói : «Cách non thấy khói hay rằng lửa, khuất vách ló sừng vốn biết trâu».

Nói tóm lại, bài thứ hai ; «Đã thấy được dấu trâu».

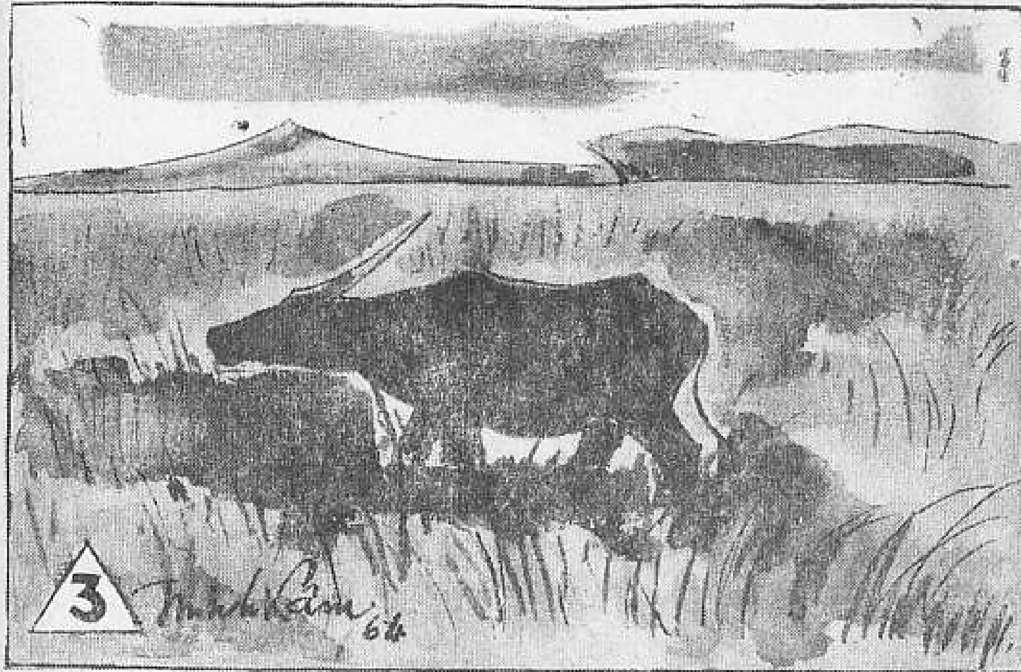


Bắt đầu tìm trâu mà thấy được dấu trâu là điềm tốt báo hiệu sắp gặp được trâu, cũng như tìm tâm mà phăng được mối-manh tâm do căn nào phóng ra và tâm trụ tại trần nào mà đắm nhiễm, thì hy-vọng thấy được «vọng-tâm», thú-tánh của mình.

Trâu hoang hay thú-tánh, vọng-tâm đều là giặc phá giới răn, luật cấm nguy-hiểm cho tánh mạng của mình lúc hiện-tại cũng như vị-lai. Tuy chưa bắt được nó, nhưng mà biết được chỗ nó ẩn để truy - tầm, thì làm sao nó trốn tránh được.

Con đường tu-tập rất dài, tiến được một bước, mặc dầu không xa, chẳng đáng kể, song cũng tạm gọi là tinh-tiến.






**Bức tranh thứ ba : « ĐÃ THẤY TRÂU RỒI »**

*GIẢI NGHĨA : Kẻ tìm trâu giờ đây chỉ dò theo tiếng động mà đi. Anh thấy rõ nguyên-nhân của sự vật ; giác-quan của anh được điều-hòa thứ tự và thứ tự hoàn-toàn trong tác-động của anh. Anh ví như muối tan trong nước, như keo trong dầu. Anh rõ-ràng ở đó, mặc dầu không thể nói rõ anh như thế nào. Chừng nào mắt dời đủ sáng tỏ, chăm rõ vào anh, chừng ấy người ta mới thấy rõ anh là anh chớ không gì khác.*



**Bài thơ thứ ba : « ĐÃ THẤY TRÂU RỒI »**

*Sơn-ca lảnh-lót trên cành,*
*Gió hiu, nắng ấm, mát rờn liễu xanh.*
*Trên ven cỏ trâu đang sừng-sựng,*
*Đã hết phương không chốn lánh mình.*
*Đầu vươn hùng-vĩ đôi sừng,*
*Ấy ai vẽ đặng uy-hùng thế kia?*



**Giải nghĩa bài thơ thứ ba : « ĐÃ THẤY TRÂU RỒI »**

Trên cành chim sơn-ca thảnh-thót (1) điệu vui tươi !

Trời nóng như đốt mà ngọn gió nhẹ-nhàng thổi qua chòm liễu mát mẻ ở bờ sông.

Kìa, trâu kìa ! Quả thật nó không sai. Nó đứng một mình sừng-sựng ; nó không trốn tránh vào đâu nữa được. Tướng mạo oai-nghi với đôi sừng lẫm liệt, họa-sĩ nào vẽ được tướng trâu ?



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ ba : « ĐÃ THẤY TRÂU RỒI »**

Nói «người tìm trâu đã thấy được trâu» là ám-chỉ người học đạo đã thấy được tâm mình. Nhưng mà, đây là thấy cái «Vọng-tâm» hay là cái «Thú-tánh», chớ chưa phải là «chân-tâm» hay là cái «Phật-tánh» đâu. Tuy vậy, «vọng-tâm» hay «thú-tánh» cũng không ngoài «chân-tâm» hay «Phật-tánh» mà có.

(1) Thanh-thót : lảnh-lót.

Theo dấu chân trâu mà gặp được trâu ở một chỗ nào : Như trâu đương lặn hụp tại sông sâu nước chảy, trâu đương nằm vũng tại ao bùn lầy nước đọng, hoặc trâu đương ăn lúa giữa đám ruộng xanh hay là trâu đương giậm đạp lên mầm sanh sống của bá-tánh, vân. vân... cũng như dò-la sự ưa thích của tâm mà nhận định được tâm mê nhiễm ở trần cảnh nào : Như tâm đương đắm nguyệt say hoa, tâm đương chơi tiên giỡn tiền, hoặc tâm đương chén tạc chén thù hay tâm đương say túy-lúy, vân. vân... là sự tìm kiếm đã có kết-quả : « Tìm trâu đã thấy được trâu» cũng như «tìm tâm đã thấy được tâm».

Biết rằng mục - đích chính của người tu giải-thoát phải làm sao chứng cho kỳ được «chân-tâm». ngộ cho kỳ được «Phật-tánh» mới gọi là rốt ráo viên-thành, mà nay, tuy mới nhận định được «vọng-tâm», «thú-tánh», song cũng đã tiến thêm một bước nữa trên con đường tu-hành.

Nói tóm lại, bài thứ ba «Đã thấy trâu rồi» là ám-chỉ người học đạo đã nhận được cái «thú-tánh hay là cái «vọng-tâm» đều là giặc phá giới ; nó cứ tạo các điều hung-ác và sanh khởi ra các niệm không lành làm nhân cho Phật-tánh lu mờ, làm duyên cho chân-tâm ẩn khuất. Nhận định được rõ ràng như thế mà dứt-khoát buông bỏ vạn duyên, không sanh một niệm, chính là điều-kiện quyết-định đầu tiên của sự tìm cho kỳ được «Chân-tâm», ngộ cho kỳ được «Phật-tánh» vậy.




**Bức tranh thứ tư : «ĐÃ BẮT TRÂU ĐƯỢC RỒI»**

*GIẢI NGHĨA : «Kẻ tìm trâu đi đã bao ngày và đã bao lần lạc lối trong rừng sâu ; giờ đây, anh tìm được trâu và đã nắm được dàm nó rồi. Nhưng vì lẽ ràng cuộc đời ngoại cảnh còn trêu ghẹo với bao nhiêu áp-lực cám-dỗ ngọt bùi, anh thấy trâu còn bè óng vặn nài mãi. Nào nước trong, nào cỏ non, trâu còn bao nhiêu thèm muốn. Bản-lĩnh rừng-rú nghênh-ngang đã quen, dễ gì nó xuôi theo ý muốn của người dắt nó. Nếu muốn cho trâu hoàn-toàn tuân-phục uy-lực của mình, tức mình không nên ngại cầm roi sửa dạy».*

**Bài thơ thứ tư : « ĐÃ BẮT TRÂU ĐƯỢC RỒI »**

*Chí sắt đá với lòng cương-quyết,*
*Trải gian-lao nay đã nắm dàm.*
*Nhưng trâu bản-tánh chưa thuần,*
*Ý hoang, tính nghịch trăm phần nghênh-ngang.*
*Đã có lúc giựt phăng chạy thẳng,*
*Lên sườn non đủng-đỉnh dong chơi.*
*Rồi tuông mất hút tức thời,*
*Sương mờ bặt dấu núi đồi mênh-mông.*



**Giải nghĩa bài thơ thứ tư :**
**« ĐÃ BẮT TRÂU ĐƯỢC RỒI »**

Với cương-quyết của ý-chí sắt đá, người chăn trâu rốt cuộc rồi cũng chế-ngự được. Mà phải biết : ý-chí hoang dại của nó, cái tánh rừng ương-ngạnh của nó không phải vừa. Trên đường dắt về, biết mấy lần nó giựt sút dàm chạy thẳng vào rừng, trèo ngay lên sườn núi. Trong đám sương mù nó đã biến dạng. Mất nữa !

**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thơ thứ tư :**
**« ĐÃ BẮT TRÂU ĐƯỢC RỒI »**

Kiếm trâu hay tìm tâm phải trải qua hai giai-đoạn cần-thiết : Trước hết là tìm dấu chân trâu, kế đó theo dõi dấu chân trâu cho đến khi gặp được



trâu ở một nơi nào cũng như dò-la trạng-thái của tâm hướng về trần cảnh nào mà mê-nhiễm, tức là sự sưu tầm có kết-quả : «Đã thấy được trâu» cũng như «đã gặp được tâm».

— Mục-đích chính của sự tìm kiếm nầy để làm gì ? — Nếu không phải bắt trâu chăn giữ huấn-hóa cho nó trở nên hiền lành cũng như câu-thúc tâm, kềm-chế không cho nó tự-do gây tạo các nghiệp ác thì còn gì nữa ư ?

Quyết bắt cho được con trâu khổng-lồ, ngoan-cố để mà chế-ngự là một việc rất khó mà mục-đồng bé con làm được dễ-dàng ; vì mục-đồng biết dùng «tứ nhiếp pháp» (1) cảm-hóa trâu. Thoạt tiên mục-đồng cho trâu ăn cỏ non, uống nước trong ; ấy là «bố-thí». Kế đó mục-đồng vỗ-về trâu bằng lời êm-dịu, hiền-hòa ; ấy là «ái-ngữ». Rồi mục - đồng tìm phương-thế làm lợi-ích thêm cho con trâu bằng hành-động hay tâm ý, ấy là «lợi hành». Sau cùng, mục-đồng thường sát thân sống chung với con trâu ; ấy là « đồng-sự ».

Câu-thúc tâm viên ý mã (2) của mình lại để

---

(1) Bốn phương-pháp nhiếp-thủ chúng-sanh, cảm-hóa người và vật trở về với mình : bố-thí, ái-ngữ, lợi hành, đồng-sự.

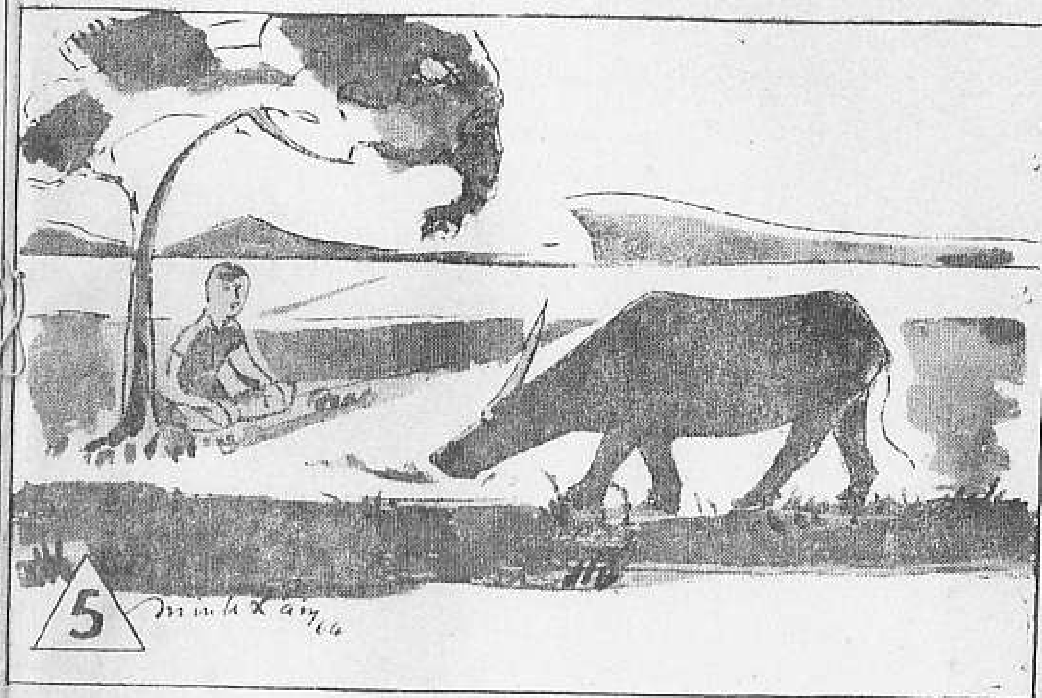
(2) Vượn lòng, ngựa ý đều là vọng-tâm.

kềm-chế không cho nó gây tạo các ác-nghiệp là một việc hết sức khó-khăn mà người đời không ai làm được, ngoại - trừ các Phật-tử thuần-túy chuyên-tu « tham-thiền » hay là « niệm Phật ».

Nói tóm lại, bài thứ tư « Đã bắt được trâu rồi là ám-chỉ đã câu-thúc được tâm (vọng-tâm) ».

Mục-đồng bé bỏng mà bắt được trâu to lớn và chế-ngự được trâu hung-ác dễ-dàng vì mục-đồng có trí-huệ biết áp-dụng « tứ nhiếp pháp ». Cũng như người học đạo giải-thoát có thể câu-thúc được vọng-tâm và điều-phục được tâm viên ý mã ; vì người tu-sĩ biết dụng-công « tham-thiền » và « niệm Phật » mới buông bỏ được tất cả vạn duyên.






**Bức tranh thứ năm : « THẢ TRÂU ĂN CỎ »**

*GIẢI NGHĨA : Một tư-tưởng nảy ra, mang theo tư-tưởng kế, rồi như vậy mãi mãi, đánh thức cả chuỗi dài tư-tưởng vô-tận. Chỉ nhờ giác-ngộ, hiện-tượng nầy mới nhường chỗ cho chân-lý. Chớ lúc nào cái giả, cái hư còn chế-ngự tâm ta thì mù mờ vô-minh còn làm chủ. Vạn vật khắc hại ta, không phải chỉ vì bản năng của vạn vật là thế, mà chỉ vì tâm-linh ta nó gạt ta mà thôi. Vậy khi nắm được trâu, không nên nới dàm thả mũi. Phải cầm cho chặt, không bao giờ thờ thởng dễ-duôi.*

**Bài thơ thứ năm : « THẢ TRÂU ĂN CỎ »**

*Tay roi, tay siết chặt dàm,*
*Những e trâu lại lấm bùn vướn gai.*
*Được chăm sóc ngày ngày dễ khiến,*
*Rồi đến khi tánh hết rông-rài (dông dài).*
*Không dàm chắc, không roi tay,*
*Luôn ngoan, trâu vẫn hằng ngày bên ta.*



**Giải nghĩa bài thơ thứ năm :**
**« THẢ TRÂU ĂN CỎ »**

Tay phải cầm roi luôn, tay phải siết chặt dàm luôn, vì e rằng trâu còn dại mang chạy vào chỗ bùn lầy. Nếu được săn sóc, chăn giữ kỹ-lưỡng, trâu sẽ sạch-sẽ và dễ khiến. Rồi đến một lúc nào, dầu không dàm không roi, không cần siết buộc, nó cũng theo ta.



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thơ thứ năm :**
**« THẢ TRÂU ĂN CỎ »**

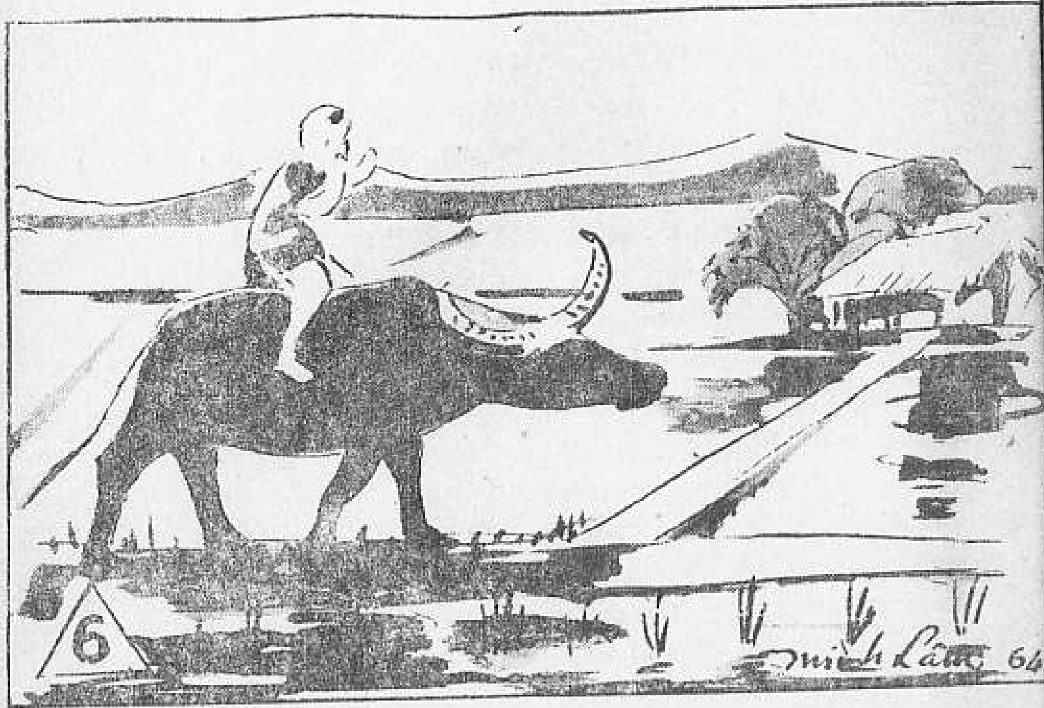
Mục-đồng tuy là thả trâu ăn cỏ mà còn giữ chặt dây mũi và chực sẵn roi tay ; vì mục-đồng dư biết trâu hoang-dã đã lâu, thú-tánh phá-phách nhiễm sâu, không kềm-chế khích-khao, chắc gì tật cũ trâu



không tái khởi ! Quả thật : thỉnh-thoảng trâu giằng co ướm chạy. Khi đó, mục-đồng tức khắc nghiêm trừng : tay trái giật mạnh dây mũi, tay mặt đập roi túi bụi, trâu bị trận đòn đau điếng một lần tởn đến già. Cũng như thế ấy, người học đạo giải-thoát muốn câu-thúc vọng-tâm phải khép mình luôn luôn vào khuôn khổ «giới-luật». Tuy nhiên, buổi đầu tu-tập, hầu hết Phật-tử đều có phạm giới, nếu không phạm giới trọng cũng phạm giới khinh. Nhưng phải can-đảm thú tội ra rồi thành tâm sám-hối. Và để ngừa sự tái phạm, cứ mỗi kỳ nửa tháng, sau ngày lễ sám-hối, Phật-tử cần dự lễ Bố-tát, nghe tụng các giới của mình đã thọ. Nhờ sự nhắc nhở thường xuyên ấy, người Phật-tử biết đau khổ khi thấy mình lỡ phạm giới, biết hổ-thẹn khi thấy mình trì giới không được thanh-tịnh, biết sợ tội lỗi mà không dám phóng tâm buông lung.

Nói tóm lại bài thứ năm : « Thả trâu ăn cỏ ». Phàm chăn giữ trâu không bao giờ được nới dàm thả mũi, mặc dầu khi dắt trâu đi ăn ; vì một phen trâu sút chạy rồi, rất khó tìm bắt lại được. Cũng như thế, người Phật-tử phải luôn luôn giữ giới-luật cho nghiêm-trang ; vì tâm mình thường hay dối gạt mình, nên chi khế kinh nói : « Khi nào chứng được quả A-la-hán rồi mới dám tin tâm mình ».






**Bức tranh thứ sáu : « CỠI TRÂU VỀ NHÀ ».**

*GIẢI NGHĨA : Cuộc chiến-đấu đã chấm dứt. Giờ đây, lợi cũng bất lợi đã là bất thành vấn-đề. Không chèo-kéo, bên xô tới bên trì lui nữa. Kẻ tìm trâu đã cỡi trâu được rồi. Anh ta ca hát, hát những điệu mộc-mạc của lão tiều-phu, những vọng ngây-thơ của lũ trẻ trong làng. Ngồi trên lưng trâu, đôi mắt anh chăm nhìn vào những gì không còn là thế-sự nữa. Thậm chí có ai gọi anh, anh cũng không ngoái lại xem : anh không còn ham-mê khoái-lạc của trần-gian mà phải dừng bước trên đường về nhà nữa.*



**Bài thơ thứ sáu : « CỠI TRÂU VỀ NHÀ ».**

*Về thong-thả cỡi mình trâu,*
*Trong sương đưa khúc sáo chiều vọng không.*
*Điệu chất-phác đầy lòng thư-thái,*
*Giờ thênh-thang không bận thế-trường.*
*Ấy người đã đạt đã tường,*
*Nói chi, chi dễ, dễ thường tỏ ra?*



**Giải nghĩa bài thơ thứ sáu :**
« CỠI TRÂU VỀ NHÀ »

Trên lưng trâu, chậm-rãi anh cứ cho đi, đi ngay về nhà anh. Tiếng sáo của anh thổi nghe nhẹ-nhàng êm-dịu thoảng qua đám sương chiều. Miệng anh hát khúc điệu thanh-tao, lòng anh tràn-trề hoan-hỷ. Anh bây giờ là người đã am-hiểu, cần gì phải nói ra chi ?



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thơ thứ sáu :**
« CỠI TRÂU VỀ NHÀ »

Từ khi tìm bắt được con trâu hoang ngoan-cố và huấn-luyện nó cho đến thuần-thục, mục-đồng phải lắm công-phu nhọc nhằn. Trâu ương ngạnh ỷ vóc vạc to lớn, cậy sức khỏe hung-hăng, quyết chống cự một mất một còn với mục-đồng bé bỏng. Mà ngạn-ngữ

thường nói : « Mạnh dùng sức, yếu dùng chước » và kết cuộc bao giờ « trí-huệ cũng thắng ngu-si » là hiển-nhiên của sự kinh-nghiệm. Chinh-phục được con trâu hung-ác, mục-đồng liền cỡi trâu đi thẳng một nước về nhà vừa hát khúc khải-hoàn hả-hê không quan-tâm đến thế-sự nữa.

Nhưng mà cỡi trâu về nhà nào đây chớ ? — Ấy là về « nhà Như-lai » chính là « nhà Phật ».

Kinh Pháp-Hoa nói : « Vào nhà Như-lai, mặc áo Như-lai, ngồi tòa Như lai ». Nhà Như-lai đây là có nghĩa từ-bi, áo như-lai đây là có nghĩa nhu-hòa nhẫn-nhục, tòa Như-lai đây là có nghĩa tất cả các pháp đều không. Chẳng những không sát, đạo, dâm, vọng, tham, sân, si mà thôi, không luôn cả sáu căn, sáu trần, sáu thức nhẫn đến cái biết không ấy cũng chẳng còn chấp nữa mới là cứu-cánh thanh-tịnh.

Nói tóm lại bài thứ sáu « Cỡi trâu về nhà ». Cái nhà nói đây là nhà Như-lai tức là nhà Phật. Nhà Như-lai thật là vô-tư, bình-đẳng luôn luôn sẵn-sàng đón tiếp tất cả chúng-sanh nào đã tu tròn đủ ba bậc giác : « tự-giác, giác-tha và giác-hạnh viên-mãn ».






**Bức tranh thứ bảy :**

« TRÂU ĐÃ QUÊN, NGƯỜI CÒN VỎN-VẸN MỘT MÌNH »

*GIẢI NGHĨA : Vạn vật là một và trâu là bóng ảnh tượng-trưng. Một khi anh biết rằng lúc anh đi rập thỏ hay cặm câu, vật anh mong bắt được, nhất-định không phải tay lưới hay cần câu, mà là thỏ hay cá. Ví như vàng dã rửa sạch đất, trăng ra khỏi cụm mây, chừng ấy tia quang-tinh duy-nhất của vầng thái-dương chói-lọi đã soi chiếu khắp nơi ngay từ trước thuở khai-thiên tịch-địa.*

**Bài thơ thứ bảy : « TRÂU ĐÃ QUÊN, NGƯỜI CÒN VỎN-VẸN MỘT MÌNH »**

*Đàng về phút đã đến nhà,*
*Người đà nhiên-thản, trâu đà lãng quên.*
*Vầng nhật đã rạng nền trời rộng,*
*Người còn đang trong mộng an lành.*
*Thừng, roi còn đó, bên mình,*
*Lều tranh một mái, êm-đềm nắng mai.*



**Giải nghĩa bài thơ thứ bảy : « TRÂU ĐÃ QUÊN, NGƯỜI CÒN VỎN-VẸN MỘT MÌNH »**

Ngồi lưng trâu, anh đã về đến nhà rồi. Về nhà, bây giờ không còn trâu, chỉ có một mình anh, anh bình-thản vô-cùng !

Sớm mai nầy, mặc dầu mặt trời đã lên cao, mà hình như anh còn mơ-màng hồn-điệp. Dưới mái lều tranh anh ngồi, thanh-tịnh ; roi tay, dây dàm anh dẹp lại một bên vì không cần đến nữa.



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ bảy : « TRÂU ĐÃ QUÊN, NGƯỜI CÒN VỎN-VẸN MỘT MÌNH »**

Con trâu tượng-trưng cái thú-tánh hay là chúng-sanh tánh.



Mục-đồng tượng-trưng cái Phật-tánh hay là tâm Bồ-đề.

Khế kinh nói : « Cái thú-tánh, chúng-sanh tánh và những tội lỗi vốn không thật-thể. Bởi thế, chúng-sanh hung-ác đến bậc nào đi nữa mà một khi biết quày đầu bỏ dữ theo lành thì tội lỗi đều hết. Cái Phật-tánh hay tâm Bồ-đề vẫn còn mãi, mặc dầu nó bị ẩn khuất ở tứ-sanh (1) trong lục-đạo luân-hồi ; nên chi tất cả chúng-sanh đều sẽ thành Phật ở kiếp vị-lai, nếu chúng-sanh biết y theo chánh-pháp của đức Thích-Ca Mưu-Ni Phật đã dạy mà tu-hành ».

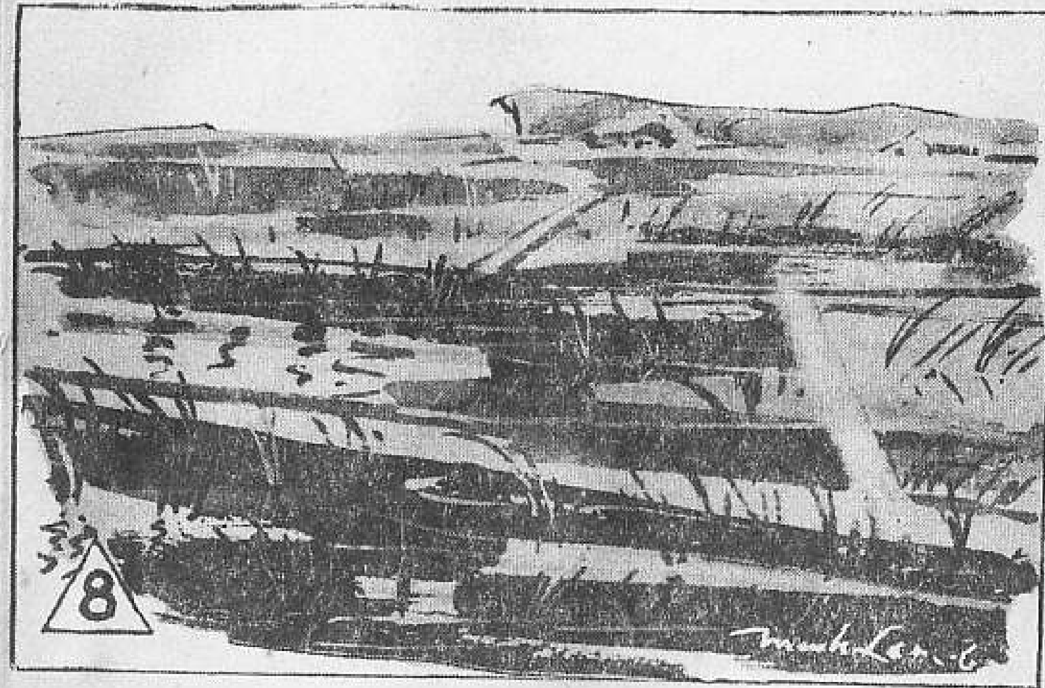
Chú mục-đồng kềm-chế, huấn-luyện con trâu hoang lâu ngày trở nên hiền-lương, thuần-hậu giống in hệt như mục-đồng là ám-chỉ một Phật-tử nhờ minh-sư dạy dỗ trở nên sáng-suốt như ông thầy. Đến lúc nầy minh-sư và đệ-tử đều tương đắc, chủ và tớ đều in nhau như một, nên chi nói « Trâu không còn, chỉ còn vỏn-vẹn mục-đồng mà thôi ». Và trâu đã không còn, thì dây mũi, roi tay mục-đồng há giữ làm chi ?

Nói tóm lại bài thứ bảy « Trâu không còn, chỉ còn vỏn-vẹn mục-đồng ». Con trâu tượng-trưng cái thú-

(1) TỨ-SANH : 1/ Thai sanh : loài đẻ con, 2/ Noãn sanh : loài đẻ trứng, 3/ Thấp sanh ; loài sanh ở chỗ ẩm thấp, 4/ Hóa sanh : loài sanh hóa.

tánh, còn mục-đồng tượng-trưng cái Phật-tánh. Thú-tánh không có thật-thể nên chi chúng-sanh khi biết cải ác tùng thiện thì thú-tánh hay tội lỗi đều hết. Vả lại, thú-tánh không ngoài Phật-tánh mà có nên chi muốn cho Phật-tánh hiện bày phải bài trừ thú-tánh : dứt các điều ác, làm các việc lành và giữ tâm ý mình cho thanh-tịnh.






**Bức tranh thứ tám :**

«TRÂU ĐÃ MẤT, NGƯỜI CŨNG KHÔNG CÒN, MẮT TRẦN KHÔNG TRÔNG THẤY NỮA»

*GIẢI NGHĨA : Mọi hôn-mê đã tiêu tan, tâm bình-đẳng, thanh-tịnh tồn-tại vô-ký vô-tư. Thậm chí đến không còn biết mình là thanh-cao nữa. Anh hết quyến-luyến với nơi nào Phật tại, mà nơi nào không có Phật anh cũng đi luôn. Bây giờ trông anh không còn gì là nhị-nguyên tương-đối, thiện ác, dưới trên, cao thấp. Dầu ai có đến muôn ngàn thần nhãn cũng không tìm được chỗ nào là không đồng-nhất. Cao cả nào, thanh-cao nào mà còn có bầy chim ngoan bay đến dâng hoa như ở nước Thiên-đàng, đó chỉ là chuyện giỡn đùa của trẻ con vậy.*

**Bài thơ thứ tám :**
**« TRÂU ĐÃ MẤT, NGƯỜI CŨNG KHÔNG CÒN,**
**MẮT TRẦN KHÔNG TRÔNG THẤY NỮA**

*Đều êm-ả trống-không lặng ngắt,*
*Người, trâu, roi đều vắng bóng hình.*
*Mấy ai phút bỗng đạt thành,*
*Suốt thông thiên địa rộng nhìn thênh-thang.*
*Đời há có tuyết trên lửa đỏ,*
*Nhưng một khi có được duyên lành.*
*Tâm bình-thản đã đạt thành,*
*Đó là triệu-cứ tinh-thần Thầy xưa.*



**Giải nghĩa bài thơ thứ tám :**
« TRÂU ĐÃ MẤT, NGƯỜI CŨNG KHÔNG CÒN,
MẮT TRẦN KHÔNG TRÔNG THẤY NỮA ».

Thảy thảy đều trống rỗng : roi tay, dây dàm, con trâu, mục-đồng thảy đều trống rỗng. Mấy ai nhất-lãm mà đã thấy cả thiên địa mênh-mông !

Dưới đời nào có tuyết sa trên đống lửa hồng !

Trạng-thái viên-thành nầy đã đạt, đó là minh-chứng rằng tinh-thần của Thầy xưa kia đã đạt.



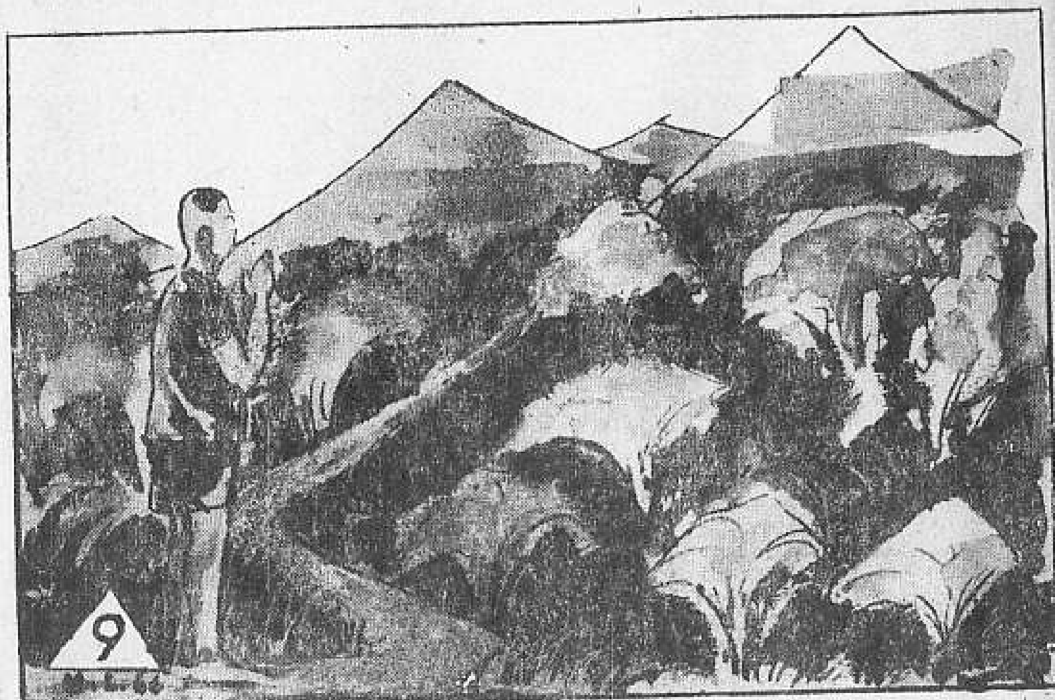
**Giải thâm mật ý - nghĩa bài thứ tám « TRÂU ĐÃ MẤT VÀ MỤC-ĐỒNG CŨNG KHÔNG CÒN».**



Sau một thời-gian kềm-chế, huấn-luyện, con trâu hoang hung-ác trở nên hiền lành giống in như chú mục-đồng, tức là trâu đã hóa thành mục-đồng. Đến lúc nầy, thầy trò đã hợp nhất : học trò đã được như thầy, thì chẳng cần phải kềm-chế nữa mà được tự-do, tự-tại. Mục-đồng mới (con trâu) nhận thấy lúc mình còn mê thì phải nhờ thầy (mục-đồng cũ) hóa độ ; và mục-đồng cũ (thầy) cũng nhận rõ bổn-phận hóa tha của mình đã xong, thì những dụng-cụ chế-ngự con trâu như dây mũi với roi tay đã hết cần đến, tức là Ngã, Pháp đều không.

Nói tóm lại bài thứ tám « Trâu đã mất và mục-đồng cũng không còn. » Con trâu đã tu-luyện lâu rồi có trí-huệ như mục-đồng, tức là chúng-sanh đã có trí-huệ như Phật. Người Phật-tử khi nhận rõ thân người, thân chúng-sanh và thân các pháp đều vô-ngã, tức là đã ngộ được « nhân không » và « pháp không ».






**Bức tranh thứ chín :**

«TRỞ VỀ NGUYÊN-THỈ RỒI LÀ ANH ĐÃ TRỞ VỀ NGUỒN»

*GIẢI NGHĨA : Ngay hồi sơ khởi, anh đã là trong trắng thanh-tịnh hoàn-toàn, không chút gì nhơ bợn. Giờ đây, bình thản anh nhìn qua những gì còn đeo mang sắc tướng tức là còn mắc trong vòng sanh sanh diệt diệt. Mặc dầu thân tâm anh nó vẫn còn đó, vẫn là anh, nhưng hoàn-toàn anh đã hồn-nhiên đặt anh vào vòng phi-ngã. Một khi anh đã bước ngoại vòng ảo kiến của cuộc triền-miên dời thay thay dời, thì cái trò tự-chế thân tâm còn có nghĩa gì nữa ! Dưới chân anh dòng nước trong vắt từ từ chảy, trước mặt anh rặng núi xanh sừng-sựng chọc trời, anh ngồi, anh nhìn vạn vật còn đang chịu định-luật biến-dịch vô-thường.*



**Bài thơ thứ chín : « TRỞ VỀ NGUYÊN-THỈ RỒI LÀ ANH ĐÃ TRỞ VỀ NGUỒN »**

*Trở về, trở lại tận nguồn,*
*Luận như thế ấy là đường vô-minh.*
*Như mù mắt không nhìn ngoại cảnh,*
*Tự điếc tai không thính mảy may.*
*Càng không chao động càng hay,*
*Người ngồi tĩnh tọa việc ngoài xem không.*
*Kìa ngọn nước xuôi dòng chảy xiết,*
*Chảy về đâu, ai biết cho không ?*
*Và hoa tươi nở bên đồng,*
*Mặc ai phô thắm, đua hồng mặc ai ?*



**Giải nghĩa bài thơ thứ chín : «TRỞ VỀ NGUYÊN-THỈ RỒI LÀ ANH ĐÃ TRỞ VỀ NGUỒN».**

Trở về nguyên-thỉ, trở lại tận nguồn, nói như vậy thật là không đúng. Ở ngay tại nhà đây mà được điếc, được câm, không còn bị chao động chút nào, há chẳng đúng hơn hay sao ! Ngồi yên trong lều, anh không còn hay biết gì ở bên ngoài cả.

Kìa dòng nước trong đang chảy. Đâu nào ? Ai thấy ?

Kìa dám hoa hường xinh đẹp tốt tươi. Hoa ấy nở cho ai ?

## Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ chín :
## «TRỞ VỀ NGUYÊN-THỈ».

Nói trở về nguyên-thỉ nghĩa là trở về nguồn. Chữ nguồn ở đây ám-chỉ cho « Chân-tâm ».

Chân-tâm vốn thanh-tịnh, như như bất động, thì làm gì có đi đâu mà hòng trở về ? — Trên thực-tế chúng ta thấy nước tại nguồn khi phát chảy ra thì cứ từ trên cao đi mãi xuống thấp, không bao giờ từ thấp nước tự chảy ngược trở lại nguồn. Hơn nữa, khế kinh nói : « Chân-tâm không bao giờ biến đổi mặc dầu hay tùy duyên, như ở Phật, chân-tâm không thấy thêm cũng như ở chúng-sanh không thấy bớt ». Bởi cớ, sau bảy thất tư-duy dưới cội Bồ-đề, đức Thái-tử Sĩ-đạt-ta chứng được quả Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni, ngài liền thốt ra một lời rất quan-hệ rằng : « Lạ thay ! lạ thay ! tất cả chúng-sanh đều có đức tướng, trí-huệ Như-lai, chỉ vì vọng-tưởng chấp trước, không thể chứng được. Nếu lìa vọng-tưởng chấp trước thì Thanh-tịnh-trí, Tự-nhiên-trí, Vô-sư-trí tự-nhiên hiện-tiền ». Thí dụ như cái gương sáng bị bụi bám lu mờ. Khi lau gương, phủi bụi sạch rồi, gương sáng chiếu soi tất cả vạn vật ». Thế thì tu-hành thành Phật, thực-sự chúng-sanh không được cái gì mới lạ khác hơn là cái « chân-tâm » hay « Phật-tánh » của chúng-sanh đã sẵn có từ vô-thỉ vậy.



Nói tóm lại bài thứ chín « Trở về nguyên-thỉ hay trở về nguồn. Chữ nguồn ám-chỉ cho « Chân-tâm ». Chân-tâm vốn vô-khứ vô-lai (không đi không đến) thì làm gì có trở về ? Hơn nữa, chân-tâm ở nơi Phật cũng như ở nơi chúng-sanh đều không sai biệt, hơn kém chút nào, mặc dầu chân-tâm hay tùy duyên, nhưng mà lại bất biến. Bởi cớ, khi chúng-sanh tu thành Phật không thấy được cái gì mới lạ hơn ngoài cái « chân-tâm » của chúng-sanh đã sẵn có từ lâu.






Bức tranh thứ mười :
«ANH ĐÃ BƯỚC VÀO TỊNH-QUỐC,
HAI TAY RẢI PHÚC XUỐNG TRẦN»

*GIẢI NGHĨA : Cửa lều anh đã đóng, người có mắt tinh suốt đến đâu cũng không nhận ra anh được. Không ai biết được nguồn sống nội-tâm của anh giờ đây như thế nào vì lẽ là anh đã tự vạch một con đường riêng cho anh chớ không dám theo dấu mòn của hiền nhân thuở trước. Vai mang bình bát, tay nương gậy tre, anh rảo bước ra thành rồi về lều anh thường bữa. Lắm khi người ta thấy anh cùng đi với người trước kia là bợm rượu chè hay là hàng đồ-tể mà nay cùng với anh đã trở nên Phật rồi.*



**Bài thơ thứ mười :**
**«ANH ĐÃ BƯỚC VÀO TỊNH-QUỐC,**
**HAI TAY RẢI PHÚC XUỐNG TRẦN»**

*Chân đi đất rảo lần xuống chợ,*
*Ngực thả trần, thân những bụi bùn.*
*Mà luôn hỷ lạc thư-nhàn,*
*Cần chi phép lạ thánh-thần mới hay.*
*Kìa tiết hạ cành khô nắng cháy,*
*Tay người rờ phát nảy muôn hoa.*



**Giải nghĩa bài thơ thứ mười :** «ANH ĐÃ BƯỚC VÀO TỊNH QUỐC, HAI TAY RẢI PHÚC XUỐNG TRẦN»

Ngực thả trần, chân đi đất, anh rảo bước ra chốn đô hội ngoài thành. Thân hình lem-luốc đầy bùn bẩn tro bụi, anh vẫn hồn-nhiên vui tươi hỷ-lạc ! Có cần gì phép lạ của chư thần ! Vì chỉ bàn tay anh rờ đến, tức thì cây khô đơm hoa tươi tốt !



**Giải thâm mật ý-nghĩa bài thứ mười :**
«ANH ĐÃ BƯỚC VÀO TỊNH QUỐC,
HAI TAY RẢI PHÚC XUỐNG TRẦN»

Đã xác-nhận được tất-cả sự vật ở trên thế-gian đều là mộng-ảo, huyễn-hóa, không có thực-thể, người

Phật-tử quyết - định dứt hết vạn duyên thẳng đến tịnh-quốc. Vào nhà Như-lai thái - bình, thanh - tịnh, người Phật-tử thấy Phật rồi liền chứng được ngôi « bất thối Bồ-tát. Khi ấy người Phật-tử mới đủ khả năng thực-hành đúng như lời đại-thệ của mình đã phát nguyện trong khi cầu đạo Bồ-đề: « Tôi nguyện vào cõi ngũ-trược ác-thế trước nhất để hóa độ chúng-sanh đồng thành Phật-đạo » nên chi mới nói: « Anh đã bước vào tịnh quốc, hai tay rải phúc xuống trần ».

Nói tóm lại, đã vào tịnh quốc và chứng được ngôi «bất thối Bồ-tát rồi», người tu hạnh Đại-thặng mới vào ngũ trược ác-thế hóa-độ chúng-sanh cang-cường được kết-quả tốt : tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Trái lại thì phần tự giác cũng khó bảo-đảm huống nữa là giác tha Bằng chứng, hiện nay, trong thời-kỳ mạt-pháp, thấy có nhiều người hoài bảo tâm đại-bi muốn đem Phật-pháp cứu độ người đời, liền lẫn lộn đồng-sự với các tầng lớp chúng-sanh. Những tưởng chuyển được chúng-sanh, nào dè đâu phải bị chúng-sanh chuyển lại. Thương thay ! thương thay !

---

# MỤC-LỤC